

THANH NGHI!

TẾT
GIÁP
THÂN

JANVIER 1944

SỐ 51, 52, 53, 54

GIÁ: BA ĐỒNG

MỤC LỤC

Giải thoát trong đau khổ

VŨ ĐÌNH HỒ

Nay và Mai: ý kiến và cảm tưởng

về những hoạt động tinh thần

Việt Nam

ĐÌNH GIA TRINH

Bài ca di hĩa (thơ)

VŨ HOÀNG CHUÔNG

Chú thím (truyện ngắn)

HƯƠNG MINH

Rượu bệnh (truyện ngắn)

NGUYỄN TUÂN

Thơ lưỡng tính

PHẠM VĂN HẠNH

Cảnh biên thùy (truyện ngắn)

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

Hồng Diệp (kịch thơ)

VŨ HOÀNG CHUÔNG

Lưu lạc (kịch của Trần Lâm)

ĐẶNG THÁI MAI dịch

Lịch và lịch đời Lê

HOÀNG XUÂN HẪN

THƠ

XUÂN DIỆU

Hát cửa đình (âm nhạc)

NG. XUÂN KHOÁT

THƠ

HUY CẬN

Pháo thờ

NG. NGỌC MINH

Thế giới trong năm vừa qua

ĐỖ ĐỨC DỤC

ĐẦU NĂM NÊN MUA VÉ SỔ SỞ ĐÔNG-PHÁP

Chúng ta nên tiết kiệm hết sức trong dịp tết này để
giúp vào các công cuộc cứu tế xã hội

XUAN GIAP-THAN

VŨ ĐÌNH HOÈ

GIẢI THOÁT TRONG DAU KHỔ

*B*ẦU giờ ảm đạm.

Ánh thiếu-quang yếu ớt cửa làm tan bóng tối âm thầm phủ trên bao cảnh thế lương. Ở chân giờ, sương mù mờ mịt, tiềm tàng nhiều bí ẩn và nặng trĩu những lo âu.

Xuân về giữa lúc bao sinh linh quặn quai vì những vết thương chưa hàn, bao gia-đình hủ hắt trong yên lặng nặng nề của màu tang chế.

Giữa lúc mọi lâm hồn còn bàng hoàng trước những việc xảy ra

* *

Song ta hãy cố gắng vượt lên những niềm riêng của cá nhân. Hãy cố gắng dẹp một bên lòng những ưu tư đối với bản thân và đoàn thể-tử.

Đề nhìn rộng ra cả Đoàn - thể, Đề nhằm tới một đích cao hơn những đường lối tầm thường.

Đề cảm thông một ý nguyện chung :

— « Nghĩa » công là trọng niềm tây sá nào !

Thì tức khắc ta sẽ vui vẻ nhận những việc xảy ra như một hạnh phúc.

Và ước mong những việc mạnh hơn, mang lại cho ta **MỘT HI VỌNG LỚN.**

* *

— « Chưa sống kẻ nào chưa đau khổ »

Một dân-tộc cũng vậy. Trong đời hoạt động cũng như trong đời tình cảm.

Liều độc được kích thích cơ thể để chống với bệnh nặng, nếu cơ thể chịu đựng được sức chuyển vận của chất thuốc. Tai họa khủng khiếp kia làm rung động cả não cân, nếu thần kinh-hệ không bị rối loạn, sẽ gây cho cá - nhân một sức phản động để chống chọi với tai ương.

Giữa bọn người cùng chung một số mệnh, ách vận sẽ làm nảy mối tương lân và thắt chặt giây thân ái.

G Hoạn nạn gây sự đoàn kết.

I Đoàn kết sức phẫn động của cá - nhân thành một ý chí chung
quá quyết vượt lên cảnh ngộ.

A Những điều linh cùng chia sẻ sẽ kết chặt mọi từng lớp dân
chúng thành một khối duy nhất, dựng một sức phấn đấu mãnh
liệt.

I Cái dân tộc lẫn sinh lực súc tích này (1) nhờ ách vận sẽ
chứng tỏ sức sống của mình.

T

*
* *

H Đều vượt lên cảnh ngộ, dân tộc ấy không thể trông ở những sức
mạnh vật chất không sẵn có, không thể trông ở những hứa hẹn mơ
hồ tự dưng đưa lại.

O Chỉ có thể và chỉ nên tin ở lực lượng riêng của mình, ở cái lực
linh-thần; — di sản quý hóa của bao nhiêu đời hoạt động, — sôi trong
lòng giọt máu, tích lũy trong mỗi tế bào, là cái cốt tủy từ mấy
nghìn năm chung đúc.

T Sức mạnh ấy là Sinh-tồn-lực của Đoàn thể,
T — Như mọi chất hóa học, sinh-tồn-lực sẽ kết tinh bằng những cố
gắng liên tiếp trong yên lặng với sự giúp sức của thời gian.

R Nó cũng có thể kết tinh bởi sự kích động mãnh liệt và đột ngột
của ách-vận,

O Trong trường hợp sau, cuộc cấu tạo sẽ nhanh chóng, nhưng
N phải đổi bằng Đau khổ.

G Đau khổ mà chinh-phục được cảnh-ngộ, thì sự kích động kia hẳn
phải được coi là một hạnh phúc, và tất nhiên người ta phải ước mong
sự kích động ấy.

D Ta đợi và ta hi vọng vì sự kích động đã bắt đầu.

..

A Sinh-tồn-lực của nòi giống hãy còn tiềm tàng như sức mạnh của
U nước tiềm tàng trong giòng nước lững lờ trôi ở lòng sông những ngày
yên tĩnh.

K Rồi một hôm, giòng tố nổi lên, nước nguồn đổ xuống, bao nhiêu
H suối nhỏ từ mười phương dồn về một lòng Sông Cái, khối nước khổng
lồ cuồn cuộn chảy xiết, vỡ tan những kè đá, vật vĩa qua thác qua ghềnh

(1) đã có nói trong bài « Sống » đăng ở Số tốt Quí Mùi

NAY VÀ MAI

Ý KIẾN VÀ CẢM TƯỞNG VỀ NHỮNG
HOẠT ĐỘNG TINH THẦN VIỆT NAM

DINH GIA TRINH

TÁC phẩm về thơ ít đi, tác phẩm khảo cứu nhiều thêm ra : đó là một triệu chứng đáng mừng trong *hiện trạng* văn học nước ta. Than vãn, nhớ nhung, sau mấy chục bài thơ góp lại thành một tập rồi thì dễ cũng hết Thi-sĩ Việt Nam hiện đại phần nhiều chỉ là thi sĩ đạo tình (poètes lyriques), kể những cảm xúc của lòng mình, lấy bản ngã làm trung tâm, mà lại vì hoàn cảnh bắt buộc không được sống những cuộc đời rộng rãi ngang tàng, nên hội thơ họ như gần gũi. Thơ phải cần sông sáo vào đất khác mới mong nảy nở phong phú. Thơ đã vào đất kịch, và muốn hùng tráng, nhưng nó chưa bỏ được ngớ ngẩn và còn mang rớt của lãng mạn than vãn. Mấy nhà thơ trẻ tuổi đang thử sức mình, đã xuất bản những cuốn *thơ* đầu đề nhạt nhẽo mà chẳng mấy ai đọc tới. Một số thi-sĩ cách đây một vài năm có tiếng tăm, dạo này hầu như yên nghĩ cả. Có lẽ đó là sự lặng yên phong phú trong khi ấy các tác giả đang mài châu rùa ngọc, ta mong thế. Cũng lại có lẽ là thời-bồng bột yêu thơ đã qua, mà tình thế hiện thời với tâm trí người ta nghĩ đến và ưa những hoạt-động khác của linh hồn. Ông Thế Lữ soay nghề diễn kịch, muốn là một tài-tử sân khấu và cho nghệ thuật diễn kịch một địa-vị. Một vài nhà thơ khác hình như bận kinh doanh, việc bàn giấy hoặc là bận thi cử nên đã trở biếng với năng thơ. Tuy vậy, các thi sĩ không phải là dừng hẳn hoạt động đầu, và chắc họ sẽ còn hiến ta nhiều thi phẩm khác nữa. Một danh sĩ Tây Phương đã nói : « Thơ không chết được », tất phải thực là thế. Xuân Diệu hứa hẹn trên báo một thi phẩm gì đó (Trường ca — Thời đại xuất bản), và tự ở trong miền Nam Trung Kỳ, thi sĩ Phạm văn Hạnh vừa có nhã ý gửi làm quà cho tôi cuốn « Giọt sương hoa » (xuân) thơ bằng văn xuôi đọc có một phong vị lạ và không

thường. Những « Thu » những « Mây », thơ còn mơ mộng lắm.

Tiểu thuyết vẫn đủ cho người nhàn rỗi đọc và để cho người có việc giải trí lúc rảnh. Vì, không phải bất kính với các tiểu thuyết gia, thực tiểu thuyết Việt Nam cận đại vẫn không có đặc sắc gì ngoài mấy tác phẩm đã được đại công chúng chú ý và ca tụng mấy năm trước đây của một vài văn sĩ nhóm Tự Lực. Mà những tiểu thuyết có tiếng của những nhà văn nói trên sở dĩ được yêu mến cũng vì khiêu nhậ xét và văn tài của những tác giả của nó chứ thực ra nội dung của chúng vẫn chỉ quanh quẩn quanh mấy đề quan sát cũ trong cái xã hội eo hẹp của chúng ta và mấy vấn đề tâm lý không có vẻ gì là mới mẻ, vĩ đại, hoặc biêu lộ những bản khoản đặc sắc của con người cả (1).

Lịch sử tiểu thuyết vẫn không tiến được tí gì, và một vài tác giả viết nó gần đây hoặc chỉ muốn « làm lịch sử » mà không có tài nghệ gì để che đở cái khô khan của lịch sử (Phan trần Chúc) hoặc chỉ muốn tìm cớ trong lịch sử cho những mẫu chuyện lãng mạn (Lan khai).

Theo cái phong trào bài xích những tình cảm yếu mềm, tiểu thuyết muốn lên mặt đạo đức. Chính những kẻ xưa vẫn viết những chuyện trụy lạc ở tiệm hút và xóm yên hoa và đã bị cái lương tâm của độc giả khinh rẻ, nay soay ra viết chuyện trung chính, (Đủ rõ cái thái độ của họ cũng chỉ là tiểu thuyết). Nhưng mối liên lạc của nghệ thuật và của luân lý vẫn là một vấn đề rất khó giải quyết được khéo léo, ôn hòa, và kể viết văn, vì muốn « rắn đời », thường xa phải cái hồ « ngớ ngẩn, trẻ con ». Tiểu thuyết vẫn thường được

(1) Xem bài « Đọc tiểu thuyết Việt Nam Cận đại » trong Thanh Nghị số 26 ngày 1er Décembre 1942.

đứng đề diễn những tư tưởng, nhưng ta chớ nên quên nó là một mỹ phẩm, mà luân lý làm hại mỹ-thuật, xưa nay thí dụ trong văn chương không phải là hiếm.

Trong số các tiểu thuyết gia, ông Lê Văn Trương vẫn là người sản xuất phong phú nhất. Nếu ông cứ sáng tạo theo nhịp hiện thời thì sau này số tác phẩm của ông có lẽ đến những tiểu thuyết gia Âu Châu có tiếng là đã viết nhiều cũng phải theo sau. « *Thằng con trai* » « *Kẻ đến sau* »... đại khái các tiểu thuyết của ông đều có những tên rầm rộ, sắc cạnh và mạnh như cái « triết lý sức mạnh » của ông. Tư tưởng của ông thì cũng không cao siêu đặc biệt gì cho lắm, và tâm lý nhân vật thường bị cưỡng ép để diễn tả những lý thuyết của tác giả, những loại linh hồn, tính nết mà tác giả quan niệm. Nhưng vẫn ông viết hoạt bát, ông khéo hiển lộ giả những món triết lý không đòi ở họ một sức suy nghĩ to tát gì cho lắm, và lợi dụng cái thị hiếu của người trung lưu, hay tò mò, ham đọc những truyện lắt léo dưới những tin vặt ở báo hàng ngày, nên tác phẩm của ông hấp dẫn được khá nhiều độc giả, bán chạy và làm lợi cho nhiều nhà xuất bản.

Một vài văn sĩ gần đây có viết những thiên tiểu thuyết dụng ý là làm sống lại một vài phần tử của dĩ vãng, một vài hoạt động của cái xã hội cũ mà ngày nay chúng ta như đã hầu quên. *Thanh Đạm* của Nguyễn công Hoan và *Bút nghiên* của Chu Thiên là những thí dụ. Tác giả *Thanh Đạm* muốn tả hành vi của một viên quan đời trước, có đủ các đức tính hay : liêm khiết, sáng suốt, cương trực, yêu dân. Tác giả *Bút nghiên* tả lại đời sống của một anh trò nho từ thuở nhỏ đến lúc đỗ đạt thành danh. *Thanh Đạm* và *Bút nghiên* cả hai đều là những thất bại. Ông Nguyễn công Hoan đã tả một người hoàn toàn quá nên « quan huyện » của ông chỉ như một vai tuồng vụng về và cử chỉ ngượng nghịu, không sống và không tiêu biểu cho một cái gì cả. Tác giả lại tả những hành động, cử chỉ của các nhân vật trong chuyện tỉ mỉ đến ngáy ngợ nực cười. Nhà bình bút Lê Huy Văn, giữ mục « *Đọc sách mới* » trong *Thanh Nghị* đã định giá cuốn tiểu thuyết đó của ông không chút nghiêm khắc nào (*Thanh Nghị* số 44-1er Septembre 1943). Lỗi của tác

giả là đã muốn dùng tiểu thuyết để diễn một quan niệm, mô tả một khuôn mẫu lý tưởng, mà quên rằng nhân vật tiểu thuyết phải có hoạt động ăn nhập với đời sống, và đời sống vừa phiền phức vô cùng vừa là một trường mâu thuẫn lớn. Những nhân vật tâm lý phiền toái của Dostoevsky, nếu ta chế giễu một phần diễn đồ của họ đi, thì chính chúng là những người trong đời thực, sống rồi rạo và mãnh liệt. Ông Nguyễn công Hoan đã thunhặt những đức tính lý tưởng của một người ở một địa vị nào, rồi mặc một bộ áo người cho những đức tính ấy, để con người nhân tạo đó múa nhẩy theo một đường lối vạch sẵn. Sự lăm lặc về nghệ thuật không thể rõ hơn được nữa. Đó cũng là một kết quả xấu của thói muốn răn đời của tác giả. Ông Chu Thiên trong *Bút nghiên* cũng lấy nhân vật tiểu thuyết làm lợi khí để tả cái xã hội học trò nho và khoa sư phạm xưa của ta. Người học trò của ông từ lúc nhỏ, học vỡ lòng đến lúc thi đỗ ông nghề về vinh quy, đó là tất cả quyền truyện. Một thiên tiểu thuyết theo rồi một nhân vật trong một quãng đời giải của họ như vậy đã là một phản bội với nghệ thuật. Sự hoạt động trong truyện lại vụng về : tác giả muốn cho độc giả biết hết cái lối học hành thi cử khi xưa, nên hoàn cảnh, động tác, ngôn ngữ, không vụ tự nhiên, chỉ vụ thích hợp với mục đích phổ bầy của tác giả. Tác giả muốn biện luận về gốc tích và nghĩa chữ « *ông nghề* » ư ? Thế là một người gọi truyện, khơi vẩn đề, rồi người khác đáp, tranh luận, rồi người sau cùng đắc thắng, đó là nhân vật mang ý của tác giả. Một vài nhà văn lúc viết tiểu thuyết thực không bao giờ muốn nhớ rằng mình viết tiểu thuyết !

Kịch nghệ đã dần dần được tôn trọng hơn lên và các kịch sĩ đã có thể tin ở sự nâng đỡ của công chúng, Kịch cũng như tiểu thuyết, có thể trở nên một lợi khí thứ hai của thi sĩ. Thi sĩ làm những bài thơ thường chỉ tả một phần bản ngã của họ mà thôi, trái lại trong tiểu thuyết và kịch họ có thể cho tình cảm, tư tưởng của họ sinh hoạt trong rất nhiều địa vị và hoàn cảnh. Tôi làm thơ nói những rung động, những bút rút này, nhưng sao có linh hoạt được bằng Hamlet, tự đàm thoại với chàng. Tôi yêu, nhưng sao có hoạt động được bằng Roméo dưới cửa sổ của Juliet ? Muses mơ mộng và phiền phức đã ở trong Fantasio

cũng như ta thấy Racine yếu đuối qua Bérénice hoặc Andromaque. Bản ngã ta nhập vào vở người khác, đó là kịch, hay nói cho đúng đẽ là một thứ kịch có màu đạo tình và triết lý. Ông Đoàn phú Tứ sỹ trường về lối kịch ấy và ông đã được giúp đỡ bởi một ngòi bút linh hoạt và tài hoa. Năm vừa đây, trong Thanh-Nghị có đăng vở kịch mới « Ngã ba » của ông sắp in thành sách có dáng điệu rất mới mẻ trong nghệ thuật nước nhà. Ở vở kịch đó có những sen hoạt động thật khá, và những lời đối thoại lý thú, khiến ta nghĩ tới cái văn từ hoạt bát của Shakespeare hoặc của Dostoievsky. Vở kịch triết lý và tượng trưng ấy bố trí thông minh, viết có duyên, đáng coi là một văn phẩm không thường.

Mấy vở kịch thơ viết gần đây là những vở kịch lịch sử (*Hận Phong Khê* của Phạm ngọc Điền, đăng trong báo *Đàn Bà Quán biên thư* của Thao Thao). Để tỏ một sự cố gắng và thử thách tài năng mình thì những vở đó cũng có đôi chút giá trị, nhưng đề trình bày những tác phẩm hoàn mỹ thì các tác giả chưa đạt tới mục đích.

Tình trạng văn chương như vậy cũng không sôn sao lắm. Duy có loại phê bình văn chương gần đây đã có chút khởi sắc. Một vài nhà văn đã gắng sức để đem mới mẻ vào nghệ thuật phê bình. Tinh thần khoa học được tôn trọng hơn, đem theo với nó tính thận trọng, óc phân tích và tổng hợp, sự ưa tìm tòi đến cội rễ. Thực có khác cái thời mà một nhà phê bình cuốn thơ *Cung oán ngâm khúc* khen tác giả cuốn ấy : « *Than ôi, tiền bối thật tay thợ khéo, tô điểm hồng nhan* ».

Ta hãy tạm quên một vài cuốn sách phê bình thực không xứng đáng với danh hiệu của nó mà tác giả là một vài nhà văn quá tự đắc vì mấy bài báo của họ đã được đăng trên một tạp chí do một ông chủ bút để tính chủ trương Quyền « *Nguyễn Du và truyện Kiều* » và bộ « *Nhà văn hiện đại* » là hai tác phẩm đáng được công chúng chú ý hơn cả. Ông Nguyễn bách Khoa đã nghiên cứu về thân thế, cuộc Nguyễn Du và phê bình truyện Kiều trong bố cục, tâm lý các nhân vật và triết lý của nó. Tuy trong phương pháp viết phê bình ở quyền nghiên cứu ấy có một vài khuyết điểm và

nhầm lẫn (1) những cuốn sách đó quá đã có trình bày những kiến thức mới mẻ về quyền thơ bát hủ của văn chương Việt Nam. Bộ « *Nhà văn hiện đại* » (mới xuất bản đến quyền thứ ba) của ông Vũ ngọc Phan cũng là một công trình khảo cứu và phê bình có công phu, viết bằng một thứ văn linh hoạt và khá chau chuốt. Ông L. H. V. đã có dịp nói tới hai quyền I và II của bộ *Nhà văn hiện đại* và có trách tặc giả phê bình tỉ mỉ, quá dựa vào dư luận mà xét các văn gia và văn phẩm, và trích nhiều văn của những nhà văn bị phê bình. Những lời nhận xét ấy cũng có phần đúng sự thực : Bài thơ của Thế Lữ hoặc của Xuân Diệu được ông trích ra cho là hay, ấy cũng là những bài và dự luận dữ cho là thế ; sự phân tích tỉ mỉ thường khi không thích hợp với khuôn khổ những bài khảo cứu ngắn mà dẫu dề rộng của ông. Người ta lại còn có thể nói tác giả bộ *Nhà văn hiện đại* thường có lúc nhân bình phẩm về một cuốn văn, đã viết những lời bàn tán chẳng cần thiết gì cho sự phê bình văn chương cả, tỉ như một người nào đó, khi viết về quyền *Hàn mặc Tử* của Trần thanh Mai, cứ khen ông Trần tả những trạng thái của người có bệnh hủ rất đúng và viện ra cả một đoạn nói về bệnh nhân mắc hủ ở Âu-châu (Thí dụ đoạn nói về quyền *Lục si* của Vũ trọng Phụng, trong đó ông bàn dài giọng về gái mãi dâm và trích dịch những đoạn bàn luận ở báo « *L'oeuvre* »).

Nhưng muốn công bằng, ta phải nhận rằng ông Vũ ngọc Phan đã làm việc với nhiều thận trọng và ông có thể, với thời gian trở nên một nhà phê bình văn học đứng đắn. Ông đã đọc kỹ những tác phẩm của nhiều nhà văn, ông tìm tòi khảo xét công phu, và người ta nhận thấy bộ *Nhà văn hiện đại* đã lấy mất của ông nhiều ngày giờ kẻ cửu siêng năng. Đối với những người viết sách khảo cứu hấp tấp và nông cạn thì tác phẩm của ông có thể coi là một lời cảnh cáo có ích. Khiếu thâm mỹ và trí xét đoán của ông đã tỏ rõ ở ít nhiều đoạn phê bình khéo léo (Những bài nói về các ông Phạm Quỳnh, Trần thanh Mai, Vũ trọng Phụng, Lưu trọng Lư v. v.)

(1) Số có một bài nói về cuốn « *Nguyễn Du và truyện Kiều* » ở một số Thanh Nghị sau.

nhieu hơn trước. Một buổi sáng tung bừng, một buổi chiều lá thu rụng, nhà thi sĩ cảm hứng và làm được một bài thơ. Công việc khảo cứu lâu giải và khó nhọc hơn, bắt người ta phải cặm cụi, phải tìm tòi, phải kiên trì góp nhặt. Montesquieu đã bỏ ra ít nhất là 20 năm để viết quyển *Vạn pháp tinh lý* (*Esprit des Lois*) và những quyển sách khảo cứu của người Âu, ở mọi ngành, đều cũng đã đòi ở tác giả chúng những số năm làm việc gần tương tự. Công việc khảo cứu cần đến sự siêng năng và một kiên tâm lớn của người khảo cứu. Khảo cứu, nói cho cùng, cũng là một thứ sáng tạo: đem làm sống lại những tài liệu mà thế gian ít người biết với những tài liệu lượm được theo phương pháp, đem xây dựng những công trình mới mẻ. Khảo cứu lại đòi ở nhà học giả một học vấn đại cương cao và một học vấn chuyên môn sành sỏi.

Ở xứ ta, những tác phẩm khảo cứu vẫn là một điều tối cần thiết, và từ xưa tới nay trên đàn tư tưởng vẫn có những trống rỗng lớn do bởi sự thiếu thốn các sách khảo cứu. Về văn học, mặc dầu người ta hoạt động hơn ở các ngành khác, những sách khảo cứu phỏng đã có là bao? Kề chi ở Âu-châu, về một thi sĩ, một văn sĩ, một tác phẩm, một thời đại, có biết bao nhiêu công trình phê bình bàn luận. Ở mọi ngành; lịch sử triết học, luật học, khoa học, thực đất còn bỏ hoang thì mệnh mông mà đất đã cấy sỏi, giồng rọt thì là một mảy may chưa đáng kể.

Nói đến lịch sử, thì ngoài quyển *Việt Nam sử lược* của ông Trần trọng Kim (tuy có giá trị, nhưng vẫn là một cuốn sử lược) thì chỉ có những trước tác vụn vặt, không có thống hệ gì, viết với rất nhiều câu thả và không chút phương pháp khoa học. Tôi nhớ vào dịp hội chợ Hà nội năm xưa, thăm phòng triển lãm những tranh ảnh và sách cổ về sử ký Việt-Nam cận đại, tôi bỗng mong ước được đọc một pho sử Việt Nam, khảo cứu công phu, vừa là triều đại sử, chiến tranh sử, văn minh sử, có những bản đồ địa dư, bản đồ trận mạc, hình vẽ và ảnh về những dấu tích và kỷ niệm xưa, tựa như một quyển sử viết theo lối khoa học ở các nước Âu châu. Những quyển sử ký ấy vẫn còn ở trong sự chờ đợi và mong mỏi

chúng ta. Trong khi ấy thì có những cuốn sách tựa *Gốc tích loài người*, *Nhân loại tiến hóa sử*, *Đời sống thái cổ* v. v. ra đời tỏ rõ trình độ kiến thức sơ khai của xã hội ta ở gần giữa thế kỷ thứ 20 này mới có duyên may được đọc những sách ấy bằng quốc văn! Một điều đáng chú ý là triết học hiện nay hình như cũng được đàn chúng triu mến lắm. Cách đây ít lâu, hỏi các hàng sách Hà-nội đã thấy bán hầu hết những quyển sách triết học của « Tủ sách triết học Tân Việt ». Nào Kant, nào Nietzsche, nào Bergson, đọc giả yêu sách đã vỡ cả rồi. Tôi phải ngạc nhiên vì điều những triết học, phải suy nghĩ nhiều mới lĩnh hội được và thuộc vào một thống hệ tư tưởng khác biệt với tư tưởng Á Đông mà sao đọc giả đọc sách quốc văn bỗng lại hoan nghênh nhiệt thành như thế. Nhớ đến các học sinh Pháp cho quyển *Critique de la raison pure* của Kant hoặc quyển *Monadologie* của Leibniz là những sách choáng óc (casse-tête), và một nhà tư tưởng Pháp bình luận về tính cách triết học Đức viết rằng « *đầu người Đức thiên về suy tưởng siêu lý* » (tête métaphysique), mà những sách tư tưởng của người Đức đọc thực khắc khổ. Thế mà đọc giả Việt Nam không cần có những thể hệ tập quán về óc triết lý, không cần một kiến thức đại cương về triết học, bỗng ham đọc Kant, Bergson trong quốc văn. Sự thực thì như thế này: Trong một thời gian công chúng đã bị ngập ngội trong tiểu thuyết phù phiếm ngày nay ham đọc những cái gì nghiêm trang hơn, có đáng điệu một tác phẩm đã được tác giả suy nghĩ nhiều, và sẽ làm cho người đọc suy nghĩ. Những thời khủng hoảng bối rối trong lịch sử thường vẫn kích thích cho người ta ham suy tưởng. Những cuốn sách triết học của ông Nguyễn đình Thi, của ông Tô kiều Phương v. v. số dĩ được người mua nhiều là vì ngoài chúng ra, chưa có những sách quốc văn nào cũng viết về những vấn đề ấy cả, chứ không phải vì một sự tiểu hóa đột nhiên của trình độ trí thức đọc giả, hoặc giá trị đặc biệt của những sách ấy. Vì thực ra thì những cuốn sách triết lý ấy (mà nhà xuất bản quảng cáo với những chữ rất to tát) chỉ là những mô phỏng hoặc phiên dịch khéo léo nhiều hay ít của những thiên khảo cứu Âu Tây, dành cho các tác phẩm của chúng cái công phu (đáng quý) là đã tìm chữ

gò cái để cố diễn đạt nỗi những ý tưởng phiền phức và khó nói cho khúc triết. Cứ đọc lời quảng cáo về cuốn «*Siêu hình học*» thì đủ rõ tính cách đại cương của những sách triết học Tân Việt: «một cuốn sách soạn theo chương trình mới bậc trung học Pháp». Vậy chỉ là những cuốn sách nhắc lại sơ lược bằng quốc văn cho các thí sinh đi thi Tú tài triết học cái chương trình niên học của mình. Ở cuốn *Học thuyết Freud* của Tô kiều Phương còn mấy tác giả nữa hứa hẹn viết về Freud! sự phiên dịch lại còn rõ ràng hơn nữa.

Những sách về triết học ấy bảo rằng ích lợi, không ai cãi, vì nó truyền bá một cái gì đó, và sự truyền bá chân lý nào chả đáng khuyến khích. Nhưng ta không khỏi nhận thấy rằng sự truyền bá ấy không có thống hệ và trật tự, gì cả. Tôi nhớ ở Pháp có những nhà xuất bản trong đó có nhà Mello ée in bán những cuốn sách khảo riêng về một triết gia (như Platon Malebranche, Descartes...) nhưng ở Pháp giáo dục về triết học đã tiến bộ hơn ở nước ta, và độc giả trước khi đọc những cuốn sách đó thường đã hiểu qua loa cái địa vị, nơi chốn, của nhà triết học. Ở xứ ta chưa hề có một giáo dục triết học nào ngoài học đường, hay nói cho đúng ngoai ban triết học ở các trường trung học. Về triết học Đông và Tây cộng chúng đều mờ mịt cả, hoặc biết thiếu thốn, lộn sộn, mập mờ. Những vấn đề triết lý lại thường cần phải suy nghĩ lâu và cần thận mõi mong thấu triết được, nên nếu lười suy nghĩ, người ta thường bỏ qua đi, vì nó thường cũng không quan thiết gì trực tiếp với cuộc sống hàng ngày ở xã hội ta. Có một cuốn sách có cái tên rất hấp dẫn, quyển *Triết học là gì* của Nghiêm Tử (nhà in Hàn-thuyền). Nhưng đó chỉ là một tác phẩm viết do một ý định bài bác và chiến đấu chứ không phải là để phổ thông triết học. Nói đến những sách viết về triết học Đông Phương thì chỉ đáng buồn. Triết

BÀI CA DỊ HÒA

Đêm hỏa tang trần tâm, côi đời nghiêng đổ.

Thịt xương ối, nằm nhè đất oan khiên !

Trần cầu làng làng ngoài cửa mộ

Ta thoát hình nung khói bay lên

Bắc đầu ngang trời bạch lập

Mây chiều nghi ngút tòa sen

Khối kim ó bùng đỏ nên hương đèn

Tịch mịch. Hồi ời công dạ !

Say, ta đốt thời gian trong dị hỏa

Tro tàn nầy thắm quanh bên.

Ngai son trầm mặc sâu Đông Á

Ngủ nụ cười rêu tượng Đế Thiên

Bóng oanh liệt Đồ Bàn Kim Tự

Ai hoài dấu bề tháp cổ miền

Khoảnh khắc bỗng mang mang hồn gạch đá

Rụng muồn đời bi phần máu chim quyền

Bề xanh rử áo tang điền

Tính cầu trở gót

Quay về buổi mới khai thiên

Pháp phối hư không, kia muồn loài hỗn hợp

Trái đất ban sơ nầy khói lửa y nguyên

Ta say, ta đốt.

Ta nằm, ta quên

Và ta nhớ ... thuở lòng ta hỗn hợp

Với Âm Dương, đắm đắm ý dao duyên,

Là đây ngọn lửa đoàn viên

Khói hương tiền sử bèn đèn nao nao

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

những triết học Á Đông lại càng khó diễn đạt hơn nữa. Muốn đem những triết học ấy hiển lộ cho người thì phải viết theo phương pháp của Âu Tây, có đầu mối và mạch lạc, bằng một lối văn giản dị và sáng suốt. Phải một người tài có tâm học vào học cao, mà lại kiêm cả học văn Á Đông nữa mới đương nổi công việc ấy. Hiện nay ta mới chỉ được đọc những biên phiên diễn và bản luận tối tăm và lủng củng. Ai hiểu được những thuyết trong Kinh Dịch qua những trang trong *Nho Giáo* của Trần trọng Kim và triết học Lão giáo qua *Lão Tử* của Ngô-tất-Tổ?

Trong một tình trạng tinh thần như thế mà xuất bản những quyển *Triết học Kant*, *Triết học Bergson*, *Triết học Einstein* (chính ở những nước tân tiến ở Âu-châu, đã mấy ai thấu triết được những thuyết của Einstein? Những quyển sách phổ thông học thuyết của Einstein ấy khó tránh được lỗi phản bội tư tưởng của nhà toán học kỳ tài), nếu đó là một sự phổ thông thì thực là phổ thông thiếu phương pháp và hấp tấp vô chừng. Muốn phổ thông có thống hệ, sao lại không đi từ căn bản, rồi dần dần lên những kiến trúc lớn? Trước khi muốn người ta hiểu Einstein, sao không dạy trước người ta chút toán học, vật lý học, luân lý học và siêu hình học? Và trước khi dạy siêu hình học, sao không dạy tâm lý học đã? Trong học thuyết của một triết gia có những phần dễ và những phần khó. Có những phần học thuyết của Descartes mà một học sinh bậc thường ở lớp triết học hiểu được, nhưng lại có những lý thuyết khác cần phải có suy nghĩ khó khăn hơn và một kiến thức cao hơn mới thấu được, cũng như trong học thuyết Einstein có những phần mà một học sinh đồ Tú-tài toán pháp hiểu được, lại có những phần mà y không hiểu được. Đọc để hiểu tất cả học thuyết của một triết gia, cần phải là một người đã có một kiến thức đại cương về triết học không thấp lắm, điều kiện rất hiếm thấy ở những độc giả chỉ biết đọc quốc văn.

Xưa nay hết viết về triết học Trung Hoa người ta lại viết về triết học Tây Phương (qua những sách kê cứu của người Pháp). Tại sao các nhân tài không dụng công vào những sáng tác đặc biệt có ích lợi trực tiếp cho tư tưởng

chứ không sao lại không bao giờ chữa bệnh về những nền móng của luân lý Á Đông, nhưng học thuyết về luân lý Á Đông, và tính cách của luân lý Á Đông so sánh với luân lý pháp Tây Phương, lại không viết những cuốn sách tìm tòi riêng của các tác giả về một ngành, hoặc một hiện tượng tâm lý, một vấn đề siêu hình học? Ta há lại chẳng có thể kiên thiết, phê phán, kiểm điểm với trí thức của ta sao? Thoát lên trên sự phiên dịch và mô phỏng tóm tắt để phổ thông ta cần phải xây dựng những cái gì thực là sản phẩm của trí thức ta. Nền quốc học của ta chỉ có thể nâng cao tư cách của nó với những công trình như vậy mà thôi.

Các nhà phổ thông triết học thiếu chuyên môn của ta làm việc vội vàng như vậy đó, còn các nhà khoa học thì sao? Họ đã đoàn kết nhau xung quanh tờ báo *Khoa học*, và họ là những người có đảm bảo về kiến thức khoa học. Nhưng vẫn có một điều mà kẻ hữu tâm với nền học nước nhà còn bất mãn, ấy là những công trình biên khảo đặc biệt thì ít, mà những bài phổ thông, phiên dịch và quan sát vận vật thì nhiều. Điều mong mỗi thấy những nhà bác học Việt Nam làm việc ngày đêm trong phòng khảo cứu mê đắm trong hi vọng sáng kiến vẫn chưa thành được thực sự ở xứ này. Những công việc của một số các bạn khoa học gia nước ta, mặc dầu tính cách hơi rời rạc của nó lúc đầu, thực rất là đáng quý. Nước ta cần những nhà kỹ thuật, những nhà chuyên môn, nhưng cũng cần có những kẻ đưa đường dẫn lối để giáo dục quần chúng về khoa học. Sự cố gắng của các khoa học gia ấy để diễn các tư tưởng, lý thuyết, chân lý khoa học ra quốc văn sẽ làm cho tiếng Việt phong phú. Ta trông mong vào các nhà khoa học ấy để tạo các danh từ khoa học và giúp sự rèn luyện cho Việt văn trở nên sáng láng và gọn gàng. Cuốn *Danh từ khoa học*, mới xuất bản của ông Hoàng xuân Hãn là một thí dụ của sự cố gắng đáng làm nức lòng chúng ta, và ông Hoàng xuân Hãn cũng là một trong số những người đi du học Tây Phương về không làm cho công chúng thất vọng. Ta mong các nhà khoa học, ngoài sự khảo cứu khoa học Thái tây cho tăng kiến thức, ngoài sự phổ thông khoa học Âu tây sẽ chú ý tìm tòi, sáng kiến và khảo xét với những nguyên liệu tư

hiện vào cuộc kiến thiết một nền khoa học. Đồng Công chúng sẽ vui sướng lắm nếu được đọc những thiên khảo cứu có những đầu đề như : *Khảo về vật lý học Trung Hoa — Nguyên tắc của chiêm tinh học Á Đông — Nguyên tắc của y học Trung Hoa và Việt-Nam — Toán học cổ của Trung Hoa v. v.*, hoặc những sách khảo về địa chất, động vật, thực vật học một miền, một xứ ở nước ta. Nói về y học ta không khỏi trách các nhà y sĩ thông thái nước nhà sao lại không có cái lòng tham hiểu quảng đại của nhà bác học mà khảo cứu tinh tường cả nền y học cổ truyền của các nước ở Viễn đông nữa, và nở chùm lấp dưới sự che bai khinh rẻ tất cả cái nghệ thuật chữa bệnh của các tiền bối ta khi xưa. Các môn thuốc thần hiệu của ta, sao các nhà y học bác sĩ mới không tìm cách phân chất nó và xem cách tác động của nó trong cơ thể, với những phương pháp tìm tòi màu nhiệm của khoa học Tây phương ? Biết đâu Đông Phương chả có thể chỉ lối đưa đường cho Tây Phương ở một vài địa hạt, ở những chỗ mà y học Tây Phương bất lực, hoặc còn chưa hoàn thiện ?

Về khoa học, tác phẩm viết bằng quốc văn ít ỏi như vậy ta có thể nói những sách khảo cứu về luật bằng quốc văn cũng hiếm như thế và chưa có quyền nào đáng kể. Chỉ mới gần đây luật học ở xứ ta mới được quan niệm như một khoa học phong phú và tinh vi. Trường Đại học Luật ở Đông Dương và các trường Đại học ở Pháp đã đào tạo ra trong khoảng mười năm nay một số đáng kể những thanh niên có thể giúp ích cho sự phổ thông luật học và sự khảo cứu các vấn đề kinh tế và luật pháp của xứ ta. Nhưng tuy vậy những thanh niên nhiệt tâm với sự khảo cứu và sáng tạo để giúp ích cho học thuật vẫn là thiểu số. Trong báo Nam Phong xưa, ông Phạm Quỳnh đã có dịch một quyển kinh tế học của ông Fouzet, và phổ thông một ít cương yếu chính trị và công pháp. Ông Lê Thăng cách đây mấy năm cũng có viết bộ *Dán luật phổ thông*, nhưng tinh cách cuốn sách ấy sơ lược và thực tiễn quá, không có ích lợi gì lắm cho học vấn. Hiện nay trên mặt báo Thanh Nghị và ở tờ *Revue indochinoise juridique et économique* (Đông Dương tạp trí về luật và kinh tế học)

hoặc đặc chủng nghiên cứu (*monographies*) của một số bạn thanh niên luật gia sốt sắng với học vấn. Nhưng ở địa hạt này chúng ta có quyền mong đợi nhiều công trình tư tưởng và nghiên cứu nữa để nâng cao trình độ kiến thức của dân ta về luật pháp và gây dựng nên một khoa học kinh tế và luật về Đông Dương có thể thống và tư cách. Điều đáng đề ta hồ thẹn là ở địa hạt lịch sử, địa dư, luật pháp, kinh tế, chúng ta không sáng tác tìm tòi gì được mấy lại đề người Pháp khảo cứu hộ chúng ta. Bồn phận thanh niên trí thức ngày nay là phải làm cho tình trạng ấy đổi đi, để giữ danh dự cho tất cả chúng ta.

..

Nước Việt-Nam ta xưa nay vẫn được coi là một nước văn hiến, ấy cũng một vinh quang mà cũng là một nhược điểm. Xưa và nay, các nhân tài chỉ chuyên chú sáng tác về văn chương. Văn chương không phải là không ích lợi, và thơ ca cùng tất cả các mỹ thuật phụng sự một lý tưởng đẹp vẫn có một giá trị mà không một nhà trí thức công minh nào không công nhận. Nhưng làm văn cũng có đòi ba lối. Có thể làm văn phù phiếm để hài những xu hướng nhất thời, hoặc để tiêu khiển, có thể làm văn để theo đuổi một mục đích tạo tác có ích cho mỹ thuật, cho tư tưởng, cho cuộc sinh hoạt tinh thần và vật chất của xã hội. Ở những xứ văn minh đã tiến hơn ở nước ta, những sách ích lợi cho quần chúng đã nhiều, những nhà bác học hi sinh cho sự nghiệp cũng lắm, thì sự sản xuất văn chương phù phiếm cũng vô hại. Những cây vĩ đại đã mọc lên thì ở dưới chân cỏ có mọc rậm cũng không hề gì. Còn như ở nước nhà, sách ích lợi và có giá trị còn ít, nếu văn chương lắm nhảm, tầm thường lại sản xuất nhiều thì có cơ phương hại cho cuộc tiến hóa tinh thần của đoàn thể.

Thời đại hiện kim là một thời đại tìm đường lối, ai nấy còn bỡ ngỡ, phung đều như sốt sắng muốn chóng thành công. Sự sản xuất các tác phẩm tinh thần có tinh cách hỗn độn bởi chưng người ta háng hái muốn làm việc mà thấy tự mình cũng đang bơ vơ ở trong một hỗn độn lạ lùng về tư tưởng và xu hướng, gây nên bởi sự giao tiếp của hai nền văn minh Á

~~Đông và Tây và một cảm giác như chịu~~
 về sự thiếu thốn một năng đỡ của dĩ vãng và của nền nếp. Công chúng ham đọc, ham xem bất cứ sách gì, hoặc hay, hoặc dở, hiểu được hay không hiểu được. Các nhà văn viết bất cứ sách gì, phiên dịch những tác phẩm sẵn thấy liền tay. Nhiều nhà phê bình phê phán cở kim, viết sách hấp tấp để mau chiếm được một chút hư danh trong văn giới, không chịu được sự kiên trì, sự nghiêm khắc đối với mình và sự thận trọng trong khi làm việc. Có những cuốn sách ra đời vào năm 1943 mà trông đáng lẽ nó phải sinh vào vài thế kỷ trước! Sự ngây thơ của một số các tác giả và người đọc khiến ta cảm động. Thực giống như ở thời Phục Hưng bên Pháp về thế kỷ thứ 16 đến cả các lớp người thấp hèn ở dân gian cũng nhiệt tâm với học văn quá, ham mê đọc và hiểu biết. Thời đại đương kim ở nước ta cũng tựa như có một phong trào phục hưng về tinh thần. Nhưng những phát biểu của phong trào ấy hỗn độn và bối rối hơn là trong cuộc phục hưng văn chương và mỹ thuật ở Pháp về thế kỷ thứ 16, vì cả nền văn minh Tây Phương rộng rãi và phức tạp hơn nhiều nền văn minh cổ La-Hy, theo sự biết của thế kỷ thứ 16. Cuộc phục hưng ở xứ ta khởi đầu bằng

~~một sự lựa chọn ưu hoa ở hai nền văn minh~~
 Á-Đông truyền thống và nền văn minh Tây Phương mới nhập tịch (thời kỳ báo Nam-Phong) rồi nó đi đột ngột tới sự khinh miệt cái di sản tinh thần của nước nhà và sự xua tống quá đáng và thiết tha những cái gì ở Á-Đông Tây mang lại; ngày nay thái độ bông bột nồng nài ấy thay đổi và bọn trí thức đã trở lại tôn trọng những di sản của đất nước, những tinh túy của văn minh Á-Đông trong khi nường càng mạnh mẽ ta phải học nhiều ở Tây-Phương để đi tới sự thành công trong việc xây dựng một nền tư tưởng và một nền nghệ thuật Việt Nam xứng đáng.

Như trên kia ta đã nói, xưa kia những sản phẩm về trí thức của ta đã quá thiên về văn chương, có khi về một thứ văn chương chỉ là hình thức kiểu điệu. Ngày nay những tác phẩm về tư tưởng, những thiên khảo cứu dần dần nhiều lên và được đọc giả ưa đọc, ấy thực là một ảnh hưởng tốt của Tây Phương và một triệu chứng hay. Ta chỉ mong sự làm việc của các nhà trí thức có phương pháp trật tự và các công trình tạo tác được các nhà trí thức triu mến thận trọng hơn lên.

ĐÌNH GIA TRINH

ĐÃ CÓ BÁN:

TRIẾT HỌC DESCARTES	4\$50
PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC	3, 50
SIÊU HÌNH HỌC	5, 00
TRIẾT HỌC EINSTEIN	2, 30
HỌC THUYẾT FREUD	2, 50
THI HÀO TAGORE	4, 80
VĂN HÀO TOLSTOI	2, 40
TRIẾT LÝ VỀ VÔ TRỤ VÀ NHÂN SINH	2, 30
LUẬN TÙNG	1, 50
VÀNG SAO	2, 50

HÃY ĐỌC:

TRĂNG MA LẦU VIỆT
 của QUÁCH TẤN
 (Viết theo bộ Tân Biên Truyện: Kỳ của cụ Nguyễn Dữ)
Phiếm luận về AUGUSTE COMTE
 của NGUYỄN ÁI LANG
MÁI TÂY tức TÂY SƯƠNG KÝ
 Bản dịch của NHƯỢNG TỔNG
HẤT DẠM NGHỆ TĨNH
 Khảo cứu của NGUYỄN ĐỒNG CHI
 tác giả Việt-Nam Cổ Văn Học sử

ĐANG IN:

VƯƠNG DƯƠNG MINH
 của PHAN VĂN HÙM
VIỆT-NAM CỔ VĂN HỌC SỬ
 quyển III
 của NGUYỄN ĐỒNG CHI
LY TAO
 bản dịch của NHƯỢNG TỔNG
TRIẾT HỌC ARISTOTE
 của NGUYỄN ANH NGHĨA
THỐI THỰC KÝ VĂN
 bản dịch của
 NGUYỄN ĐỒNG CHI
 và NGUYỄN LỢI

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT — 29, RUE LAMBLOT. HANOI

Chú ý. — Trong năm 1944-45, ngoài những sách triết học, văn học, sách dịch, nhà xuất bản Tân-việt còn cho ra mắt độc giả những sách về khoa học, xã hội học, kinh tế học, do các ngòi bút chuyên môn về các khoa ấy.

CHÚ THÍM

HƯƠNG MINH

BÌNH lo lắng nhìn chị, nét mặt vô cùng thất vọng. Sáng mai chàng đã phải đi Hà-nội mà số tiền cần cho chàng vẫn chưa có đủ.

Kể cũng chẳng là bao, chỉ có năm đồng bạc mà chàng đã chia trong óc ra từng món chi-ly từ mấy hôm trước: ba đồng trả tiền nửa năm thuê sách của nhà trường, một đồng đi ô-tô và một đồng tiêu trong cả tháng giêng. Các con số trong cái tính cộng giãn-dị ấy đã bị rút đến mức tối-thiểu, không thể bớt thêm một bề nào nữa.

Bình cũng biết rằng chị cũng không mấy khi có sẵn món tiền to như thế, nên ngay từ hôm mới về nghỉ tết, chàng đã bảo Chuyên đề sớm liệu cho cho chàng. Rồi gần tới ngày thi-h-ảo chàng lại nhắc, nhưng lần nào Chuyên cũng nói là đã có rồi, đến hôm đi nàng sẽ đưa cho tươm tất.

Nhưng cả ngày hôm nay vẫn không thấy gì, Bình đâm nghi vì đã nhiều bận đến lúc cuối cùng Chuyên mới thú rằng không lo được đủ. Buổi chiều chàng gạn hỏi thì quả nhiên lại một lần như thế nữa. Nhưng Chuyên đã khéo nói cho chàng tin rằng đến tối sẽ có người mang tiền lại trả nợ nàng. Thực ra, Chuyên đem cầm giấu chàng một chiếc mâm đồng và một cái áo sa-tanh, là đồ mặc sang nhất còn lại cho nàng, mà cũng chỉ được có ba đồng.

Mãi đến bây giờ nàng mới chịu kể sự thật làm Bình phat bần, gất với chị rằng:

— Vậy sao chị cứ nói dối quanh tôi mãi? Chín giờ tối rồi thì còn dám ai ra tiền? Mai tôi lấy gì đề lên tường?

Chuyên ớn tồn nói với em:

— Chị biết lắm. Thôi em đừng rầy chị nữa. Chị lo mất mặt trong mấy hôm nay mà không dám cho em biết, sợ em buồn. Bây giờ chỉ còn cách này...

Về nhần-nạ, đó khiến Bình hồi hận ngay sự cáu kỉnh của mình. Thoáng một giây chàng hình tượng ra những nỗi khổ tâm mà Chuyên đã chịu để làm cho chàng vui-vẻ trong mấy ngày ở nhà. Chàng thấy mình độc-ác và ích-kỷ, giận dữ vì một điều phật ý mà không nghĩ tới cái hy-sinh xiết bao âu yếm của Chuyên trong việc đem cầm áo. Những

nét cau có ở mặt chàng răn ra, Bình dịu giọng lại hỏi:

— Chị bảo còn cách gì?

— Còn một cách... Nhưng em nên chịu khó hộ chị một tí.

— À, tôi biết rồi. Chị bảo tôi xin chú chứ gì? Không, tôi chịu thôi!

Bình rầy nẩy lên như đĩa phải vôi, vì ý tưởng ấy khiến chàng nghĩ ngay đến những cái khó khăn phải cần đến nhần-nạ và tất cả cau-dắm của chàng.

Chàng không còn lạ gì tình bần xỉn của ông phán Ích, chú ruột chàng, và cái thảo-lão hời-hợt của thím chàng. Từ ngày cha mẹ mất, đề gia-lai lại chỉ có một cái nhà ở phố Hữu-môn tỉnh Hưng-yên, Chuyên phải tần tảo sớm hôm, nhịn ăn nhịn mặc, mới có thể chu-cấp được cho Bình theo học. Ấy là chàng đã có lương, sự ăn uống ở trong trường Bảo-hộ và học-phí trả nước đều chịu cho cả. Mỗi tháng Chuyên chỉ phải gửi một vài đồng cho chàng mua giấy bút, ăn quà và một đôi khi may cái áo để chàng khỏi mặc rách quá. Như vậy cũng đủ chật-vật cho Chuyên lắm, nàng cố bòn nhặt từng xu trong khi bán những ống thông-phong, những cái nón gồi, những mớ bồ kết, những chiếc lược gỗ, tất cả những thứ rẻ tiền bày làm ngời hàng tạp-hóa gọi là ngời hàng nhưng thu lại chỉ bằng một gánh hàng tén con ngoài chợ.

Mỗi lần Bình đau ốm là nàng khổ sở, vì vừa lo sợ vừa căng dăng mới xoay được tiền thang thuốc. Thường thì khi cùng bước, nàng cầu đến chú. Nhưng cái túi ông không mấy khi mở để dùng, mà cũng không rộng rãi. Nếu không thế đừng, ít ra ông cũng nói cho Chuyên biết ông không phải là « con bò vắt sữa » của nàng, ông cho vì lòng thương, nhưng đừng thấy ông tốt mà cứ quen mui quấy rầy ông mãi. Rồi bà phán cũng kết luận, nửa thương xót, nửa mai-mĩa: « Thôi clo chị ấy. Hẳn là chị ấy phải lúc quẫn, chứ làm gì không biết liệu mà thu vén để khỏi phiền mình! »

Chuyên còn nhớ một lần Bình mắc bệnh thương hàn, nằm một tháng trong nhà thuốc ở trường mà không khỏi; sau nàng phải xin phép đưa em về uống thuốc ta. Nhận được tin em mẹ nặng, nàng

choáng váng cả người, phần bối rối vì quần bách, phần lo ẹm nhờ mệnh-hệ nào thì không biết thân nàng, đời nàng sẽ ra sao.

Trong lúc hoảng-hốt, nàng lại nhà ông phán, vừa khóc vừa kể, xin ông vài đồng để đi Hà-nội đón em. Nàng nghẹn ngào nói những nỗi lo sợ và sự bần cùng của mình, tưởng sẽ được chủ khuyên nhủ và an ủi.

Nhưng ông phán chỉ nhún đôi lông mày, nét mặt không tỏ vẻ gì khác là khó chịu vì có sự bận mình ông không muốn ai gặp việc khó khăn để bắt ông nghĩ ngợi. Thử nhất ông không mong gì hơn là Bình khỏe mạnh, Chuyên buôn bán đủ tiêu để khởi đi ông tham dự vào những việc phiền hà như thế.

Ông lặng lẽ nghe Chuyên, đầu hơi nghiêng cao, đôi má phình tần ngần, vẻ ngập ngừng khó xử. Sau cùng, ông bảo Chuyên: « Việc gì mà lo, chị gần! Nó ốm rồi nó khỏi chứ làm sao? Bỏ thật dở hơi! Còn tiền thì tôi để dành không sẵn. »

Bao nhiêu tuổi cực đưa lên cuống họng, Chuyên đã tưởng khóc òa lên được. Song nàng cố cầm lại, chào chủ thím, loan về ngay. Nhưng may bà phán gọi nàng và báo chồng: « Thôi, hay cậu lấy làm chỗ tiền ông Hàn Ba gửi mà cho chị ấy hai đồng. » Ông phán rầy rà: « Chỉ tiền! Tiền! Tiền đâu mà làm thế? Tiền của ông ấy đi rồi ông ấy « đi » cho, thì sao? ».

Bà phán đưa hai tờ giấy bạc cho Chuyên, nói vọt-vọt: « Chị cầm lấy, mà buộc vào giải yếm cẩn thận, không có đi ô-lô kẻ cắp nó lẫn mất. Nề chị lắm, chứ chú thím thực không có, chả đâu chị làm gì! Chị bảo anh Bình rằng chú thím mong anh ấy về nghỉ dưỡng cho chóng khỏe. »

Tuy biết chú thím có tiền mà vờ như thế, vờ ông phán vẫn cho vay lãi gộp, Chuyên cũng thành thực cảm ơn và không kể cho Bình nghe việc ấy. Nàng hiểu rằng Bình đã chán ngán về chú thím từ lâu không bao giờ muốn phiền lụy người. Cho nên hôm nay, đến bước cùng bế-đắc-đĩ, nàng cũng đoan lựa lời mãi, rồi mới bàn với em vào cầu cứu cứu. Thấy Bình sôi nổi, đón ý nàng mà gạt phắt đi, nàng lo ngại nhìn em và van nài:

— Em Bình! Chị xin em! Em chịu khổ một tí. Đáng lẽ em vào nói, nhưng chị chót vay thím ba đồng, mà chú cũng biết, chứ đợi mãi. Chị chưa trả được, nên không dám vào. Chứ em thì chú nể hơn, vì em không mấy khi xin chủ.

Bình lậm-hực:

— Không, tôi không đi! Chị muốn bảo tôi làm gì cũng được, chứ xin chủ thì tôi không xin.

Chuyên năn-nỉ:

— Chị lấy em đây! Em đừng chối nữa. Dù sao chú cũng là em thày, chị em mình nghèo đói xin chú trước mặt ai người ta cũng không cười kìa mà! Sao em cứ cho thế là nhục nhả? Thôi, em Bình, chị cần cõ van em, em đi hộ chị, em xin cho chị...

Bình thấy sự quả-quyết của mình núng đã trước lời tha thiết của Chuyên. Những ý-truân trái ngược nhau hiện rồi lại biến trởng óc chàng như những làn chớp bề chiều hôm. Chàng không còn nhận ra thế nào là phải, lẽ nào là nên. Lẽ chàng rồi bởi những tình cảnh phức-áp, bộn bề mỗi tình cảm ấy, lọc riêng ra, đủ là một nguồn đa, đơn âm thầm, sâu sắc. Bình vừa thoáng tưởng thấy hình ảnh nghiêm-trang và hùng-khái của ông T mà Chuyên vừa nhắc đến. Rồi chàng nghĩ tới mình chàng, tới những đau khổ và cái chết của cả người trong cảnh gia-đình thanh-bạch, hai mui khép lần chót mang nặng trên mui mỗi hậu chực gây dựng được cho con. Chàng thở dài, lặng lẽ trả lời:

— Thôi được! Chị ở nhà gói quần áo sẵn chờ tôi.

Chuyên mừng rằng em đã bằng lòng, bỗng dưng vui, nhoeo miệng cười:

— Có thể chứ? Chỗ chị em với nhau...! Ai lại bị chị lấy mãi bao giờ! Vậy em cứ nói là vào nhà chú để mai đi rồi hãy nghĩ ý sau. Thế nào chị cũng cho... Chồng rồi ở nhà chị luộc bánh chưng đợi nhé!

Nàng đã hết lo buồn, trở lại tin ở sự dễ dãi của chú và cũng không nhớ bánh chưng có còn không. Nàng chạy vào nhà trong, mở tủ quần áo ra xem. May sao lại còn một chiếc!

Trong khi ấy, Bình lặng lẽ cầm mũ áo ra đứng về mặt thờ-ơ, đưa chân như cái máy. Mưa bụi bắt đầu phát, đùa với ánh-sáng đỏ của đèn dầu ở nhà còn mở cửa hắt ra.

Dưới ánh sáng xanh âm-áp của ngọn măng đặt trên tủ thờ, hai vợ chồng ông phán Ích, ông gi Đán, ông Hàn Ba và ông tham Tôn đang đánh tôm ở chiếc xập chân quỳ.

Cánh cửa rụt rè hé mở. Bình ở ngoài bước vào chào mọi người. Ông gi áo và ông tham ng quay mặt ra cửa, trông thấy chàng trước nên lật đầu đáp lại rồi nhìn xuống bài ngay, như người mới đến không đang cho các ông chủ. Ông phán nghe tiếng ngừng lên:

— Kia, anh Bình!

— À, anh đã vào đấy à ? Ngồi chơi đó !

Ông ném cây bài đang cầm trên tay xuống sập và nói liền :

— Nhị vạn ! Ông Hàn soi tốt nhé !

Bình yên lặng ngồi vào một chiếc ghế bên bàn pha nước, không biết làm gì. Mỗi lần vào nhà chú chàng ai có cảm tưởng rằng chàng đến không làm ai vui, giá không đến cũng không ai thấy thiếu nhà chàng chính là thừa. Duy có lẽ ông phán sẽ trách hờ Conyên, khi nào nàng lại chơi : « Thằng Bình về nghỉ mà không vào qua đây, tệ thế ! »

Nhưng cái cảm-tưởng ấy hôm nay còn pha thêm một nỗi bứt rứt cho chàng. Hình như chàng đã nhận thấy trong vẻ nhìn của ông bà phán cái ngăm ngăm bảo nhau : « Không khéo lại xin tiền ! » Khốn nỗi điều phỏng-đoán ấy lại đúng là sự thật !

Bình tự soi vào tấm gương lớn trên tường xem mặt mình có chi tố cáo ý muốn đó không. Chàng chỉ thấy một vẻ ngượng ngùng vô hạn, khiến cho chàng lại hân học với mình

Cái im lặng theo sau mấy câu hỏi khi chàng vào Bình thấy nặng nề vô cùng. Chàng tưởng chừng nếu chàng đứng dậy đi thì có lẽ cả mấy người trong bàn tổ tôm sẽ cười lên khoai trá như mừng được trở lại thành thói. Sự thật, a mấy chỉ chuyên chu vào vầu bài mà không quan tâm đến chàng. Nhưng có lẽ ông phán chợt nhận ra sự lặt lẽo của mình, vì ông quay lại vồn vã hỏi :

— À, thế nào ? Bao giờ anh đi Hà-nội ?

— Dạ, bẩm chú, sáng mai. Cháu vào bây giờ để xin chào chú thím.

— Thế a ? Ấy, cho tôi ăn quân tam sách đã ! Cuối năm này anh thi chưa nhỉ ?

— Dạ, thưa chú, chưa. Cháu mới ở năm thứ ba.

Ông Hàn cười mồm noi đùa, dả giọng mỉa !

— Chuyện ! Quan phán chưa gia sư hẳn ! Cháu học ở lớp nào mà cũng quên mất được !

Cả mấy người cùng cười và ông phán cười to nhất, hình như chính ông lại tán thưởng câu đùa hơn cả, Ông pha thêm, tưởng làm mặt mà câu chuyện :

— Ấy thế đấy ! Cũng chả mấy chốc, tôi hỏi thăm đến hàng mực-kính như cụ cho mà xem !

Ông hạ phu bài ăn với cây tam-sách

— Cả làng đã trông thấy cái cước sắc chưa ? Vậy mà quan tham lại muốn bốc ngay, không cho tôi

sốt :

— Chết rồi ! Không khéo bài hân bạch-định, các ngài ạ !

—Ừ nhỉ ? Phu dưới chiếu trắng tinh thế kia !

Ông phán nhại :

—Ừ nhỉ ? Bạch-định thì đã làm sao ? Không biết mèo nào sẽ cắn mèo nào đây !

Ông đặc-trí cười vang như sấm, Bình cảm thấy ông đã quên chàng. Chàng cầm một tờ báo trên bàn, giờ xem một cách chán nản.

Ba đứa con trai ông phán, tuổi sần sần hăng nhau độ lên tám, ở nhà (trong) chạy ra chơi đi chốn đi tìm. Trông thấy Bình, chúng reo lên : « A ! Anh Bình ! » rồi lại tiếp theo cuộc chơi, mỗi đứa kiếm một chỗ ẩn, nói riu-riu như không có ai lạ trong nhà. Có đứa lại đến gần sau lưng ông phán gọi : « Hủ tim ! Hủ tim ! » Ông chỉ : « Hừ ! Láo nào ! » nhưng cũng không đuổi nó.

Nhìn chúng và nghĩ rằng chúng là em họ chàng, Bình ngạc-nhiên thấy lòng mình không tha thiết, theo lẽ hường trong gia tộc. Trái lại, chàng còn không ưa những tính xấu và sự hỗn hào của chúng. Chàng nhớ khi bằng ấy tuổi, chàng không như chúng - trước hết cảnh ngộ thế không cho chúng biết sự thương cha mẹ nghèo và có những ý hiếu-thảo từ thừa lên mười—và chắc sau này lớn lên chúng cũng sẽ không giống chàng một tí nào. Đời chúng và đời chàng không liên lạc, không quan-hệ mật-thiết, vậy mà sẽ cứ phải là anh em, vô vấp nhau, tổ tình âu-yếm, dấu chỉ là cái âu yếm ngoài bề mặt.

Bình tấm-tức vì sự giả-trá ấy và tự hỏi : « Nếu về sau một đứa phóng đảng hay làm điều chi hại gia-phong thì ta có lỗi gì mà cũng phải lấy tiếng xấu ? » Những gia-phong lại nhắc lại bao nhiêu tập quán di truyền mà thím tam chàng vẫn không quy phục. Bình gạt tờ báo, đứng dậy xem thắng nhỏ ch a bài ở cái gương gần đấy, để cắt đoạn những ý triền miên.

Chàng hỏi nó :

— Mày chia được mấy hội rồi ?

— Ba hội cậu ạ.

— Mỗi hội mày được bao nhiêu ?

— Một đồng bàng tiền ván suông.

—Ồ, khá nhỉ ? Các ông ấy còn đánh, vậy chắc tối nay mày có thể kiếm được vài đồng.

— Cậu bảo thế đã thắm đầu. Có hôm con chia được đến chục đồng ấy chứ ! Vì đánh cả ngày kia

mà...! Nhưng nhiều thì nhiều, chứ còn có được ăn đâu mà mừng.

— Sao lại không ăn? Công mày thì mày được chứ?

— Vâng, kể thì thế. Nhưng bao giờ lúc xong tổ tôm ông phán cũng gọi con ra tính rồi bắt đưa hết cho. Ông chỉ cho con độ dăm hào là hết rồi! Mà lại còn phải chia với con sen!

Bình nén một tiếng thở dài. Thằng nhỏ bí mật nói thêm:

— Ông phán vừa lấy tiền hồ, vừa lấy tiền chia bài nên không mấy khi thua đâu cậu ạ. Mà ông nghiêm lắm! Cậu không biết chứ...

Bình ngắt lời nó, hỏi chuyện khác để khỏi nghe ông điều chàng không muốn biết.

Bỗng bên bàn tổ tôm, tiếng ông Hàn reo ầm-ỹ:

— Thông thập - hoàng tôn - lèo! Nào, các quan đã biết tội chưa?

Cả mấy người xúm nhìn bài ông, mỗi người nói một câu làm giàu phòng trở nên huyền-nao khác thường. Ông phán lịch xem kỹ nhất. Ông bới từng phu bắt-bẻ ông Hàn; nhưng sau mọi người nhận ông này là đúng phép, ông hậm-hực lật nọc tìm rồi phân vua:

— Minh chờ chi-chi ngay từ đầu thì nó lại nằm bên dưới! Bài đen đến vậy là cùng!

Ông đã mất ván bạch định tôm ban này và luôn mấy ván sau chờ ăn to mà không lên, nên ông bần tình không vui như trước. Ông quăng hai đồng giam cước-sắc một cách hăn học, rồi đứng dậy:

— Phải đi lấy thêm tiền mới được! Ồ, thế mà tôi thua mười lăm đồng rồi đấy!

Bình nhìn đồng-bỏ đã hơn mười giờ, bèn nhận dịp ông phán vào nhà trong, vội theo chân và ngấp-ngừng nói:

— Thưa chú...

— Cái gì anh?

— Thưa chú... Mai cháu lên trường, cháu vào chào chú...

— Ừ, thế anh đi! Rồi thỉnh thoảng gặp ngày nghỉ thì về chơi!

Ông phán định đi thẳng, để khỏi nghe nốt đoạn cuối câu nói của Bình, mà ông đoán chừng bất lợi cho ông. Nhưng Bình theo sát bước và quả quyết:

— Vâng, nhưng thưa chú, cháu còn muốn xin chú...

— Cái gì nữa?

Ông phán đứng lại, vẻ khó chịu. Bình vận hết can đảm nói thẳng một mạch mấy câu chàng nghĩ sẵn:

— Bẩm chú, cháu lên Hà-nội phải trả ngay ba đồng thuê sách. Chị cháu đã soạn sổ mả mà không được nên bắt-đắc-dĩ cháu phải vào đây xin chú. Chú ra ơn cho, không thì cháu không có sách học.

Ông phán cau mày trả lời:

— Những ba đồng 'g kia? Chết chữa, tôi làm gì có mà cho anh những ba đồng? Tôi cũng từng chứ có tiền kho đâu mà đãi anh chừng ấy?

Bình nuốt nước bọt, nài;

— Vâng, cháu cũng hiểu, nhưng chị em cháu thật tình quẩn bách. Cháu xin nhưng còn tùy lượng chú...

Ông phán nghĩ một lát rồi dịu giọng:

— Thôi được, tôi sẽ cho. Nhưng anh nên nói với thím một lời, không có rồi thím trách rằng chú cháu chỉ biết với nhau, không tiện! Ừ hay rằng tiền của tôi, nhưng việc gì cũng thế, cần phải có vợ có chồng cho hợp lẽ... anh nghe chưa?

Ông bước ra về mặc Bình đứng tần-ngần. Chàng đã mừng qua bước khó là nói câu xin không ngược lòng. Những tưởng vậy là xong, ngờ đâu lại còn một câu giàu-nan nữa.

Chàng có ý nghĩ rằng mình là một tội-nhân đang, nóng lòng đợi biết hình phạt, thì bỗng nhận tin phiên tòa xử hoả. Sự nhẫu nại của chàng còn phải đem thử nữa. Chàng còn phải nghe những lời 'ạnh nhạt, không bao giờ được một chút yêu thương của thím chàng.

Bình đang phẫn-vẫn, không biết nên dằn lòng ở lại hay nên bỏ cuộc như tên lính rút, thì con Sen vào báo nhỏ chàng;

— Cậu ra cô Chuyên hỏi gì ấy. Tôi đi mua bánh cho em, thấy cô ấy ngấp-nghe ngoài cửa. Tôi mời vào nhưng cô ấy không vào, chỉ nói ăm cậu ra một tí thôi.

Bình lẳng lặng đi qua bàn tổ tôm, lên ra đường. Bà phán không để ý, vì bà còn đang mãi khoe một nước bài cao với ông giáo ngồi bên.

Ngoài bệ, Chuyên sốt sắng hỏi:

— Thế nào em? Sao lần thế?

Bình lắc đầu chán nản. Chuyên lo sợ hỏi dồn:

— Chú không cho à? Chú bảo thế nào?

— Chú nhận cho, nhưng chú bắt em nó. với thím đã.

Mặt Chuyên tươi lên vì hi vọng.

— Ừ thôi, em chịu khó tí nữa. Nói một câu có mắt gì. À em xin chú mấy đồng ?

— Ba đồng. Nhưng không chắc chú cho đủ.

— Chú bảo vậy thì chú cho đủ đấy. Em cứ nói đi! Mau lên còn về kéo mười một giờ rồi còn gì! Chị đứng ngoài này đợi cho em vững tâm nhé!

Bỗng nghe tiếng ông phán hỏi trong nhà: « Anh Bình về rồi à, mợ? » Chuyên vội hé cửa đẩy em vào để chàng khỏi đổi ý.

Ông phán hỏi Bình: « Thế nào? » Chàng khẽ đáp:

— Bẩm chú, cháu chưa nói.

— Thế nói đi rồi tôi đưa cho.

Bà phán thấy hai người thì thầm, biết ngay là có sự khác ý. Bà cất giọng khô khan hỏi chồng:

— Gì thế cậu?

Bình lo ngại nhìn chú, sợ ông nói việc chàng đến xin tiền trước mặt người lạ thì chàng sẽ ngượng. Nhưng may, ông chỉ thủ thủ trả lời:

— À không. Anh Bình muốn hỏi gì mợ đó:

Bà phán sa sầm nét mặt, cầm bài lên tay mà không nói gì. Cái nhìn của bà chỉ lướt qua mặt Bình, nhưng chàng cảm thấy như mũi khoan đâm nhói vào tim. Một luồng giá lạnh chạy khắp người chàng. Chàng đứng sững như bị hút bởi một sức mạnh ghê rợn, tê-tái. Bao nhiêu ý-chí, bao nhiêu can-dảm bỗng rời bỏ chàng, như đàn chuột rít. Một tiếng thì thầm ở đâu vắng vắng: « Thôi về đi! »

Nhưng Bình ở lại.

Bình phải đợi nửa giờ nữa rồi bà phán mới chịu úp một ván bài xấu để vào nhà trong.

— Anh muốn hỏi gì tôi?

Bình ấp úng nói lại những điều chàng đã kể với ông phán ban nãy. Chàng cúi mặt xuống đất nên không thấy vẻ vất-vẻo của bà phán, ngồi một chân buông thõng, một chân để trên giường và tay duỗi dài trên đầu gối. Thực ra, chàng không dám nhìn mặt bà, một bộ mặt da ngăm bảnh mặt có đôi môi quết trầu cắn chỉ, lúc nào cũng dính liền nhau, và đôi mắt trắng thạch cao, nhìn sâu như đèn soi vào ruột gan người. Đợi Bình nói xong bà mới cất tiếng chảnh hoảnh:

— Tôi lạ cho chị em anh, cứ nay hỏi tiền, mai lại hỏi tiền! Động một tí là nã chúng tôi, làm như nợ Liễu Thăng không bằng! Vợ chồng tôi có phải là Thạch Sùng đâu mà có tiền như vỏ don ấy? Chị anh còn thiếu tôi ba đồng, đã trả xong đâu mà bây giờ lại sai anh vào xin nữa? Hết chị rồi đến em! Để thường nhà tôi không có vợ chồng con cái gì ất, chỉ việc treo mõm lên mà cung đốn mọi người? Hừ!.. Chị Chuyên chả khôn mà! Chị ấy không muốn nói chuyện với tôi, vì còn nợ, nên mới đẩy anh!

Bình nhìn thì. Đa mặt chàng co lại. Ta ngượng chàng nức ở dưới cơn bão táp. Những lời của bà phán trút lên đầu chàng như một trận mưa đá đỏ máu. Hai chân chàng nhũn muốn chùng, khiến chàng bấm mạnh ngón trong giày để cho đứng vững.

Bà phán buông tay đứng lên, vừa đi vừa vung văng:

— Thôi đấy! Anh hỏi chú anh mà lấy! Tôi không biết. Tiền của chú anh thì chú anh cho.

Bình bàng hoàng như chưa tỉnh một cơn mê đờ đội. Chàng tưởng tai mình nghe-lầm, vì không ngờ bằng ấy đanh nghiệt, chua cay lại có thể đúc trong mấy câu, nói bởi một giọng hầu thân nhiên như vậy. Ông phán bước vào buồng lúc nào, chàng không biết. Ông đến bên chàng, nhẹ nhàng dúi vào tay chàng một tờ giấy cuộn tròn và an-ủ:

— Đây nhé, tôi bảo anh có sai đâu! Giá anh không nói có phải thím lại kỳ-kèo tôi không! Đây tôi cho anh đồng bạc và chúc anh đi đường bình an.

Như biết trước số tiền ít ỏi và sợ Bình nài thêm ông quay gót ra ngay. Bình chưa kịp hé môi hay làm chỉ rữ cái thụ-cảm tê-liệt của mình, thì ông phán đã nói ở nhà ngoài, giọng khoan-khoái như vừa dàn xếp xong một việc phiền-toái

Ruột chàng thắt lại. Cuống họng chàng khô khan. Hai cánh mũi phập-phồng và hơi thở dồn dập rất mau. Một cái gì nặng nề cuộn đưa lên cổ, làm tuột một giọt nước mắt trên mí. Bình mím chặt môi cho khỏi khóc để bước đi.

Khí qua bàn tổ-tôm, chỉ có ông phán trả lời tiếng chào của chàng là niềm-nở. Chàng vừa bước khỏi cửa, đã nghe ông reo:

— Tam-văn: Trời ơi, Thánh thiên-tử là tam-văn.

HƯỚNG-MINH

(Mai 1938)

THỐNG-CHÈ PÉTAIN: ĐÃ NÓI

Hỡi nhân-dân Pháp các người thật có một trí nhớ ngắn-ngủi.

Có nói để các người biết sự gắng công vĩ-đại của nghiệp nông ta, đã cày cấy được hàng triệu mẫu ruộng, tuy rằng hàng triệu nhân dân đương bị giam giữ. Có nên nói để các người biết thiếu niên ta đương luyện cho thân-hình cứng-cáp và linh-hồn mạnh-mẽ. Có nên nhắc để các người-biết những lời phàn-kết của các nước trung lập đối với nước ta và sự tôn-trọng của họ đối với nền phục-hưng đầu tiên của chúng ta.

MỘT CHÉN XUÂN VÀNG NHỚ NGƯỜI KHUẤT

RƯỢU BIẾN HÌNH

NGUYỄN TUÂN

«... ăn giả trư kỳ danh»

Kính gửi vong linh ông bạn rượu Ng. Khắc Miên

NGƯỜI ta không rõ ông cụ ấy tên là gì và người ở đâu. Mỗi buổi sớm lúc giờ đất còn lơ mờ, ông cụ đã ngồi sẵn ở các cửa ô Hà-nội. Không ai rõ người có tuổi đó làm nghề gì. Nếu là đi buôn thì sao lại không có tay nải. Nếu là xem số hoặc là thầy bói sáng thì sao không có tráp. Và làm nghề gì mà đóng chỗ sớm thế? Tất cả những đồ vật đem theo, nếu người gặp ông già ấy luôn mà chịu để ý nhận một chút, thì chỉ vẹn vẹn có một cái ghế gỗ và một cái chén gỗ to gần bằng cái lồng gỗ mít đóng oăn của nhà chùa.

Mỗi buổi sớm, ông già ấy ngồi ở một cửa ô. Ông cụ không bỏ ngõ với một cửa ô nào cả. Ở Chợ dứa, ở Cầu giấy, ở Yên phụ, ở Quan chưởng, ở Đồng mác, ở Cầu rền, mỗi buổi mặt trời gần hừng, cửa ô nào đối với ông già cũng đều là một cái quê hương trong chốc lát của mỗi ngày. Ông cụ đó là một đứa con nường già nua hom hem của tất cả những cửa ô vào kinh thành. Nhưng có một cửa ô ông cụ thích nhất: cửa ô Quan chưởng. Mỗi buổi tinh mơ ngồi ở một cửa ô, đi hết một lượt thì lại lộn vòng lại. Nhưng đến cửa ô Quan chưởng thì bao giờ ông cụ cũng đóng chỗ ở đấy liền hai buổi sáng để đón rượu, thử rượu làm ở bên kia sông. Thử rượu ngon cất ở tả ngạn sông Nhị, đưa qua bán bên đất Kinh đô, các cô gái vùng Bồ đề bao giờ cũng ghé đò ngang đi vào lối cửa Quan chưởng này.

Giờ còn nhạt mặt người ông cụ đã đặt ghế gỗ xuống nền cạnh chân tường cửa ô, ngồi xuống đấy rồi bày ra trước mặt mình cái chén gỗ tùy thân. Ông già cử động rất trịnh trọng, mặt ngó ra phía bờ sông làm buổi sáng mù mờ đang mãi không chịu tan. Thấy có bóng nào của quang gánh tiến

lại cửa ô thì ông già bắt đầu soa tay. Cả người ông cụ lúc bấy giờ là sự vui sướng hồn nhiên. Bỗng cô hàng gánh rượu đã chọc thủng màn sương, gần lướt qua mặt, ông già dặng háng, gọi: « Có rượu ngon, cho lão mua vài cân », rồi ông già liền đưa cái chén gỗ cho cô hàng rót đầy vào để nếm thử. Nếm xong, ông già kêu nhạt, hoặc chê là khô, xua tay cho cô hàng đi. Buổi sớm mai đi hàng, gặp người khách khó tính. cô hàng đành chịu vậy, lặng lẽ nhắc gánh đi nốt con đường vào Kê chợ, lẫn mất vào mù sương. Ông già nhìn theo cô hàng, móc túi lấy ra một cái đinh đóng thuyền chắm vào chén rượu nút đánh chặt một cái rất gọn và làm tiếp mãi như thế, trông rất ngon lành. Một cô hàng rượu, hai cô hàng rượu, dăm bảy cô hàng rượu đã qua đều đều. Mỗi cô là một chén gỗ rượu nếm thử. Mỗi lần nếm thử các thứ rượu cất ở các thứ pôi nấu khác nhau không phải tả liền và nhấm bằng cái đinh đóng thuyền ấy, ông già lại khom khom nhìn theo những đám quang gánh xinh gọn kia nhòe biến vào sương knoi đầy đặc bệu hữu sóng như những nhân ảnh của một giấc chiêm bao thứ vị chợt tỉnh là muốn nổi lại ngay. Đến lúc ông già đã đủ chắm choáng để giác quan thừa sự mà nhảm lộn về cuộc đời thực tại quanh mình, thì đám sương khói cũng vừa quét tan. Cửa ô Quan chưởng đứng sững trước giờ hừng đông (lưng đã vừa cho bụng ấm rồi, ông già liền đứng dậy, cho chén gỗ vào túi và cắp ghế gỗ vào nách chắp chững trên đường vào phố như trẻ mới tập đi. Những tia lửa đầu tiên của vùng hồng dưới theo cái lưng cong một người say đang ra về. Về đâu? Mấy ai đã rõ được cái chỗ nằm chết giấc của một người say! Và cả ngày cả tối ấy, đồ phố phường có thấy mặt ông già này. Muốn tìm ông lão ấy — tìm để mà nài qua nhìn chơi cho biết thế thôi, chứ còn ai dại gì tìm ông để mà làm ăn và chưa chắc ông cụ ấy đã chịu tính chuyện làm ăn

gì với ai — thì lại cứ đầu canh năm, đi lục hết sáu cái cửa ô của Hà nội. Bao giờ cũng chỉ có thế. Một cái chén gỗ lớn, một cái ghế gỗ con, phục sức chưa tả rách nhưng cũng đã quá tầu tầu ông ngồi thu hình trên nền đất lạnh của buổi tinh mơ, rình những gánh men lướt trong màn sương : đáng điệu lúc thì khuất như, ngón ngừ lúc thì hóm hỉnh, chơi chơi thật thật cứ y như là tiên hiện hình xuống để thử lòng những người đi qua. Mỗi buổi sớm ở mỗi cửa ô, ông già đã lại ra ngồi bày hàng ở đấy để đánh thuế rất khéo vào những gánh hàng các cô bán rượu quẩy vào chợ tỉnh. Và ngày tháng của bực lão tửu đồ ấy đi qua một cách rất nhàn nhàn có như là giọt sương rơi thấm rơi trên một cái chén gỗ nặng. Rồi có buổi, các cô gái bán rượu đều nhận rõ ông già nọ. Mỗi lúc đi hàng vào kẻ chợ, gặp cái người ngồi ghế gỗ và đưa chén gỗ đòi ném rượu, họ cũng người ra mà kêu : « Thế ra lại cụ. Ở cửa ô nào cũng thấy cụ ném rượu. Lúc nào cũng cụ. Cụ là cái chức gì ở Hà-nội mà ngày nào cũng phải đánh thuế vào lũ rượu chúng tôi ? Thế này thì mấy lúc mà hết vốn chúng tôi, hử cụ tiên ? ». Buổi sớm mai đi hàng các cô gánh rượu không dám nói nặng với bất cứ ai trên phố mình, sợ róng buổi hàng, nên họ đã dùng những lời nhẹ nhàng như thế để van lại một người có tuổi và có cái tật cứ đi ném chắt rượu để rồi, không bao giờ mua thật cả. Và có lẽ vì họ thấy ông khách không đứng đắn ấy tóc trắng râu trắng mặt trắng lông mày trắng mà họ gọi trên là ông tiên. Được thế ông tiên bèn soạn câu chuyện đùa gọi là xí xoá cái việc làm lấy của mình : « Lão nghèo, các cô buôn trăm bán nghìn, các cô tiếc chi lão, một chén rượu ném. Những lúc rơi vãi đồng hàng, còn gặp mấy ngàn cái chén gỗ con con này ấy chứ. Đời các cô còn dài rồi còn tha hồ mà hưởng lộc giới. Lão không có con, không có vườn, lại không có rượu nữa thì lão buồn lắm. Lão sống cũng chẳng mấy nữa. Sự thiệt thòi và chịu khó của các cô cũng không đến nỗi lâu lắm đâu. » Thấy lời ông già quen ném rượu chắt kia có vẻ hữu lý và nghe nó cũng tội tội, từ bấy giờ họ nhận lấy việc mỗi buổi mai mỗi người cấp cho ông già đầy một chén gỗ rượu là một việc dĩ nhiên. Rồi họ bèn đặt tên luôn cho cái ông già đánh thuế rượu một cách kỳ dị đó và gọi đùa là Lỗ Ô. BỐ Ô, từ sau đó, đã thành một hình ảnh quen thuộc đối với họ. Bả đầu mỗi ngày, chờ đồ chợ bên sông sương, họ bàn tán về ông khách hàng nghèo và già của họ.

— Không rõ hôm nay, BỐ Ô ngồi ở cửa nào ? Có ngồi ở cửa ô Quan chương để chị em mình cùng mỗi người một chén không ?

— Mày này, có cái lạ ra như mèo sủa, ném rượu là đất khách ra phết nhá. Mặt ghẻ dờ con sào là đã vội cả hai đầu gánh. Các chị ấy cũng đều nhận thấy thế.

— Hay ông cụ ấy đúng là người Giời !

— Trông BỐ Ô uống rượu ngon tẻ cứ ngọt sớt đi thôi. Chẳng bao giờ thấy nhăn như mọi người khác. Uống đẹp quá. Nếu tôi mà không neo vốn thì có buổi chợ, tôi dám đưa không cả gánh hàng cho BỐ Ô ném đấy.

— Ông cụ uống, em trông thấy ngon lành và thêm thường quá. Minh cứ tưởng như là đang uống nước đòng. Có lẽ chuyện này em cũng tập tễn và nghiện được rượu đấy.

Và về sau này, thân thuộc nhau quá, buổi đêm trước, lúc làm hàng chợ sớm sau, nhân nhà sẵn những be nằm sành con con, thậm chí có nhiều cô lại còn đóng sẵn một be nhỏ cho BỐ Ô, để lúc gánh hàng qua cửa ô, sẽ dúi vào tay ông già, không phải dừng gánh lại nữa cho nó đỡ mất thêm thời giờ. Cái nghề buôn bán, thời giờ bao giờ cũng gấn la phải quý hơn hết mọi thứ khác. Dúi nhiều be đựng sẵn rượu vào tay BỐ Ô là cô Cốm người bên bãi Bờ-đề. Cô Cốm mồ côi cha mẹ và BỐ Ô vốn có khổ người và nét mặt phẳng phất giống cha mình, nên trong bọn bán rượu gánh, cô Cốm là người có thệ cảm nhiều với ông già, kiêng về phần ông già thì cũng chỉ có đối với cô Cốm là ông hay lộ cái tình vui của ông và nhiều khi — hàng giọng đùa cợt của bề trên — ông bao ban làm điều hữu ích về lẽ xuất sản của một cô gái ngồi hàng ở chợ, một nơi mà người thì không biết là bao nhiêu đáng và của thì không rõ là bao nhiêu loàn. Sớm nào, ông già gặp bọn người bán đồ dẻ rày chợ là ông cũng hỏi thăm nhiều nhất về cô Cốm, nếu có chậm gẫu qua hoặc nghỉ buổi hàng để trông nom việc đồng áng. Kể đến một lần, cô Cốm không thấy qua đồ ngang vào chợ tỉnh nữa. Có đến hai ba phiên chợ rồi chưa chẳng ít. Ông già hỏi ra thì mới rõ cô Cốm vừa bị vướng vào một chuyện hăm hiếp và khổ gở tình mệnh và danh tiết cô giờ có còn được toàn không ? Cậu Tư con quan Thượng mà cho lính bắt đi thì kẻ gì phải là chuyện chơi. Cụ Thượng tuy là chủm - thực, nhưng cậu Tư vốn là cậu ấm con quan về ngành thư, thường hay ý thể cha để làm nhiều chuyện bày giữa cả lúc ban ngày trong đám Tân gia-n. Cậu có cái bệnh thêm sự gần đàn bà và hay cho lính vào lòng gái quê trong chợ, người nào coi chừng gòn gợn và sạch sẽ là bọn lính tới luôn về nhà riêng của cậu. Cái thân người thôn nữ một dạ một lòng thì mỗi ngày ở cái phường đầy mùi đàn bà bên chợ ấy là như nhấm thu ở ngoài và nhiều cô gái bị bầm

áo đây thì tự coi như là đánh cướp công đáng
linh thành rồi. Kêu oan cùng quan Thượng thì ông
tiếp là n gì được to hòng và cửa hầu thêm một
nổi là sâu như rốn bễ.

Được tin cô Cỗm gặp nạn, ông lão cũng biế
vậy. Sớm tỉnh mơ hôm ấy, ông lạc quyền các cô
hàng một số rượu gấp đôi mọi lần, đổ tất cả vào
niêng, ngồi lịm đi ở cổng ở như một khối tượng
lả. Chờ cho mặt giới thời tan hết mù mai vườn
ên độ nửa con sào, ông lão bèn đi thẳng vào dinh
quan Thượng, gạt phăng cả lính canh cổng ngoài
là bắt chấp cả lũ lính hầu vòng trong, Chẳng rõ
giáp mặt quan Thượng. — quyền trấn một góc giới
ấy đầu người trị hạ cứ dễ như bỡn — ông lão đã
vội những câu gì. Đứng ngoài vòng dinh, mọi
người chỉ nghe tiếng quan Thượng quở linh sao
anh phòng không được nghiêm cần để giữa ban
gày có thích khách lén vào và ngài quát tả hữu
hỏi tên giặc lại để chút nữa bêu đầu ngoài cổng
linh. Mọi người lại còn nghe tiếng ông già la hét
m sớm giữa chốn thâm nghiêm. Không rõ người
a có làm gì ông già không, nhưng hôm sau ông
là được ra ra. Mọi người thấy ông già được thả
a về, mới lấy làm vững lòng và ngay sau đó cô
cỗm cũng được trả về cuộc đời cũ nơi thôn ố.

Người ở kể chợ được biết tin này đều lấy làm
ham phục cái người say rượu có tuổi vừa làm
trực việc lộng hiềm có hiệu quả. Chẳng rõ đây
t lòng can đảm nghĩa khí đã xui ông cứu cô hàng
về hay đây chỉ là cái sức phản động mãnh liệt dĩ
hiên của chứng rượu lúc lên tới cùng độ ở một
người liều mạng, nhưng đám đàn bà quang gánh
lấy rượu vào các cửa ở, từ bấy giờ, càng lấy làm
ủy Bồ Ô không còn để vào đâu cho hết nữa. Họ
làng lấy làm ngạc nhiên thêm là từ hôm xảy ra
liệt đại báo dinh quan Thượng thì cái ông già
ông rượu chẳng mọi khi ấy cũng biến mất. Ô,
một người kỳ dị. Riêng cô Cỗm thì càng lấy làm
ghĩ nhiều quá. Ông cụ đi đâu? Sao vào những
này thì lại không ngồi ở cửa ở mà đưa cái
bến gỗ ra để cho người ta và các chị em cùn
i hàng rớt vào đây gấp năm gấp mười mọi khi!
là tìm ông cụ thì tìm vào đâu? Muốn hỏi thăm
hỏi hỏi vào ai?

Bỗng một buổi mai, lúc các cô đang quây gánh
lên vào cửa cổng ở thì từ trong màn sương hiện
a một đứa bé đầu còn để trái đào, một tay cắp
ai hũ sành lớn bằng nửa người nó, một tay giơ
một cái chén, miệng lắp bắp: « Bác tôi nói các
đồ rượu vào đây cho đầy. ». Và nó chìa luôn
hũ sành chén ra. Cả bọn gánh rượu, nhận ra cái
hũ sành quen thuộc, kêu reo to: « Bồ Ô đây rồi là
hũ. Lén đưa bé xem ông cụ giờ ở đâu và sao lại

không ra đóng chỗ tại đây như mọi ngày. Đứa bé
lắc đầu, trả lời là ông cụ bác nó giờ hai chân
không đi được, người không dựng giậy được, cả
ngày chỉ nằm bệt trên chõng tre, đã lâu không ăn
uống gì, chỉ nói mê, mãi đêm qua mới tỉnh lại và
dặn nó đưa hũ chén ra chờ ở đây để xin rượu.
Hỏi thêm về cận trạng ông lão bị mê, đứa bé
không biết thêm được điều gì nữa. Cả bọn gánh
rượu càng thêm ngạc nhiên. Bàn qua loa, họ bèn
vui lòng lờ một buổi chợ sáng để theo đứa bé tìm
đến thăm ông già tại nhà.

Bây giờ họ mới có dịp biết nhà cửa Bồ Ô. Đây
là một cái túp nhà gianh dựng bên một ông đồng
ở phía sau một nếp đình cổ. Đây một cái cổng
cành tre gai, qua một mẫu sân con là vào đến nhà
Nhà rộng độ một gian, kê vắn vắn chỉ có một cái
chõng. Trên trõng, Bồ Ô nằm cứng đờ, châu tay
ruối thẳng. Một cổ màn nhuộm nâu rủ xuống
chùm lên thân hình Bồ Ô không khác gì một cái
nhà táng. Trên tường đất, treo một bức tranh Thập
Điện Diêm Vương có những màu đen tối của địa
ngục tương phản với vàng chói của mũ quan tòa
luận tội, với màu đỏ của lửa vạc và của máu tội
nhân. Cạnh bức tranh cũ là mấy bức liễn giấy viết
bài Trương T.ến Tửu — mấy giò trên bài phú bị
rách nát mất đi, thành thử bài phú lại mở đầu bằng
câu « Minh kính bị bạch phát, chiều như thanh
ty... ». Trên tường đất sòng với tranh và liễn là
một cái nỏ Mán và một cái ống dịch trúc Hồ quân.
Tất cả chỉ có thế. Nồi quạnh hiu và cô đơn ở gian
lều cổ này, đến kẻ nghèo khổ nhất — dưới mực
đưa ăn mây một tí — cũng phải dùng mình vì nỗi
đơn lạnh. Thấy các cô hàng rượu đề ý ngấm cái
nỏ Mán, đứa bé chỉ ra phía bụi chuối ngoài hàng
rào, chỗ vào một cái nồi bọng đất úp ngang lên
đầu một cây tre, cụt: « Ấy mọi khi còn đi lại được
mỗi buổi sớm bác tôi đi uống rượu — không
biết ở những đâu — về là lấy nỏ Mán ra tập
bắn vào cái nồi đất có vẽ mặt người đó.
Phát nào đâm thủng con mắt vẽ với kia
thì bác tôi lại mang ống trúc ra thổi một lúc
rồi ngồi bưng mặt khóc cho tới lúc lặn mặt
giời. Mỗi lần bắn thủng mắt ở nồi, thì lại thay nồi
đất khác. Cả đêm không ngủ, mỗi lúc có tiếng gà
gáy lại ngồi cười một mình trong bóng tối và tặc
lưỡi thì với con mối trên vách, hoặc mang cái bát
sứ xanh rộng miệng ra, — không biết bác tôi cất
cái bát đó đâu rồi — lấy lòng bàn tay nhỏ nước bọt
vào rồi vuốt nhanh vào lợi bát, uốn vòng lòng
tay ướt theo đường tròn thành bát, tự nhiên cái
bát kêu vo vo như sáo diều. Gần sáng thì lại ra đi
và lúc nào về cũng say mê ». Ông lão tựa mình
mạnh rung lá màn, rên hừ hừ. Đứa bé tắt câu chuyện
Thấy gọi đến nó, nó liền thưa:

— Thưa bác, có các cô hàng rượu đến nhà. — Ông chao ôi. Quý hóa quá. Các cô lại còn nghĩ đến cái nghĩa rượu cũ mà tìm đến thăm lão nữa kia à. Lâu lắm, lão không được ra các cửa ô. Nhà nước có dựng thêm cửa ô nào nữa không? Phải thêm cửa ô chứ! Ô, lại cả cô Cốm nữa đấy à? Cháu bé đưa chén gỗ ra xin ngay cô Cốm một chén đầy cho bác.

Cô Cốm khom khom rót. Một chén. Bốn năm chén. Mười chén. Ba mươi chén. Chén nào Bồ Ô cũng chỉ làm có một hơi. Nhanh và ngon như kẻ khát đường vớ được nước suối rừng, vục nón xuống mà múc lấy múc để. Và rượu vào đến đâu, lá chân tóc ông già lại đâm tuôn mồ hôi ra đến đấy, làm đầm dề cả vải gối. Nhiều giòng nước trắng cứ theo mỗi chân tóc mà tuôn mạnh ra. Hết cả hai đầu gánh cô Cốm mà Bồ Ô còn gào rượu nữa. Rồi ông già bèn cười sảng sặc, nét mặt thất thần lại thanh âm càng rộn lạnh mãi lên — diện sắc lúc ấy chép đúng biến chuyển của mặt các bạo chúa lúc được đặc ý về những việc phá hoại báo ân báo oán vừa gây lên với sinh linh. Lũ hàng rượu sợ quá, không biết đứng ngồi ăn nói bấy giờ thế nào cho phải với chủ nhà.

Bồ Ô mới thu nét cười bạo ngược lại, giọng trở nên ôn tồn van vỉ:

— Lão đã tỉnh lại rồi. Bấy giờ là buổi sáng hay buổi chiều các cô nhỉ? Hay là trời đất đã đến lúc được trở nên vô thế rồi đây! Mà trông ra cứ mờ mờ nhân ảnh cả thế này. Tôi chẳng nhận rõ cô nào vào mới cô nào cả. À, mà các người ơi, nay còn họp đông đủ mặt với nhau đây, lão muốn phiên các người hứa chắc với lão rằng từ nay sớm nào các người cũng ghé vào lều cô này, mỗi vị đồ vào cái hũ kia cho lão một chén đầy, Lão bây giờ nửa phần dưới thân hình tự nhiên đâm trệ hẳn đi, phải nằm bệt ở đấy không lẽ người ra các cửa ô như mọi buổi sớm trước để ăn mày rượu các người nữa. Bây giờ lão không nuốt được miếng gì. Ăn gì cũng thổ ra hết và thiếu rượu thì bị chứng nôn khan, ruột gan đảo lộn cứ như có người sàng sảy trong lòng mình. Bụng dạ lão chỉ còn chịu được cái chất ngũ cốc dầm trong nước men thôi. Các người gắng chia phiên nhau mà cấp nước đó cho lão đến ngày lão chết. Cũng chẳng lâu lại gì đâu. Khéo lắm là hết vụ xuân năm này.

Miệng Bồ Ô liu lại, bọt mép ông già phồng bong bóng lên, to như bọt già ông kênh lúc say giấc. Tay Bồ Ô phác họa trong khoảng không trước mặt vài cử chỉ đại nghệch, mắt đỏ ửng những tia máu và còn người như muốn phọt ra ngoài. Bọn gánh rượu tưởng ông già hóa dại đến nơi, sóc gánh

muốn ra đi ngay thì Bồ Ô kêu to: « Rồi hãy đi! Tôi đã chết đâu. Đứng đấy mà xem. Thằng cháu tôi đâu? Mày đưa cây nỏ cho bác. » Ông già vờ giật cây nỏ khỏi tay đưa chân, cong cánh tay lên và lồng khuỷu tay vào làm dây nỏ, lấy gân căng dây. Gân mặt ông già hằn oẹ lên những đường đau găng. Khuỷu tay căng dây mạnh quá, mõ, bèn cánh nỏ gãy đánh rắc một cái. Ông già cũng ngắt người đi, nằm thiếp trên gối ướt. Chừng đưa cháu cũng được thấy bác nó tỉnh thoảng lại có cơn ngắt người đi như thế, nên nó không lấy gì làm thẳng thối và bảo luôn các người gánh rượu: « Thế này là bác tôi ngủ luôn có khi hai ba ngày và lúc dậy không có ăn gì cả. Chỉ cá uống thôi. Và số rượu uống lại dùng tăng gấp bội số uống hằng ngày. Hình như có bao nhiêu, uống cũng cu là thiếu. Vàng, các cô cứ rót rượu đầy vào hũ đi cho bác tôi. Vàng, tôi trong nom bác tôi quên rồi. Bác tôi không việc gì đâu. »

Đám quang gánh rượu ra đi. Bồ Ô vẫn lịm giã. Đưa cháu lặng lẽ ngồi đánh cờ chân cho một trên nền đất trụi. Lúc nào đói khát thì no lại lẫn vào trong làng xin ăn xin uống những ba con trong họ chứ ở cái nhà Bồ Ô này lâu nay quanh năm, không có thời nấn gì cả. Bồ Ô đã không ăn cơm ăn cháo mà lại cũng không uống nước nữa. Cái người lạ ấy không bao giờ thấy đói và cũng không khát thôi. Mỗi lúc tỉnh bữa rượu trước, thấy khát thì lại đều luôn rượu của bữa sau ra mà giải khát. Rất tiện. Cái bếp nhà ấy, giờ cổ mọc um tùm, bó kín lấy, mấy ông đầu rau lạnh. Ở đây không bao giờ có khói. Và cũng tịnh không bao giờ có lửa nữa. Tôi đến chẳng cần lên đèn, chẳng cần chặn cổng — nhà còn có gì lửa mà sợ trộm —, đưa cháu lặng lẽ ra ngủ. Trước khi đi ngủ, bao giờ nó cũng mắc một mũi dây vào đau ngon chân cái nó và buộc một đầu khác vào tay ông bác, phòng lúc khuya khê, ông bác có cần đến nó thì cứ việc giật dây gọi. (Cái trò này sinh ra từ lúc ông già ấy trệ bại hẳn nửa người).

Tật cũ của Bồ Ô ngày một thêm biến chứng. Các người biết việc ông già đại náo trong dinh Ông Lớn đầu tỉnh, ngờ bệnh hoạn của ông bây giờ là khởi nguồn từ ngày ấy. Biết đau lúc bị cầm ở đấy hai hôm, người ta đã chẳng dùng đến ngón đòn âm mà hình phạt trả thù cái tình bội trượng của ông. Nhưng có người lại bảo rằng tất cả những thâm kịch bấy giờ của ông già chỉ là cái kết quả rất đau buồn của chứng rượu trả nợ cho rượu. Đây là bệnh rượu, Họ nói gọn thế.

Bệnh rượu ghê thực. Giờ nó đôi được cả diện mạo và thân hình Bồ Ô. Ai là cố nhân của ông già

rượu, chuốt theo hình một cái hũ — cái cầm đúng đường lượn của cổ hũ —, bụng chứa len như dáng chổi và hai cái chân thì thật dẹt đôi nân : bấp bủi thu ngầu và banh phồng ống chân thì thót ngắc dài mãi ra. Những người công, có bao nhiêu đường cong nơi thân thể rượu là đều đập đúng những đường lượn của người đồ vật bằng sứ bằng thủy tinh vốn dùng vào đựng rượu xưa nay. Hai tay người uống rượu trước kia còn cử động được dễ với một cái hũ bằng gốm nó ra chén rồi đưa vào miệng. Nay nó thì o cạp chân mà trệ nổi và cứ buồng xuôi. Sự chết bát đầu sống trong người Bồ Ô. Ô mình kể có tật nguyên ki, những thứ ung rất kỳ quái cũng bắt đầu phát ra. Nó to bằng chừng ngón. Có đến hàng chục cái chừng ngón nổi rõ trên khắp thân thể. Lúc nó nung nó vỡ bọc ra; rồi theo sau... phi phi là một nước trắng như sữa dừa. Quệt dề vào mũi ng thấy tanh. Cúi thấy hăng sè. Nước cay ấy nhòe nơi lá mũi, chắt rơi vào ao quần Lũ ruồi từ trong hờ, đậu xuống dơi vôi ra hút phải là say ngất đi như bị thuốc mê cánh cụp lại và càng co ngửa lên gờ, ruồng ngã xuống mặt đất. Đưa cháu vào hay nghịch được một dịp ngón tay gầy lả trũng ấy lăn ra, vụn chúng lành đóng rồi thả vào những cửa tổ kiến ở chân trống. Cái hũ nước trắng nhờ ấy xông cay thứ. Đến ngày đưa cháu, nhiều khi con cũng sót chảy nước mắt ra, những lúc nó đứng hâu cạnh lâu qua. Từ ngày ông nó lại trệ thêm cả hai tay nữa thì cái việc dịch ở nó cũng thêm phiền khó nhiều ra. Nó vốn không nói được nữa từ lâu rồi ngày ông đi lại được tay, nó bên cạnh sẵn ra một cách ngon để học nó lên tiếng nhưng lúc muốn nó hầu rượu để cháu mua ngay một cái coi ca sâu vào miệng ông bác. Lúc nào cần đến nó ông già liệ ca người kia chỉ việc thôi mà nó dịp là nó đã chạy vào. Giọng sau này, đưa cháu Bồ Ô đâm buồn, càng dần dần rong rai tệ. Nó nhà luôn, suốt ngày chờ quay đánh dao ngoài đình, ít chịu ở bên cạnh người bác phở nhan khi ông già huýt còi đến ba bốn dịp nó mới bỏ đồ trò chơi với trẻ làng mà chạy về, hầu xong một cái nó lại tuồng ra đường ngay. Ông đưa cháu bán rượu cho ông già tẻ liệt thì không còn ai ở đời này muốn nghiện rượu. Thảm quá. Bồ Ô hết xong mấy dịp còi, mất việc chờ đợi cháu, mỗi thờ phở phở, mỗi mỗi khôn dám há miệng, sợ rơi mất còi mà nó về thì tam thể nào mà gọi. Thành thử cả

ngày nào Bồ Ô cũng phải ngậm còi trong miệng. Bồ Ô chỉ rời cái còi ra khỏi miệng mỗi khi nào đưa cháu nghe hiệu chạy về đồ vào mồm cho vài chén rượu. Nuốt xong rượu, ông già mắt đã lim dim thì đưa cháu lại cầm lại cái còi vào cái miệng méo kia xong là nó lại đi ra sân đình ngay để khi nào có còi hiệu thì nó mới lại chạy về, co ngắc đến ba bốn lần. Trước, chỉ mỗi ngày một bữa rượu sáng thôi. Vào hồi này, Bồ Ô uống càng tợn. Đến cô Cốm mà cũng phải kêu lên la sự không vừa. Cô tưởng giá Bồ Ô mà trường thọ mãi thì cổ ngày vốn của cô đi hàng cũng đến cạn hết. Mà chẳng nhẽ lại đi nuốt lời hứa với một vị ân nhân mang tật!

Nhưng giờ đã thương cô Cốm và sớm gỡ cho cô một lời nguyên. Bồ Ô đã tận số vào cuối mùa xuân năm ấy. Bồ Ô chết cháy.

Chả một hôm, không hiểu tại sao lại có tên dân cày họ Đóm nùng rơm vào cái nhà lạnh vắng này mà thổi bùng lên để thắp một điệu huốc lao. Lửa ấy bắt ngay vào chân màn quần áo của ông già Ô và thiêu luôn cả cái túp ấy ra gió. Ngọn lửa xanh lè vốn lấy mình ông già đang say mềm. Xác Bồ Ô nứt đến đâu là mùi thịt thui ấy thơm lừng như mùi cá mực nướng bằng rượu không có chút gì lợ hôi khé cả. Và lúc mà lửa đã hoại song cái xác kia thì cổ xương ấy lếch ra như thạch cao, rải vụn ra trông trắng nhợt không khác gì thứ bột để luyện nhữg hòn mìn. Ngửi cái vụn sưng tàn vô tội vạ, lại còn thấy thơm và ngậy ngất nữa, trong khi dờ tay vào thì thấy nó ấm như tính bột men. Gần đồng gió sương ấy, cái chén gỗ của Bồ Ô dùng mọi ngày vẫn nguyên vẹn, không bị xém tí rào. Lửa chỉ trắng lên toàn thân chôn một lần men khói bóng biết chén ấy có công dụng kỳ lạ, nó người làng chuyên buôn đồ châu báu bên nhứt về bán cho một bức cụ phở họ lấy trăm nén bạc và chén đó sau tiện thành một bộ khay và lạc vào tay một vị Thái-bộc mang họ Ô luôn trong người để phong việc hỏa loạn.

Thời nhà, có kẻ rồi thì giờ, người thì tra vụ chết cháy này, báo rằng đích nhà Bồ Ô phát hỏa vì lửa đã bắt đầu bén vào những khí rượu ở miệng mũi từ đồ phi ra, ở những đồ dùng bằng vai của đồ đồ đã thấm chất nước men khoét lại. Không khí tạp gianh ấy, nặng những hơi men như thế, gặp được tia lửa nùng rơm, làm gì mà chẳng cháy vào. Có nước thác đổ cũng không cứu kịp.

Nguyễn Tuân

(rút ở tập Yêu Ngôn)

Am Sông Tô 23-21-43

CẢNH BIÊN THU

NGUYỄN LƯƠNG NG

Từ ngày cái tỉnh biên-thuỷ một phố dọc ba phố ngang này làm ra tấp-nập vô cùng Vì tụi buôn lậu. Hàng hóa từ bờ sông này sang bờ sông kia, giá lên một gấp rưỡi, cộng người đầy hàng tăng một lúc sáu bảy thành ; sòng bạc âm ỉ suốt ngày, thâu đêm, có tiếng mở bạc ngàn. Người từ trấn, những tay vong mạng nhất, những kẻ tinh-ma nhất, đều đổ xô về đây.

Cả đến cái cậu Bầy-thế-gia vọng-tộc, chữ tây có, chữ nho có, nhất cuộc bắn thỉnh cuộc nhẩy dầm — mà cũng lần mò lên đó, sung một chân cai Thì ra ... đổ đen ...

Bạn đồng-nghiệp dạy ngầm cậu một bài học sơ-khai thật kỳ-khôi :

« Mỗi thời một khác, công việc chúng ta bây giờ thật an nhàn. Có mắt không nên nhìn, có súng không nên bắn. Im lặng là vàng. Song chó có lai vãng sòng bạc, không thì, hà, hồng công toi ».

Thế mới ngày nga. Có mắt không nên nhìn là chí phải, vì tưởng gì mấy à « chín phương » mà thêm nhọc sức. Nhịn bắn vẫn còn tạm được, tuy nhà thiện-sạ bao giờ chả hay ngứa nghề. Nhưng cấm lui tới chốn đổ đen thì tối bất khả.

Ấy chính vì bài bạc nên rằng con nhà đại-gia mới phải siêu bạt lên chốn ma thiêng nước độc này.

Thiên tính người ta có phải một chốc mà thay đổi được đâu. Cậu Bầy vẫn chứng nào giữ tật ấy, ngày « mần công chuyện », tối ngồi cạnh chú sóc cái, ăn « sủi dề » với đám hồ lý.

..

Ngày họ đưa cho một cây súng trường — mà nạp đạn sẵn sàng — họ dẫn đến một vàm sông con, — Có thể nhẩy từ bờ này sang bờ kia được — họ bảo nấp ở chỗ cỏ rậm — cỏ gianh cao lùm đầu người — và họ cho mặt lệnh « Hể thấy tụi nó chuyên hàng qua sông thì cứ việc bắn — bắn nghe chưa ! » — rồi họ

ra về, vớt cho được một túi lương kh một bầu nước.

Trước hết hãy loay hoay soay lấy năm choêmấm, đỡ hại quần áo — thời buổi vải vàng cũng đáng giá hơn trăm. Và đầu hãy dán mắt ra mà nhìn — nhìn cho chứ không phải nhìn được việc.

Song từ trưa đến chiều, tỉnh không ng gì lạ.

Dòng sông âm thầm chôi. Thỉnh thoảng con chuồn chuồn thả thiá lia mặt nước năm cái.

Một đám bèo xanh dăng buồm vôi xuôi. Chân giò, đồng, tây, mây dùn lè âm.

Mãi đến lúc sương ướt bóng súng, mới có cái gì động dậy đằng xa. Thấy cái B choàng đứng dậy, và vì thói quen từ ngày súng vẹo vai, nhắm mắt bên trái lại. Nhưng đó chỉ là một chú rắn nước sang.

« Hà ! Vay mà hay ! Điem tốt đây ! Đ đây ! Canh bạc đêm nay thì cấm thàng không được Về ... ».

Mà canh hôm đó, lạ thật. Cả làng th người. Bao nhiêu thừa. bao nhiêu b nhiều tiếng khê, cậu Bầy đều câu cả, b vợ không kịp đếm, sù sù một đồng tròn cả mắt. Đã có một người không quen nịnh đời, vỗ mạnh vào vai cậu, kh « chịu bố đồ thôi ! ».

..

Mấy ngày liền, thầy cai trưa ra bờ s gà ngủ vịt, tối đến hốt bạc nhét đầy n

Mặt sông vẫn phẳng lặng Hình phư nửa dầm đoàn ngựa thồ không v Đường sứt, mà núi lại lở, chết mất vài phu.

Nhưng khoảng cuối tháng, vắn thầy dân mà hàng thì dĩ hơi nhích giá. Ch lúc sương tỏa phập phồng, đã thấy thuyền chắt đầy hòm không người t sông.

sam tới, kuông biết từ những bờ bụi hàng hốc nào, mấy chiếc tam bản, học lớn học nhỏ chồng như núi lẫm, lẽ sang ngang, rất có trật tự, quy củ. Cả bọn tuốc hết thẳng hàng tiến về phương Nam, tránh chỗ nước soáy, đoạn ngoặt lên phương Bắc, ghé vào một thung lau. Không một tiếng động, không một gợn sóng, không một tiếng nước vỗ ọc-ạch. Như một đoàn tàu ma, như một lũ thuyền ma.

Thầy cai bầy, được vỡ lòng từ lâu, vẫn mặc cho cái trò quỷ thuật này, lênh đênh đi về.

... Thế mà một hôm cậu Bầy nhận cò thực. Không phải là bắn mấy chiếc thuyền không người, nhưng là bắn một cái bàn tay cứ nhô mãi khỏi mặt nước. Mồ ma cái thẳng đây hàng này! Chả biết nó vụng đại hay khinh người, hay trọc tức, mà ần nấp đi, lặn ngầm đi chẳng về thay, nó lại soè năm ngón lên gòì nó-vậy nó múa tuồng như sắp chết hụt.

Phổ xá vẫn giữ bộ mặt hàng ngày; nhưng trong đám chạy hàng, chắc cái tin này đang làm ngấm ngấm sôi nổi.

Tối hôm ấy, thầy cai vừa bước chân tới cửa sông thì hết thấy mọi cái đầu đều ngẩng lên không biết cơ man là con mắt liếc trộm. Có anh rất vội chặn ngay lấy tiền đặt, tưởng chừng như sắp xảy chuyện cướp sông.

Thầy vừa vào chiếu thì canh bạc thành to ngay. Một người vạm vỡ, ngồi đối diện, tay trái quần đồng băng lù lù, cứ nhè tiền thầy mà đặt. Bao nhiêu hần cũng chệ ít. Tiếng kết biết mấy hần cũng không ngăn ngừa. Rủi cho thầy gặp phải con bĩ, vốn nhẹ đi chóng quá. Cả làng soay ra dè dặt, lắm anh giấy bạc thấy đã kè kè một gang tay.

Lúc đã cháy túi, lúc đã vay hồ lý năm sáu lần tiền không trả, cậu Bầy loạng choạng ra về thì hình như sau lưng cả chiếu bạc đang cười, cái cười giả thủ lạng lẽ đưa chân.

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

THƠ LƯƠNG TÌNH

«Viết, sống.

Với vợ, hắt hura»

Thơ : *lượng-tình* ngụ trong *hoàn-vũ*.
Nhạc và điệu *Sóng* gợn với *giấy đờn*.
Hảo-cảnh cùng *giai-nhân*.

Một bàn tay nhỏ, một câu trong *Thập-Điều*, một trái *sầu-riêng* thơm .. ; *hiện-thân* của mơ ước không cùng, hình ảnh của mỹ-nuêu bất diệt, bậc thang mây tới cái-gì-không-thể-tới, nụ lập-thành nở trong cái-chưa-thành.

Sắc, không. Mà « không » kia là có.

Thơ : xây dựng, tin tưởng, mầm mống, khi say, *Lẽ sống* sau-cùng của vòng-không-đầu-cuối, *nhịp-chưa-hết-ngừng*.

Thơ : Đạo.

Bài thơ : tin-tưởng hiện hình, sáng-tạo chói lói.

Đất lùn. Hoa chôn.

« Một trời thu để riêng say một người... »

Đạo đã phân *lượng-nghi*.

Khi-say đã nổi trời-thủ với một người.

« Không » trở về có.

Một thế giới hừng trong cung đàn. Cái *tưởng-vọng* đương thành trên dây tiếng...

Hạt-lệ-ai là bài thơ đẹp nhất

Hơi-thở-nàng là bài thơ thật nhất.

Thích ca-nhập-thiền là bài thơ trong nhất

Thơ đã xây *Đế-thiên-Đế-thích*, và thiết triều *Đường Minh-Hoàng*. *Giáo-sĩ*, *Tình-nhân*, *Vương-giả* đều *ngay* nga nhạc điệu.

Hơi đờn, nét họa, tháp đá, bình vàng hình-thẻnhất-thời để *chứa* *sầu-vạn-cổ*. Thiếc tỷ để giữ ý rừng hoang.

« Tỷ bà sương cũ đọng rừng xa... »

Bài-thơ bằng hương sắc.

Bài-thơ bằng âm thanh

Bài-thơ bằng *nguyên-cầu*, bằng *nước-nở* bằng *bóng-trái*, bằng *nước-mây*.

Bằng lời-giọng,

Bằng lẽ-nghi.

« Ngàn xưa không lạnh nữa — Tần-phi ! »

(1941)

PHẠM VĂN HẠNH

(Giọt sương hoa « Thu »)

HỒNG DIỆP

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

CÁC VAI :

CUNG NỮ HỒNG DIỆP
(đoạn thứ hai là Quý Phi)
NỘI GIÁM TIÊU THÀNH
THỊ NỮ
ĐỨC VUA
THANH NỮ
BẠCH NỮ
TỔ NỮ
LỤC NỮ (cung tần)

ĐOẠN THỨ NHẤT

*Cảnh hoa viên trong hoàng cung
Ánh sáng vàng ủa buổi chiều*

THANH NỮ

— Không, em ạ ! Cảnh lầu son gác phấn,
Vẽ huy hoàng cung điện đỏ xiêm đây,
Nhạc lưu ly, hương ngọc bội nơi này,
Hôm sớm chẳng hề khuấy niềm tưởng nhớ.
Ôi quê xưa ! Những chiều hoa kỏi nở
Chúng ta vui hồn hậu giữa thiên nhiên.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP

— Tuổi thơ ấu thần tiên
Mây sầu chưa rời tóc.
Chúng ta đợi trăng rằm bên suối ngọc
Bình pha lê đưa mức ánh chiều tan.

THANH NỮ :

— Em còn nhớ ? Vậy mà sao nữ trách
Lòng chị đây thao thức nhớ quê hương ?
Buổi tiễn cung, từ phụng chỉ quân vương
Lìa thôn xóm, biệt gia đình bạn hữu,
Hồn tan nát... Thôi có về đâu nữa !
Một đi là vĩnh quyết đó em Hồng...

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Mẹ cha rầu rĩ ngùi trông,
Hoa rỏ lệ, núi sông mờ thồn thức.
Em còn nhớ... buổi trời đông vắn đục
Gió cảm cảm tê héo quầng đường son.
Nhạc ly ca rung chữ tiếng u buồn,
Xe chậm chậm bánh rên từng chỗ rẽ.
Xiêm áo mới cũng lạnh màu tang chế,

Nắm tay nhau trông lại xóm làng xưa :
Khôi bình minh còn gọi đến bây giờ.

THANH NỮ

— Chị thấy cả giòng sông quẩn quại khúc,
Bạc đá xanh, cầu trúc đứng chờ vơ,
Chỗ ta ngồi đập vải lãng sang thu
Và rũ lựa chờ lên mùa nắng ấm.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Nơi phần tử khuất ngoài muôn dặm
Má đào riêng Kinh Khuyết héo hon

THANH NỮ :

— Ngày lại ngày qua, sầu chất núi
Âm thầm xuân ủa giữa vàng son.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Mà, tới đây chốc đã một năm tròn
Gác cô quạnh vẫn hương sầu phần tử.
Mưa thánh thót, đối gương mờ bắc lại,
Càng sót cho tài mạo, tiếc dung nghi.

THANH NỮ :

— Thôi em Hồng ! nhắc nhở nữa mà chi !..

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Nhưng số mệnh lẽ đâu tàn nhẫn
Đề tơ thảm cảnh xuân riêng hận ?
Lẽ nào ư, tan tác mộng hoàng phi ?
Thuở tiễn cung, dù xót nỗi chia ly,
Còn phờ phớt lòng riêng bao nguyện vọng
Mắt kiêu hãnh, đôi hồ thu gọn sóng
Mây chơi vơi cánh phượng tóc trâm cài
Vết xuân sơn hắng chau chuốt hôm mai.
(băn phỉ thúy chấp chùng hương xạ
Đóa họa quỳ một dạ hương dương...
Nào hay đâu hờ hững ý quân vương
Đề nhan sắc mòn soi cầu nước chảy.
Gang tấc, quan san còn gấp mấy,
Chờ mong vô vô một năm rồi.

THANH NỮ :

— Em còn mơ gì nữa. Hồng ơi !
Hương các nọ với lãnh cung là một.
Hào quang ấy chẳng bao giờ thấu xuất
Đến hoa hèn cỏ nội khắp vùng đâu.
Lòng chị riêng cay đắng nỗi cô sầu

Phải xa cách em song lòng vẫn nhớ
Và tuôn khóc một đời xuân lỡ dở.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP:

— Thăm khuê ngày tháng tiêu điều,
Chị thương tiếc mà em chờ đợi.

THANH NỮ:

— Cùng lạnh gối chần, mặt mũi quan ải
Đắm trông vời mây bạc dấu quê hương.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP:

— Khắc khoải đêm trường.

Nghĩ tủi mà thương nhan sắc.
Chị Thanh a, lòng em thắc mắc
Ngày lại ngày, bao tiếc xuân quang.
Đôi phen nửa giấc mơ màng
Gió đông gọi tơ tình thiếu nữ.
Em tưởng vọng mỗi duyên nào trong điểm sử
Đôi bạn tình say đón tuổi hoa niên.

THANH NỮ:

— Hồng diệp rồi chắc?

Cung A phòng (1) nghiêm ngặt then sường
Để đâu tìm gửi yêu đương
Bơ vơ lá thắm nghẹn đường lừa dối.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP:

— Lòng em mơ tưởng một người...
Em thú thực... nửa năm rồi chị a!

THANH NỮ:

— Trời đất hỡi! sao em liều lĩnh quá
Chị thoáng nghe mà run sợ cho em!

CUNG NỮ HỒNG DIỆP:

— Nhưng mưa sầu trắng tủi bao đêm
Áng hồng kiêu phiêu pha nào mấy lúc
Bóng câu trắng, hỡi ơi! càng thúc dục,
Em cũng liều.

THANH NỮ:

— Nhưng tội ấy, Hồng ơi!

Lưỡi gươm sắc đã bao người bỏ thân...

CUNG NỮ HỒNG DIỆP:

— Em cũng đành. Ơi hỡi tấm lòng xuân,
Đã sao xuyên bao lần khi trở gió...

*Có tiếng trống thu không điểm song song vời tiếng
chiêng. Ánh sáng đôi màu từ vàng nhạt ra hồng
thắm. BẠCH NỮ, TỔ NỮ, LỤC NỮ cùng ra.*

BẠCH NỮ:

— Chiêng trống điểm sang canh rồi đó!
Hỡi chị còn tâm sự mãi sao?

TỔ NỮ:

— Trăng thượng tuần đã lên cao

(1) A Phòng đây chỉ có nghĩa là chỗ ở của các cung tần.
Không phải là một đại danh từ như vẫn thường dùng.

— Lối xanh cỏ đã rạt rào hương đêm.

BẠCH NỮ:

— Kia sao mai dẫn nẻo hội Quỳnh diên
Đã lấp lánh bên trời rung hạt lệ.
Giờ là lúc cung tần chau chuốt vẻ
Sức phấn hương tỏ vẻ nét tri son.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP:

— Hai chúng em ngồi xuất huổi hoàng hôn
Mê cảnh sắc tới quên giờ sao mọc.

BẠCH NỮ:

— Xin hai chị mau mau rời gót ngọc
Cùng chúng em trở lại gác A Phòng.
(cùng vào)

*Sân khấu bỏ trống một phút. Ánh sáng chuyển dần
sang màu xanh phơn phớt, trăng thượng tuần dần
dậy lên cao khỏi mái lầu. NỘI GIÁM TIÊU THANH rón
rén từ trong bụi dương liễu đi ra. Một hồi trống dồn
sang canh vắng vắng...*

NỘI GIÁM TIÊU THANH:

— Trống sang hai đồ hồi lay bóng nguyệt,
Gác A Phòng trắng gọn mái chành chành,
Mái lầu cong thêm thiếp khế rung mình
Theo nhịp chuyển bày sao trời viễn cách...
Bóng hoàng cung lan dài theo liễu mạch
Liên bông dài suốt tóc bóng lê thê.
Sông Ngân Hán chói chan giòng lụa bạch,
Vành lược trăng cài biếc khóm tường vi.
Đây là phút cả A Phòng mơ đợi,
Một giấc mơ không tới đã hàng năm.
Bao nụ xuân tơ, biết mấy trăng rằm
Đương khắc khoải ngóng bàn tay vũ lộ.
Ôm cuồng vọng, xót cho bày cung nữ,
Hoa muôn nghìn, bướm chiếc, náo nùng thay!

— Ta lên bước vào đây

Trộm ngắt một bông đào mới
Hằng nga đủ hăm cung mây,
Đôi cánh si tình bay cũng tới.
Chao ôi vườn cấm hoa gầy
Nên ta liều bước vào đây.

Nàng kiều diễm. tóc mây vừa kịp uốn,
Trâm mới cài, phong nhụy dóa thiên hương
Ôi nghìn vàng một gái Châu Dương!
Này vạn thuở đào tươi trên má ửng,
Trong khúc hạnh, ý xuân tình chợt dựng
Là chợt nghiêng thành quách núi sông ai.
Trái thiên thu bưng chín ở môi cười
Nhạc tiên giới âm về trong tiếng ngọc.
Liều trao cả hồn thơ cho mái tóc
Gửi mình cho dáng đắp yêu kiều.

Tại say chết về đào yêu

Quên thân..., vườn cấm ta liều bẻ hoa.

Nàng đã hẹn hò ta :

Lúc trăng liềm đứng bóng,

Sẽ rời gót sen ngà,

Tới đây cùng nhập mộng.

Xưa kia từng có gã,

Mê sắc đẹp nàng Dương

Đầu rơi, lòng cũng hã,

Sau một đêm hoàng vương.

... Trăm năm sống kiếp dung thường

Sao bằng tiếc ngọc thương hương một giờ !...

(*lắng nghe có tiếng giầy đi tại*)

Nẻo hoa vàng rơi rắc

Ta nghe động tiếng kim hài.

Ôi ! đã bao ngày mơ ước,

Là đây tỏ lỗi thiên thai.

Đức VUA *thong thả bước ra mãi ngắm trăng sao nên không nhìn thấy NỘI GIÁM. Cùng lúc ấy NỘI GIÁM thất kinh, lén nấp vào bụi dương liễu kề đó.*

Đức VUA (*ngâm*):

— Liềm trăng biếc ngậm chên đầu liễu,

Thu mới, hương lên ngọn cỏ dài

Tinh tú nhịp trôi vòng ảo diệu,

Trà mi xao động búp sơ khai...

Đào giếng hỏ, trình đài khép nép,

Nguyệt cầu son vàng thếp tơ nhung.

Đón sương nghiêng mặt phủ dung.

Hải đường say gió náo nùng chiêm bao

HỒNG DIỆP *ra chỗ hẹn với NỘI GIÁM, chợt gặp VUA, vội vâng quỳ xuống, run sợ khấu đầu, không dám ngẩng lên.*

Đức VUA:

— Nhà ngươi ở cung nào

Mà đêm hôm khuya khoắt

Hãy còn chưa đẹp giấc?

CUNG NỮ HỒNG DIỆP (*lưỡng cổng, ngáp ngừng một lúc. Rồi vẫn cúi đầu*):

— Tâu Cửu Trùng, xin mở lượng dung khoan

Cho tiện tỳ làm vương bước thiên nhan.

Kẻ tiện tỳ quên khuya vừa trộm phép

Dạo nơi đây, giữa vùng hoa cỏ đẹp.

Hồn mơ theo trăng ngủ mái Hương Lầu...

Đức VUA:

— Cho bình thân.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP (*dứng lên, khép nép*):

— Tiệp thiếp, gái Dương Châu

Đội ơn đấng Cửu Trùng tha tội,

Xin kính chúc Thánh Hoàng muôn tuổi.

Đức VUA (*ngắm nghía*):

— Gái Dương Châu ! Quả thực bất hư truyền,

Dung nhan này, chưa dễ mấy thuyền duyên.

Ta miễn lễ cho.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP:

— Quỳ tâu Chín Bệ,

Thiếp ở lầu tranh, đội ơn trời bề

Nạp vào cung tinh đã một năm trường

Đóa hoa hèn nay được thấy vàng dương

Nổi mơ ước đã thỏa đời ong kiến.

(*khúm núm đứng lén nép vào gốc liễu*)

Đức VUA:

— Liễu như mi, phù dung như điện,

Vân vũ Vu sơn ưỡng đoan trường.

Rõ ràng đây Quàn Ngọc nhánh thiên hương.

...Ồ đôi má xuân vừa lịp chin.

Vẻ hồng nhung e thẹn đắm càng say.

Đài băng cao vén tơ mây

Tóc thơm rừng quế.

Men nồng diễm lệ, thơ ngây vàng trán dương hòa.

... Mai nhỏ vóc, liễu thon mềm dáng.

Ồ đôi tay búp nõn quỳnh hoa.

Lụa thoáng trong sương, tuyết điểm trên ngà,

Ồi mát rợn một làn dạ nào nùng.

... Thanh sắc vượt ba cung, chùm sáu viện

Ngàn bông tươi Thượng Uyển sánh còn thua.

Một giai nhân? Trăm ngày ước đêm mơ

Nay mới gặp...

CUNG NỮ HỒNG DIỆP (*quỳ xuống*):

— Quỳ tâu lên thánh chúa.

Đức vạ thẳng quá lời khen tiện nữ.

Gái thôn quê hèn mọn xấu xa này

Được áo xanh châu chực đã là may.

Đức VUA (*đỡ HỒNG DIỆP dậy*):

— Thôi ! Hồng Quân chậm biết đề hoa gầy

Chốn u cốc bấy nhiều ngày rồng rã,

Cánh lan nhược ưỡng mùi hương vương giả.

Mắt xanh kia vì trắm phải cô sầu.

Phụ lòng ai, ta hờ hững bấy lâu.

Giờ đây hạnh ngộ

Ta sẽ cùng khanh

Tận hưởng niềm trăng y gió

Nghe hoa bừng thắm ân tình.

Ngôi quý phi dành đó.

Gót sen kia đầu mở lối hoa cù

— Mái Tây Cung đài tạ sẽ trùng tu,

Hiên Ưởng Diệp, gác Trầm Hương lộng lẫy.

Ái Khanh sẽ cùng ta về ngự đấy

Lầu Thừa Lương, Đãi Nguyệt, chén giao hoan

CUNG NỮ HỒNG DIỆP:

— Tiệp thiếp xin bái thụ ý Thiên Hoàng

Đức VUA:

— Đêm nay sáng, đường khuya vàng thánh thó

Ái Khanh hãy cùng ta vui dạo gót

Tới Hồ Gương xem cá đớp trăng in.

— Cúi vàng lời.

(ngơ ngác nhìn chung quanh)

ĐỨC VUA :

— Vạn vật ngủ trong đêm.

Nghe bừng thức với mùi hương dạ hợp

(nắm tay Hồng Diệp)

Ta cùng đi !

(thấy HỒNG DIỆP thần-thờ, như tìm kiếm, chờ đợi, hoặc lưu luyến một chút gì)

Kìa sao nàng chậm bước,

Khóe thu ba sớ sững, trán băng khuâng.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

(túng túng)

— Dạ muôn tâu, thần thiếp đội hoàng ân

Cơ vũ lộ còn ngờ trong mộng ảo.

Hoa lá nơi đây nhịp cung đàn sáo

Điều thanh bình nghe thức ngủ dài tờ

Mừng kẻ tỷ nhi tự phút bấy giờ

Chốn hang tối được hào quang rạng chiếu.

Ơn thánh thượng ái sinh lần cỏ héo

Từ đêm nay và chính tự nơi này

Cho nên còn chưa nở dứt chia tay

Với ngọn cỏ màu trắng đầy hạnh phúc

ĐỨC VUA :

— Ái khanh quả tâm hồn khác tục

Nổi yêu đương tràn tới cảnh vô tri

Ăn cần sao lời nói hữu tình kia !

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Tâu thánh thượng, tỷ-nhi còn lưu luyến

Cỏ hoa này chưa nở với rời chân

Thiếp có ngờ đâu ! (thở dài buồn bã)

ĐỨC VUA :

— Tao phùng chẳng hẹn

Cũng duyên trời hương tề với minh quân !

CUNG NỮ HỒNG DIỆP (nói với cảnh vật :)

— Va cũng từ nay

Cuộc đời tươi sáng

Tơ liễu biếc ! hỡi vàng trăng sản lạn

Ta ngờ đâu lại chính ở nơi đây !

ĐỨC VUA (kéo tay HỒNG DIỆP)

— Kìa chành vênh nguyệt đã xế về Tây

Ái Khanh kíp theo ta rời gót phượng

Rồi ta sẽ chiều Khanh niềm vọng tưởng

Gác Tao Phùng cho dựng đề làm ghi . . .

(sánh vai cùng vào)

NỘI GIÁM TIẾP THANH (trong khóm liễu đi ra) :

— Thôi rồi bao mộng ước !

Ta chờ mong đã uống bấy nhiêu ngày

Taoắt rơi hòn ngọc trên tay

Cánh tiên nga vụt sớm bay non Bồng

— HỒNG DIỆP (trong ta giờ bao !

Em biết chẳng ta liều chết vì em !

Hỡi trăng mờ ! này nữa ánh sao êm !

Các người có chuơng đau niềm phần uất ?

Ta yêu Hồng Diệp

Sống thác coi khinh,

Ta mê người đẹp

Giăng mạng cho tình.

Nàng cũng đắm yêu ta. Và giọt lệ

Trên vai ta thánh thốt đã bao lần !

Ôi giòng châu hờn oán của giai nhân !

Éo le thay là số kiếp

Đau-đớn chưa em Hồng Diệp !

Ta cùng em : nội giám với cung tần

Gặp gỡ nhau. đời giữa lúc thanh tân

... Nhưng vườn cấm, tin xuân nào giám lộ.

Đau để phút nổi u tình cõi mớ,

Lưỡi gươm kia ngời sáng giải Ngân Hà

Tội khi quân diu búa sẽ không tha.

Ngọc thạch ắt câu phần khi lửa cháy,

Nhưng ta vẫn mơ màng nhan sắc ấy

Nửa năm rồi, tê tái dạ cuồng si,

Mà giai nhân thăm lặng chốn khuê vi

Cũng đau đớn như ta niềm tuyệt vọng.

Đều chỉ biết tìm nhau trong giấc mộng

Bao đêm ngày, trôi những phút thiên thu

... Hẹn khuya nay... liều chết có ai ngờ?

Số mệnh khéo chiều người chỉ quá lắm !

Thôi từ nay. Hỡi lòng ta mê đắm !

Phút này đây Hồng Diệp ở nơi đâu ?

Biết chẳng anh ngồi lẻ bóng cô sầu

Cùng một ánh trăng !

Ai nữ chia lìa đôi lứa !

Thôi còn đâu nữa !

Là đây chỗ hẹn, đó cô Hằng !

Đối cảnh vật riêng mình ta đau đớn

Lời ái ân Hồng sắp nói hên ai ?

Nguyệt chan chưa mảnh gương hồ thoáng gọn.

Này bóng ai cùng soi với hình ai ?

Hỡi trăng sao từng phút lạnh đêm phai

Ta những tưởng. Có ngờ đâu, Hồng Diệp !

Trống não nuốt từng hồi liên tiếp

Rối cay chua vào trái tim ta. r

... Chắc em vui tình mới giữa hương hoa

Và bao xiết từng bừng đêm hạnh ngộ !

Nhưng em lại biết chẳng lòng thánh chúa

Dầu say mê nào cứ vững bền đâu !

Đã bao nhiêu người đẹp phải ôm sầu.

Hoa khát đợi, không về con bướm thỏ,

Riêng nơi đây. Lòng anh muôn thuở nhớ

Ngàn kiếp yêu, Riêng chỉ một Hồng thôi. v

Éo le thay, mộng ấy cũng tan rồi !

Giấc mơ ngắn hẹp hơi thổi cũng lữ !

Ôi Hồng Diệp ! đến bao giờ gặp nữa ?

(NỘI GIÁM TIÊU THANH ngồi xuống bờ cỏ rồi đứng dậy đi đi lại lại thở dài. Ánh trăng dần xé về Tây. Trống dồn sang canh vọng tới, náo nức. TIÊU THANH ngồi gục trên cánh tay cho tới lúc lan canh, trăng sắp lặn thì CUNG NỮ HỒNG DIỆP trở về).

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Kia Tiêu Thanh! chàng đó hử, trời ơi!

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Em Hồng! Anh đứng hèn đã lâu rồi.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Chàng! Chàng thấu cho lòng em ..

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Hồng Diệp!

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Đạo làm tôi lẽ nào không... (ngập ngừng) :

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Tôi nghiệp

Con chim hồng xinh xắn của lòng ta!

Anh chờ đây ngay từ lúc... nhưng mà...

CUNG NỮ HỒNG DIỆP (sợ hãi) :

Ngay từ lúc... Trời ơi... Khi thánh thượng.

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Lòng mở hội, anh vui mừng những tưởng

Có ngờ đâu. Chút nữa! Thực còn may...

CUNG NỮ HỒNG DIỆP (ngậm ngùi) :

— Chỉ vì em...

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Mà em vẫn không hay!

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Nhưng chết rồi! Dám xin chàng nhẹ tiếng!

Trăng khuất đã từ lâu. Và trống điểm

Tan canh rồi; tình tú sắp mờ phai

Chàng ơi chàng! ta phải biệt nhau thôi.

Đây tại vách mạch rừng, ta chẳng thể

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Nhưng anh mỗi chờ em, khô giọt lệ

Bấy nhiêu ngày; chưa kịp dải nguồn cơn

Giấc chiêm bao từ vạn thủa cô đơn

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

-- Kia sao lặn Tiêu Thanh! chàng có thấy.

Đêm hấp hối, lửa bình minh đỏ rẫy?

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Mai, em về ngự Tây Cung,

Làm sao còn gặp gỡ được em Hồng.

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Đêm chết hẳn phía chân mây rồi đó

Sương sớm đã long lanh đầm ngọn cỏ.

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Không, em Hồng! anh quyết chẳng về đâu

Anh chờ đây, chờ tới lúc rơi đầu!

CUNG NỮ HỒNG DIỆP (hốt nhiên) :

— Chàng! chàng nữ nghê lòng em phản trắc?

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Nhưng mai một se hồng nam nhan bắc.

Đến bao giờ...?

CUNG NỮ HỒNG DIỆP (quả quyết) :

— Không! vàng đá không phai

Em nguyện cùng anh rồi sẽ trùng lai.

Chức vị dầu thay nhưng lòng vẫn một.

Tình chớm nụ đã bao; biệt li thề thốt!

Em vẫn em HỒNG DIỆP của TIÊU THANH

Cho có nay mai ngọc đá tan tàn

Em chẳng hối sẽ vì anh mà chết.

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Anh cũng bởi quá yêu, đời chầu; thiết

Được gần em một khắc thỏa trăm năm

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Thôi xin chàng hãy yên tâm

Mai, lúc nguyệt chênh non chàng lên đời

Cũng nơi đây. Gắng chờ... Em sẽ tới

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Nhưng mai rày, em đã Quý phi

Khóa then càng bắt lối cung vi

Anh biết có được luôn...

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Chàng hỡi!

Em đã tính cuộc lâu dài mãi mãi

Đề hai ta gần gũi cánh uyên ương.

Đợi khuya mai, em nghĩ giúp cho chàng

Định một lối dề ra vào cung cấm.

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Em Hồng thực yêu anh nhiều lắm.

Chết vì em, cũng thỏa một đời anh!

(Có tiếng cánh lá xôn xao ở phía sau)

CUNG NỮ HỒNG DIỆP :

— Trời ơi này, có tiếng đồng! Tiêu Thanh

Chàng kịp ầu ngay đi Hồng tạm biệt

(Nội giám lùn vào bụi dưới q liễu cùng mới lủ

với HỒNG DIỆP vội vã chạy về cung).

HẠ MÀN

Hết đoạn thứ nhất

ĐOẠN THỨ HAI

Cảnh trong Tây cung, buổi sớm — (6 tháng sau)

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

— Thôi người còn hỏi là n chi nữa

Cho ta càng ảo não tâm can

— Tàu quý phi người vẫn thờ dài than
Giòng lệ vũ sớm chiều tan tác ngọc
Kẻ thần thiếp đội ơn trời mưa móc
Dám nào vui khi chẳng rõ vì đâu
Trán bằng sương mờ ngủ áng mây sầu
Khói u uất rèm mi tràn gợn mãi

Quý PHI HỒNG DIỆP :

— Ôi đã bao ngày ta khắc khoải
Và bao đêm ta trằn trọc ưu tư.
Buồn hôm nay là một với hôm xưa...
Người còn hỏi vì đâu : trời hỡi !
Ta buồn ư ? Còn bởi vì đâu !
Tâm sự ấy cùng người ta đã nói
Cùng người, ta bày tỏ đã bao lâu.

Thị NỮ :

— Bầm lệnh bà, vẫn một mối lo âu
Từ độ ấy vương sầu trong khóe biếc ?

Quý PHI HỒNG DIỆP :

— Người đã sớm quên rồi ?

Thị NỮ :

— Không ! Tiệp thiếp
Ơn cao sâu, lòng khuyến mãi còn ghi
Dám nào quên ! Nhưng... Biết tính mưng gì

Quý PHI HỒNG DIỆP :

— Biết làm sao được nữa
Ta sớm chiều mong đợi ngóng từng giây.
Cuộc sống kinh hoàng như ngọn sáp lung lay
Tình ngang trái, đã bao ngày gian nguy
Bóng pháp trường ghê lạnh giấc cung phi
Người biết đó. Chỉ vì... Ta đã chót !
Đã thắm vụng yêu mà thề thốt,
Mảnh trăng còn sáng lọt hoa viên.
Lòng ta chưa tắt hương nguyên
Tiêu Thanh chàng ơi ! Tơ tình khó gỡ
Chàng quá yêu mà thiếp quá si mê
Nẻo thâm nghiêm ta liệu chết đi về
Nhưng đau đớn cho em, giờ hợp mặt
Có bao giờ chung hưởng vẹn tuyền đâu !
Mòn trông mỗi đợi
Mà giây phút gần nhau
Nỗi lo lắng bồn khoăn càng gấp bội.
Duyên thâm lén cả hai cùng phạm tội
Đã âm mưu lừa dối quân vương
Tội đối vua chàng có biết không chàng ?
Ta sẽ phải chu di từ chín họ
Ôi lòng em run sợ !
Nếu tình ta bại lộ... một ngày kia !

Thị NỮ :

— Tàu lệnh bà, trên ngai báu hoàng phi,...
Thần thiếp sợ cho người thêm nặng tội.

Vĩ hờm sớm quân vương tình chẳng đổi
Lạnh ba cung riêng ấm một lầu Tây
Nào khi rượu nguyệt, thơ mây
Hoa rục rở, nơi này riêng ngự uyển.
Thần thiếp ngại nỗi ghen hờn sáu viện
Tiếng ong ve rồi lọt tiếng đàn trì.
Đấng thiên nhan rồi sẽ... một ngày kia

Quý PHI HỒNG DIỆP :

— Ta biết lắm... trợn lồi đỉnh thánh chúa
Nhưng quá trốn, ta làm sao được
Tránh làm sao được tội khi quân ?

Thị NỮ :

— Tàu lệnh bà thực khó khăn !
Như người đã thấy !...
Hay người đành vậy ?
Đành cam tộ bạc với Tiêu Lang ?

Quý PHI HỒNG DIỆP :

— Ta nở lòng ư, tuyệt mối duyên chàng ?

Thị NỮ :

— Không thể được ! Dám xin người xét lại.
Ngôi quý phi lệnh bà riêng sủng ái
Được vinh hoa chói lọi một quyền môn
Sáu điện ba cung, hết thảy ghen hờn
Thiếp e chẳng xa đâu ngày vỡ lở

Quý PHI HỒNG DIỆP :

— Ta hiểu lắm. Nhưng lòng ta sao nở !

Thị NỮ :

— Tàu lệnh bà, cơ sự đã gần nguy.
Dám xin người dập tắt lửa cuồng si.
Việc sắp lộ, dám xin người quả quyết,
Tình phải dứt... Và chàng Tiêu phải chết

Quý PHI HỒNG DIỆP :

— Người nói sao ?

Thị NỮ :

Người phải giết Tiêu Thanh.
Giết chàng. Vâng ! Người phải dứt tơ tình.

Quý PHI HỒNG DIỆP :

— Trời hỡi ! Người nói gì ? Ta phải giết ?
Không khi nào...

Thị NỮ :

— Dám xin người quả quyết
Người phải cam tộ bạc với chàng thôi.
Kẻo giờ đây nước đã tới chân rồi.
Nếu dùng dằng con e rằng chẳng kịp,
Không còn kể gì hơn. Giờ đã kíp,
Tính mệnh người, con lo sợ là bao !

Quý PHI HỒNG DIỆP :

— Trời ơi ! Ta giết ! Lẽ nào ?
Tay ta sẽ dính máu đào người thương

Thị nữ :

— Tàu quý phi, người lưu luyến tơ vương
E chẳng thoát búa diu trong sớm tối

Quý phi Hồng Diệp :

— Ta phải giết chàng ư ? Trời đất hỡi !
Không, chàng ơi ! Thà ta chết cùng nhau.
Mê say từ bấy nhiều lâu,
Thề xưa còn mảnh trăng lâu đêm đêm.
Dù sấm sét nổi cơn tàn ác
Đành nhẽ hai ta cùng một thác
Chứ khi nào bội bạc thiếp đang tay.
Chàng ơi chàng, em run sợ đêm ngày.
Nhưng tham sống một mình trong phú quý
Mà đang tâm ?... Hèn thay lòng ich kỷ !
Không khi nào...

Thị nữ :

— Nhưng lúc rập phong lôi
Phải riêng đâu người chịu một mình thôi
Còn hai đấng bề trên, còn họ mạc
Sẽ theo người oan thác sớm chiều đây

Quý phi Hồng Diệp :

— Ta điên rồi ! Bao xiết nỗi chua cay !
Ừ, cha mẹ, anh em, nào tội lỗi !
Chỉ vì ta... Bởi chút tình ngang trái
Mà tan tành xương máu lười gươm đưa
Oa sinh thành, ta đã báo đền chưa ?
...Nhưng tội nghiệp Tiêu Lang tàn nhẫn quá

Thị nữ :

Tàu quý phi, biết làm sao được nữa
Thôi, xin người quyết định một bề cho

Quý phi Hồng Diệp :

— Ta giết chàng ? Ta phải giết chàng ư ?

Thị nữ :

— Thần thiếp sẽ tìm dâng liều độc được
Trái tân toan hòa lẫn rượu nồng say
Chàng sẽ chết êm đềm trong một phút
Ba chén dâng, thôi hồn phách tan bay

(vào)

Quý phi Hồng Diệp (một mình) :

— Lẽ nào ư, chàng hỡi, thiếp đang tay ?
...Nhưng chàng ơi ! thấu tình em tội nghiệp
Thôi từ nay mộng đẹp sẽ tiêu tan !
(Thị nữ ra, bưng rượu cùng chum quả độc)
— Đây chén ngọc đôi ta hằng vẫn chầu
Men cúc dâng nồng ngọt ý giao hoan
Và đây nữa, hôm nay chum độc được
Quả chín tươi ngùn ngụt bốc tan toan.

Giờ đây phải dâng chàng.
Thực chưa sót lòng em quá dối.
Chàng lượng xét... Vì đâu nên nỗi.
Em giết chàng ! Ta sẽ giết Tiêu Thanh !

(Cầm bình rượu cùng chum quả độc, ngai một
quả toan bỏ vào bình, rồi lại ném xuống, lắc đầu)..

Ba chén dâng, mạch máu sẽ tan thành
(lại cầm chum quả độc)

Ôi tàn nhẫn là người, Hồng Diệp nhé !
(quả quyết ném đi, quay lại phía Thị nữ :)

— Không ! em ạ. Khi nào ta lại thề
Chẳng bao giờ ta lừa dối Tiêu Lang
Phụ tình ai vì một chút giàu sang.
Ta giết kẻ yêu ta, vì sợ chết ?
Không khi nào ! Không mà ! Ta đã quyết
Ai nỡ cho đành, táng tận lương tâm !
Thà cả hai cùng ngọc nát châu chằm
Ta cùng chết, cả hai cùng chịu tội.
Nay giữa lúc xuân nồng vườn nhưa mới
Ta gắng quên mà hưởng giấc say mê
Rồi mai sau cùng lạnh cõi bên kia
Ta lại nổi điệu tình ca vĩnh viễn

Thị nữ

— Tàu lệnh bà ...

Quý phi Hồng Diệp

— Giờ đây chàng sắp đến.

Ta muốn vui cùng cực, trót say sưa.
Người đừng khuyên gì nữa ! chẳng bao giờ !
Ta chỉ biết hôm nay là đáng kẻ.
Chàng sắp lại ... Người mau bày tiệc nhé,
Đề ta sang vườn ngự hái vài bông
Về dâng chàng ...
(vào)

Thị nữ : (một mình)

— Thôi việc quyết không song

Mê đắm quá ! lòng ai cuồng dại thế !
Không chút nghĩ tới họ hàng cha mẹ,
Tới thân mình, giây lát bỗng khăng khăng
Chỉ nay mai sống đây đất bằng.
Tai vạ ấy, sau lưng rồi đó !
Biết làm sao ? (lo sợ) ! Lại còn ta nữa !
Tội a-tòng biết gỡ sao đây ?
(lại gần bàn, cầm ngành quả độc ngẫm ngợi)
Hay là ta ... bắt buộc phải ra tay ?

(gật đầu)

Cũng đến phải liều thôi ! chẳng lẽ !
Tàn nhẫn thực ! Nhưng ước ! còn chậm trễ
Việc tan hoang, ai chịu chết thay mình ?
(ngắt quả độc bỏ vào bình rượu, lắc mạnh).
Một phút sau Nội giám Tiểu Thanh ra).

Nội giám Tiểu Thanh : (ra)

— Kia thị nữ.

Thị nữ

— Tiểu Thanh, người đã tới ?

Nội giám Tiểu Thanh :

— Lệnh bà đâu ?

— Cúi xin người gáng đợi !

Ư ý phi còn trang điểm, phút giây thời

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Ta chờ đây. (ngồi xuống)

THỊ NỮ :

(rót rượu, quỳ dâng)

— Tiệp thiếp cúi dâng người

Chén hoàng tử men tươi vừa mới cất.

Mừng cho cuộc tình duyên đậm thắm nhất

Sẽ thiên thu nồng ngát chốn thâm khuê

Chúc cho người tận hưởng giấc say mê

Và muôn thuở quý phi lòng chẳng đổi

Người có biết lệnh bà thao thức đợi

Mấy mươi đêm khắc khoải suốt canh trường

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

Mà ta cũng nhớ thương cừu địch ấy.

Mộng xa xôi biết mấy u hoài

THỊ NỮ :

Giờ đây gần phút kẻ vai.

Tiệp thiếp quỳ dâng một chén

Bóng vàng ấy hơi thu vừa mới bén

Rượu nồng đây men sánh quỳên hoàng hoa.

Người cạn đi ! Kia pháp phối đương hòa.

Ánh hồng dụ cũng say màu tiệc yếu.

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— (nâng chén rượu, đứng lên)

Tạ lòng người. Sẽ lâu dài non biển.

Ta cầu cho vĩnh viễn giấc mơ này.

(uống)

Nhạc tiên vừa nổi đầu đây ?

(lắng nghe, rồi mơ màng, lão đảo, nhìn kỹ thị nữ nhưng tâm thần đã hỗn loạn, nhẩm đó là Hồng Diệp cúi xuống đỡ dậy, dắt tay đi chuệnh choạng quanh phòng)

Phím tơ bừng thức bàn tay hoa quỳ

(chở ra phía cửa, vu-vơ)

Em này em ! Kia ánh sáng lưu ly

Sao sườn gợn chiếc đề cung bạch ngọc

Ồi vương vít ! giây đàn bay sợi tóc

Nhịp ngà rung sóng phím gót chân ai

Phải chăng ngày hội Dao-dải ?

Và đôi ta xóng bước kẻ vai,

Mọc đôi cánh thiên thần trắng muốt

Ồ văng vẳng điệu tình ca não nuột,

Con chim hồng vừa hót đó chẳng em ?

THỊ NỮ :

Dạ thưa vâng. Nay phút êm đêm,

Ai sống trước cuộc đời sau diễm ảo.

Lạc ngoài cõi trần gian khổ não,

Ly rượu Hồng hoa, màu áo Thiên Thai

(quỳ xuống nâng chén)

Đây thiếp dâng người ly rượu thứ hai,

Mừng cho kẻ Hoàng phi, người Nội giám,

Mây sầu lo chẳng ám giấc yêu đương.

Ấy ai vào mộng vua Đường :

Thiếp xin mời chén quỳên tương ngại ngào

ỘI GIÁM TIÊU THANH

(nống, rồi mê loạn dần mãi)

Ồ núi non dải tạ bỗng 'ao đao

Một vùng trắng huyết trời vào sông Ngân

Tiếng tiêu đồn dập xa gần

Tinh anh mờ ảo, hoa thần lìa ngôi

Hư linh nghe tận nhập sắc ta rồi.

Tuyết quan ải toàn thân trôi sông lạnh

Mất tê rá quay cuồng muôn dị ảnh.

Điện tán kỳ, tai hỗn hoặc thanh âm.

Sáo rợ Khương, hay ấy liếng dương cầm ?

Hương 'lầu lộn tơ trăm dao nhựa quế.

(chân run rẩy đứng không vững)

— Em Hồng ơi ! Sông nào như sông bẻ

Dưới chân anh gầm-thét nhạc phong ba

Trời ơi, đảo ngược sơn hà

Anh không còn đứng vững.

Hồn phách chợt hồn mê sờ sững

Đâu rồi, em HỒNG DIỆP của TIÊU THANH?

ngồi xuống là người trên ghế)

THỊ NỮ : (nói một mình)

— Trời ơi ! Ta nữ cho đành.

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

Em HỒNG Ạ, bữa nào trong đêm tối

Sương bay đầy trên đỉnh núi mê ly

Ta vẫn yêu HỒNG DIỆP, vẫn cuồng si

Nâng thiêu đốt làn da trời đất hỡi !

Nghe xương thịt toi bời như bốc khói

Men cúc dâng, bùng cháy hừng rồi, em !

THỊ NỮ :

(Trông ra ngoài, chừng như thấy bóng HỒNG DIỆP trở về, vội vàng lại quỳ xuống nâng chén mời)

Ly thứ ba, người hãy cạn cho êm

Cho dịu xuống lòng kia phong vũ

Cho tận tụy để phai tàn thế sự

Đề giờ đây vào cuối mộng hoa hương

Động Thiên Thai tìm lại dấu nghề thương

Xa cuộc thế, dám xin người hãy cạn

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

(Gượng đứng dậy uống, rồi lại ngã gục xuống ghế.)

Ồi ! cả linh hồn nghe nứt rạn !

Máu trong thân quần quại thắt từng nơi.

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

(Ôm một bó hoa lộng lẫy bước vào)

— TIÊU THANH chàng đã lại đó, chàng ơi

Thiếp mong mỗi hạ đêm, lòng thỏn thức

Chàng có hiểu nỗi lòng em rạo rức !
Kìa sao chàng không nói với em đi
Em còn sang vườn ngự hái hoa về
Nên chậm bước để cho chàng phải đợi
Này bông cúc bông trà hương mát rượi
Trên đài tơ hàm tiếu giọt sương thu.
Em ngắt dâng chàng, một khối tình u
Chàng có thấu ?

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

(Gượng đứng dậy đỡ hoa, nhưng một quả lại ngã xuống ghế)

— Trời ơi ! không thể được !

Này sao khắp tứ chi đều bại nhọc

Anh chết mất Hồng ơi !

Điềm cuối cùng sinh lực

Vừa thoả khỏi anh rồi

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

(Lại đỡ đầu TIÊU THANH lả trên cánh tay, ngơ ngác nhìn quanh, chợt trông thấy bình rượu, thoáng hiểu hết nguồn cơn, quay về phía THỊ NỮ :)

— Người giết ta ! thôi thôi còn chi nữa !

(Gọi).

— Chàng ! Chàng Tiêu !

(Lắc đầu)

— Hơi thở tắt còn đâu !

Người giết ta rồi, khổ nạn !

THỊ NỮ : (phủ phục xuống)

— Muôn tâu,

Thần thiếp tội muôn vàn đáng chết

Lòng khuyển mã dám xin người xoi xét

NỘI GIÁM TIÊU THANH : (cổ gượng)

— Anh chờ em đây, anh đợi mãi em Hồng

Em đã về ư ? Còn rượu đó không ?

(nhấn mặt đau đớn)

Nhưng sao lại... ? trời ơi này ruột đứt

Không có lẽ ! Hay là... Anh chết mất !

Hay là... em... em dối lừa anh

Trời ! HỒNG DIỆP nữ cho đánh ?

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

— Thấu lòng em với TIÊU THANH

Nông nỗi ấy ! Chỉ vì em chậm bước

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Không, em ạ, dù anh có thác

Vì em, vì chính tay em !...

(Mê loạn)

Trời đất ơi ! ba chén rượu êm đêm

Hương nồng ngát em vừa dâng đó !...

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

— Nào phải em đâu ! Xin chàng nhớ rõ

Khi nào em lại nữ,

Chàng xét lại cho em

NỘI GIÁM TIÊU THANH :

— Dù sao cũng rất êm đêm

Thề phách giờ đây tiêu diệt

Hồn anh còn vạn kiếp yêu em

(Ngã lảo xuống sàn, tắt thở)

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

(Gục xuống khóc bên thây người yêu)

— Chàng Tiêu ơi ! Hồng đặc tội muôn vàn

Thôi từ nay, mộng đẹp rời tan

Chàng ! Chàng đã trái tim ngừng đập

Trái tim kia hằng thôn thục vì ta.

Kìa mây sấm bỗng ngang trời u uất

Chàng đi rồi tê lạnh bóng dương sa.

THỊ NỮ

— Dám xin người mở lòng thương tiện thiếp

Bởi quá lo âu mà trộm phép.

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

— Thôi ta đâu còn oán trách người chi ?

Ta sẽ theo chàng tới cõi bên kia.

Chàng đã chết, thôi lòng ta cũng chết

Duyên hạ giới từ nay đành đoạn tuyệt

Thôi rồi ! ta đã hết với nhân gian

Còn trách gì người ! Một giấc mơ tan

THỊ NỮ :

— Cúi xin lệnh bà tạm nguôi sầu não

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

— Ôi TIÊU THANH ! chàng đã chết rồi ư ?

Ta không ngờ, cuộc ân tình diễm ảo

Đến ngày nay rồi rụng các giây tơ

Hồn anh đâu ? hay chỉ sắc còn tro !

THỊ NỮ :

— Tiệp tỷ thực muôn vàn đặc tội

Nhưng dám xin người soi xét lại

Tiệp tỷ con, bắt buộc phải đang tay

Vì lệnh bà, con lo sợ mai đây...

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

— Chàng đã khuất đời ta cũng bỏ

Thôi từ đây, thôi hết trần duyên !

THỊ NỮ :

— Nỗi đau đớn của người vốn trộm rõ

Nhưng thời gian may sẽ giúp người quên

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

— Không bao giờ ! Người chớ uống lời khuyên

— Ta chẳng thề ! Ôi lòng ta chưa xói ?

Chàng Tiêu ơi ! là đây giờ phút trót

Em sẽ theo chàng sống nữa làm chi ?

THỊ NỮ :

(Nghe có tiếng động bên ngoài, chạy vội ra cửa, rồi hoảng hốt quay vào)

(Xem tiếp trang 42)

ILU'U ILAC

NGUYỄN VĂN CỦA TRẦN LÂM

ĐẶNG THÁI MAI dịch

NHÂN VẬT

VĨNH-TÂN : cung nữ.

NIỆM-NÒ : người cung nữ thứ hai.

LÝ-QUY-VIÊN : nhà âm-nhạc.

Một đoàn người đi tảo mộ

THỜI GIAN

Niên hiệu Chi-đức đời Đường.

ĐỊA ĐIỂM

Một ngôi chùa sư-nữ ở Kim-Lăng.

DÀN CẢNH

Cảnh một ngôi chùa u-tịch, phía trước nhìn ra đường quan, tường đỏ, ngói xanh. — Trên sân lát gạch, rải nhiều bản kinh dỏ ra phơi. Trước sân, mấy cây ngô-dồng và liễu. Giời về tiết tháng ba, hoa rụng đầy cả mặt đất, một đàn chim oanh riu rít bay. Mặt giời dịu dàng êm ái,... bóng cây rung rinh. Ánh sáng rất đẹp. Giữa sân khấu, một bức hương-án chạm nổi, hai bên hai cái tràng-kỳ. Người cung-nữ Vĩnh-Tân đứng bên hương-án tụng kinh.

..

VĨNH-TÂN. — (Bận đồ nhà chùa; bộ rạng tiều-tụy, vẻ mặt buồn khổ của một người đàn bà đang ấp úng mỗi sâu khổ đau đớn).

DỌNG ĐỌC KINH

— Như thị ngũ văn, nhất thời Phật tạ Xá-vệ quốc chi thụ cấp Cô-độc viên dự đại-lĩ khâu chúng thiên nhĩ bách ngũ thập nhân cầu,... Nhĩ thời Thế Tôn thực thời trước t tri bát, nhập Xá vệ đại thành khất thực kỳ trung, thứ đệ khất dĩ, hoàn chi bản xứ, phạn thực ngọt thu y-bát tăng túc dĩ phạ tòa nhĩ tọa.... (Ngất đầu trong rạ).

Chao! Cái con bé này chỉ biết đi rào, hái hoa, bẻ liễu, làm cho một đầu dây hoa là hoa.

(Khử dãi) Kề ra có lẽ như nó mới có thề sung sướng kia đấy! Chỉ có lúc nước đến chân, giữa cảnh loạn lạc thì họa mới thấy nó lo lắng một chốc; thế rồi quay lưng khỏi đó là quên bẵng hết, sang đọc kinh mà ily!

In tưởng bao nhiêu nỗi bi ai của cõi người không hề có một tí gì bám vào được cái buồng tim vô tư lự của nó! Hình như nó cũng không hề biết rằng nó hiện là một nhân-vật trong tấn bi-kịch nữa kia!...

(Bước xuống thềm, sắp mấy quyển kinh đang giở ra phơi ở đấy). — Chết chưa! Nghĩ vợ nghĩ vãn quên cả xếp mấy bộ kinh vào! Chỉ một lát nữa thì giấy đã bị mưa ướt nhèo nhoẹt ra còn gì! (Nhặt lên một bộ xem) A! bản kinh Ma-kha-ban-nhược ba-la mật đây này! Kinh này là kinh mà ngày trước Lệnh-bà thích đọc lắm đây nhé! Mà chính là Lệnh Bà đã dạy tôi học kinh này nữa kia! Chao ôi! Thiệt cái kiếp người đổ ai thoát khỏi cái bàn tay độc địa của vận mệnh! Như Lệnh-bà chẳng hạn: người thông minh tuyệt thế như kia, nếu mà biết sớm sớm đi tu, ngày đêm tụng kinh đề mà vun trồng lấy phúc đức thì làm gì mà đến nỗi bị cái kết cục bi thảm như thế kia chứ! (Khóc nước mắt, lại trước hương-án).

Chao ôi! Chết đi kẻ cũng là rồi một kiếp! Chỉ người sống sót là khổ, luôn luôn chỉ thương nhớ mà khổ tâm! Nghĩ lại một người hèn mọn như tôi, ngay từ lúc bé đã mồ-côi cha mẹ, lênh đênh bề khổ mười mấy năm giời. Thế mà bước chân vào cung là được Lệnh bà ấp yêu bảo hộ!.... Giời ơi! Ôn ấy quên thế nào được! (Khóc nước mắt)

NIỆM-NÒ. — Con gái ngày thơ 18 tuổi, — tay cầm một giỏ tre đầy những hoa hồng mẫu-đơn đi từ cửa bên tay trái vào.

Lựa chọn có nửa ngày giời, mới cắt được mấy bông hoa Mẫu-đơn đại-đóa đỏ này... Tôi thấy chị Vĩnh-Tân cứ ngày đêm thương nhớ Lệnh-bà rõ tội nghiệp! Nghĩ lại xưa kia, Lệnh-bà chỉ thích một thứ hoa này, tôi mới hái mấy bông đem về đây cho chị ấy xem chị có khuấy được tí nào chăng? — (Đi lại gần án thư). — Chị này! Chị xem!... Lại ngồi buồn rĩ đi thế kia rồi! (Nặng nịu): Tôi đã bảo chị đừng sầu não, mà chị vẫn không nghe! Rồi lại ốm cho mà xem!

VĨNH-TÂN. — Sầu não bao giờ nào? Ta còn

NIỆM-NÔ. -- (Ngay thơ): *Ưi...!*
lắm này! Chị, chị xem mấy bông Mẫu-đơn đỏ
ứng lên đây này! Xinh quá kia!

VĨNH-TÂN. -- Mày rõ ác nghiệt! Bỏ đi làm gì!
Để cho nó ở đầu cành tươi tốt thêm mấy ngày
nữa có phải hơn không?

NIỆM-NÔ. -- Lệnh-bà xưa kia thích hoa mẫu-
đơn này: Chị cũng thích!... Em nghĩ vậy, em
mới bỏ đấy chứ!

VĨNH-TÂN. -- Nhảm nào! Hoa mẫu-đơn mà
Lệnh-bà xưa kia vẫn thích là giống đặc biệt lấy
mãi bên đất Thiên Trúc kia về đấy chứ! Đất này
làm gì có hoa ấy? Sánh với thứ này, hoa kia nó
đẹp bằng mấy kia a! Lệnh-bà tìm được giống,
đem về truyền giống vào trước Trầm-hương-dinh,
trên cái ao Hưng. Khánh ấy mà! Lúc nó nở thì
trông như cả một tầng mây gấm. Mỗi lúc hoa nở
là Hoàng-thượng lại truyền cho Lý-học-sĩ đề thơ
đề kỷ-niệm nữa kia!... Chao! sau lúc lũ rợ Hồ
lâm loạn, Lệnh-bà tuấn-nạn, thì cả một vùng
nam-nội, tây-cung, đều là cỏ thu vàng úa... Ngày
này cũng chả ai rõ giống hoa quý kia hạ-lạc thế
nào nữa!...

NIỆM-NÔ. -- Thôi không nhắc lại chuyện ấy
nữa đâu! Không nói nữa! Hễ nhắc đến Lệnh-bà
là chị lại gạt nước mắt! (Cười ôm vai Vĩnh-Tân)
chị, chị nếm xem nước mắt ngọt hay đắng?

VĨNH-TÂN. -- Nước mắt, nếu có thể rửa sạch
bao nhiêu nỗi đau đớn trong lòng, thì chị tưởng,
nó chảy càng nhiều càng hay chứ sao! Đối với
Lệnh-bà, ngày nay chị chỉ còn chừng ấy đề báo
áp ân tình ngày xưa mà! Ỗ!...

NIỆM-NÔ. -- Người ta vẫn nói: đàn bà là thoát
thai trong hạt nước mắt mà đẻ ra, tôi thì tôi cho
rằng chị là bà thần nước-mắt tái thế! Hễ thấy
vùng giăng thu lóng lánh là sụt sùi than thở:
giăng hôm nay đẹp như khuôn mặt của Lệnh bà
ấy! Đừng ngấm làn lá liễu non tươi là lại vẫn
sụt sùi: đường mây của Lệnh-bà xưa kia cũng
nao nao đẹp như thế này đấy! Chị được bao
nhiều là nước mắt mà cứ khóc mãi khóc hoài
lắm vậy? Chị định đem nước mắt làm một con
sông Hoàng-hà thứ hai nữa chắc?

VĨNH-TÂN. -- Thôi đi, em Niệm-Nô! Ta chẳng
nói chuyện cùng mấy nữa! Chết cả ruột đi được!

NIỆM-NÔ. -- (Cầm tay Vĩnh-Tân) Rõ cái tay
ngày xưa trong như ngọc trắng như ngà, đây này!
Đã mấy lần, em thấy Lệnh-bà mẩn mọ, cươn
đương hai cái bàn tay của chị kia đấy. Thế mà bây
giờ khô héo, gầy-mòn, rõ tội nghiệp! Lâu ngày
rồi e cũng rửa tan thành nước mắt nốt!

VĨNH-TÂN. -- Có một hôm chị cho con anh-võ
trắng của Bà ăn trong tay ấy mà, nó cắn cho chị

Lệnh-bà rút ngay cái khăn tay thơm nức của Bà,
đề rít vào chỗ máu chảy ấy mà!...

NIỆM-NÔ. -- Tay chị hồi ấy đẹp quá kia! Nếu
em là con anh-võ thì em cũng cắn một miếng
chứ có à không!

VĨNH-TÂN. -- Nói nhảm nào! Cái giống Anh-võ
trắng hồi ấy là một thư trăn cầm ở mũi bên Quảng
Nam kia đưa qua cổng Ngải ngự kia chứ. Mỏ nó
đỏ vuốt chân màu tía, lông cánh đủ năm sắc
mà lại thông minh, biết nghe nhạc, hiểu tiếng
người nữa kia. Bà yêu nó rồi Bà dạy cho nó đọc
kinh «đà-tâm» dạy chỉ mấy ngày là nó đã: «Cờ
li! Cờ li!» tụng niệm hay ư ồ!

NIỆM-NÔ. -- Lại nói đến kinh «đà-tâm», xưa
kia em thấy Bà thích đọc kinh ấy hơn hết. Em
nghĩ đi nghĩ lại một người thông minh xuất
chúng như Lệnh bà nếu ngày đầu biết sớm
sớm đi tu tâm, thì làm gì đến nỗi mắc phải chút
một cách thê-thảm, ở Mã Ngôi kia chứ!

VĨNH-TÂN. -- Cả ấy cũng khó nói. Người ta
trong lúc phong-lưu phú quý, ai là kẻ nghĩ rằng:
có ngày có thể khổn khổ? Cho đến chị em chúng
mình đây cũng vậy, hồi ấy đã có đứa nào nghĩ
đến sự có một ngày bọn mình sẽ lưu-lạc đến
đây, để ngậm đắng nuốt cay như thế này kia chứ?

NIỆM-NÔ. -- (Nói rất bé) Đây chị ạ! Người
ngoài ấy mà, họ bảo là chỉ vì Lệnh-bà tư tình
với thằng mọi An-lộc Sơn cho nên mới đến thế
đấy!

VĨNH-TÂN. -- Chao! Người đời thì họ bịa được
dù mọi câu nhảm-nhảm để đi nói xấu kẻ khác! Em
tình một người đã có một mối-tình-yêu chuyên
nhất như Lệnh-bà mà lại đi yêu cái thằng mọi
xấu xa, bẩn-thỉu như thằng An-lộc-Sơn thế uào
được kia chứ!

NIỆM-NÔ. -- Chị nói đúng hết sức! Em nghe
người ta nói mà em tức-lộn ruột lên được! Cái
thằng mọi ấy ai mà thương được! Bụng thì bụng
sệ, má thì má lợn-sẻ (làm ra bộ ghê-tởm), hễ nhìn
thấy nó là buồn nôn có ba ngày giới, mà bảo yêu
thế nào được! Vả lại em thì em nghĩ: lẽ nào chị
lại không khuyên can Lệnh-bà đừng trò chuyện
gần gũi gì với thứ người ấy!

VĨNH-TÂN. -- Chị vẫn khuyên can lắm đấy chứ
Nhưng Bà bảo rằng: cái thằng ấy nó gian-giảo
đáng sợ, cho nên Ngải ngự cũng muốn dùng cách
khoan-nhu để đối đãi với nó; chỉ vì vậy mà Bà
tuy chán ghét mà vẫn phải cười nói ôn tồn với nó.

NIỆM-NÔ. -- Vừa có người đi rước kinh đại-
tạng ở kinh về, họ nghe nói Lệnh-bà đã bị nạn
ở gò Mã-Ngôi, s.u lúc đó, rơi ra một đôi tất bằng
gấm; một nhà hàng rượu nhặt được, rồi người

mô nức tranh nhau giả tiền để xem cho kỹ được. Kể cũng là một việc lạ mà động lòng nữa đấy chị ạ.

VĨNH - TÂN. — Người ngọc mắt tích, hương cũ biết tìm đâu? Chị thì chả thích cho lũ trọc-phủ đó nó xem những di-tích của Lệnh-bà, một tí nào! Giới đất ơi! Lệnh-bà của tôi bây giờ đâu?

NIỆM - NÔ. — Rõ chị đa sầu, đa cảm quá. Bây giờ mình dầu thế nào cũng là người tu hành, không có thể phạm-pháp nhà chùa được: phải giữ gìn tâm-thần mình như ấm đũa trẻ vừa sinh kia mà! Chị đừng quá thương như vậy. Kéo nữa người ta lại ngờ chị ghêra quên hết cả phần-hoa chốn cung cấm, và không chịu được cái đời sống tịch diệt của nhà chùa.

VĨNH - TÂN. — Giới ôi! Chính em em cũng nói những câu như vậy ư? Chị vẫn tin rằng: em hiểu, chị hơn thế kia! Chị mà còn dăn dui với cả phần-hoa được kia ư? Linh hồn chị đã say mê đắm đuối đến thế kia ư? Không có thể được! Em. Niệm-Nô ôi, em đừng nghĩ oan cho chị thêm tội nghiệp! Cái thân thể của chị, chị đã xem rõ ràng, như một cành hoa rụng những tự bao giờ rồi kia, em ạ! Đời của chị, chị đã không nghĩ đến, thời chị còn quyền luyến đến những thú phong-lưu địa-huyền của kiếp này làm gì nữa kia chứ? Em Niệm-Nô em còn lạ gì tung-tịch nguyên do của chị? Quê quán chị trước đây ở trong một làng quê mùa, bé nhỏ bên Dương-Châu; ngay từ ngày còn thơ, chị đã mồ côi cả cha lẫn mẹ. Rồi đến năm ấy, triều đình tuyển mấy người cung-nữ vào kinh, thế là ông chủ của chị liền nhân dịp đó, để tây ngay chị cho tiện hưởng cái gia tài của chị. Thế rồi ông ấy sắm cho một bộ cánh, đưa chị đến một tòa nhà kín cổng cao tường, nhốt ngay vào đấy. Lúc bấy giờ, chị chả biết giận dữ khổ-sở, hoặc sợ hãi gì gì sót! Nghĩ đến cái thân-phận của mình, chị đã chắc dứt ngay rằng cái cánh hoa mỏng manh này, trước sau âu cũng một lần bị gió dập mưa giồn, thôi thời dầu nó có bay vào trên tấm thảm vóc, hay rơi xuống dưới cái cống bừa bần thiu, âu cũng thế thôi! Thế mà ngờ đâu bước chân vào cung là được ngay Lệnh-bà kêu trong đặc biệt. Lệnh-bà ngài cao-quý, tinh khiết như một bà tiên sa xuống cõi trần mà lại ôn tồn đưa tay ngọc ngà ra vỗ về, yên ủi, thương chị như mọi đứa em ruột vậy. Lúc bấy giờ là lúc đầu tiên chị cảm thấy rằng mình đã được nương dựa vào cử-cái-lữ hoàn-sinh. In như một cây cỏ hèn mọn, ngóng lên mặt trời mà được ánh sáng, chị đã quên hết những sự rủi ro trong vận mạng của mình, mà yên thân nghĩ ngơi trong không khí ấm áp của mối từ tâm bác ái mà Lệnh-

bà ban cho. Em tỉnh hồi ấy chị thích thú cảm-kích biết là đường nào! Làm sao chị cảm thấy sung sướng vô ngần và nước mắt đầy trông lên được đấy, em ạ! (Tĩnh thờn phẩn chấn hân lên)

NIỆM - NÔ. — Kia! Cái!

VĨNH - TÂN. — Ngờ đâu chỉ cái thẳng mọi tham lam kia một mình nó đã phá tan giấc mộng êm đềm của chúng mình! Trong lúc cùng nhau chạy vậy lán lán, thì chị đã lập tâm quyết liều với cái chết rồi! Ngồi nghĩ lại nếu như hồi ấy mà chị có thể đứng một bên Lệnh-bà, mà cùng nhau nhắm mắt một lần thì chị đã thỏa thích biết đường nào! Thế mà trong lúc bàng hoàng, mỗi người tản mác ra một nẻo, chị tìm không thấy xe - giá Bà đầu nữ a! Cay đắng, nuốt hết nỗi ân-tình thất-vọng, lưu lạc cho đến đây, tham chút sống thừa để mà duy trì tin Lệnh-bà tuận-nạp, thì khổ cho chị biết bao! Tấm lòng yốn đuối của chị ngày nay đã ngấu như xương rêu! Hồn chị cũng đã theo Lệnh-bà mà từ lâu tán rồi! Tấm thân héo mòn này còn sống sót lại, phỏng có ích gì? (Gạt nước mắt).

NIỆM - NÔ. — Chị ơi! Chị đừng buồn tủi quá đi đi như vậy! Chị quên rằng chúng ta ngày nay đã quy y Phật-phật thì buồn tìm cũng phải xa lảng hết trần tâm như mây bay nước chảy vậy thôi chứ! Trời ôi! Em van chị: chị quên bằng hết chuyện cũ đi là hơn!

VĨNH - TÂN. — Người ta đâu phải là giống vật vong-ân, phụ-nghĩa, mà em bảo chị quên được những nỗi đau đớn đã khắc sâu vào đáy tim?

NIỆM - NÔ. — (Liếc mắt nhìn ra đường quan.) Chị ơi! trò chuyện ngọt nửa ngày giờ, quên hẳn cả hôm nay là ngày thanh-minh. Chị kia, người ta đi về tế mộ về, đen trít cả đường kia kia!

VĨNH - TÂN. — Ở đâu kia? (Vừa lúc ấy có một đoàn người gánh lễ-vật đang hong thả đi qua trước cửa.) Ừ nhỉ! Em ạ, Bà tuận-nạp hôm nay kể vừa ba năm rồi. Lâu nay, chị em mình chưa hề cùng lễ hương-hồn Lệnh-bà, vậy chúng ta hãy bày biện chè, nước, hương, hoa, trông về phương Bắc làm lễ gọi là ngỏ chút vi-thành vậy. Em nghĩ sao?

NIỆM - NÔ. — Vâng! Vâng! Chị viết ngay bài vị Lệnh-bà đi.

(Vĩnh-Tân viết bài vị. Niệm-Nô đem kết thành vòng.)

VĨNH - TÂN. — (Cầm bài vị đọc lại): Đường hoàng quý phi... Dương nương nương linh vị... Đường hoàng-quý-phi

NIỆM - NÔ. — (Vừa kết hoa, vừa nói): Em bằng lòng là vì em nhớ rằng Bà xưa kia vẫn thích hoa đơn.

VINH-TÂN. — (Anan) : *Ơm lấy Lệnh-bà, Con là Vinh-Tân, giờ này quý trước bài vị Bà, Bà thiêng liêng ở trên giới, xin chứng giám cho con cùng!*

NIỆM-NÔ. — *Lấy Lệnh-bà, Con là Niệm-Nô, cũng xin bà chứng giám....*

(Hai người dâng hoa, rót rượu, lễ xong, nhốt bản kinh cùng đi vào).

LÝ QUY-NIỆN. (Rầu bực, áo dài đã nhục, — tay cầm đàn ti-bà)

Chao! Chao! Mưa! Lại mưa rồi! Giới vừa ẩm áp, dịu dàng như vậy, làm sao mà đã mưa được kia chứ! Ý hẳn giới già cũng rơi nước mắt với non nước lâm than đây chăng? (Trông ra bốn bên): Tòa chùa này: tường đỏ ngói xanh, thêm hoa lát gạch, thiết là một chỗ âm-u, tịch-mịch (Phủi mưa, ồm ồm ngồi). ai cha cha! Con đường tu hành này trông nó cong queo mà dài chẳng đặc! Biết đến ngày nào năm nào mới đi cho cùng con đường kiếp sống? (Thở dài), Chẳng có lẽ mình sẽ cứ thế này mãi theo dõi chiếc bóng đen om mờ mùng âm-hiện luôn luôn đứng trước mắt hay sao? Đã mấy chục năm giới tôi ồm ồm lấy chiếc ti-bà, mà chạm bốn chữ « Nhất đại hưng-vong », mà ra công đi tới, ngày đêm đeo đẳng, chưa hề bao giờ mình tự hỏi mình đã từ đâu đi đến đây, và rồi từ đây sẽ còn đi mãi tận đâu đâu nữa!... Có lúc mình lại nghĩ bụng: lưu-lạc mãi thế này, biết đâu éo le cũng là hay?... Hay nhất là đi như vậy mình sẽ quên cả xót thương, cay đắng, không cho những nỗi niềm riêng buồn bã đó, nhá nát chút buồn tim tê tái này. Xưa nay, tôi vẫn tin rằng, âm-nhạc là ý-nghĩa cả đời tôi, và tôi phải chỉ sống với âm-nhạc. Ngoài cái vinh dự được làm một người phụng sự rất trung thành của âm nhạc, nào tôi có ao ước những lợi lộc, danh giá gì nữa đâu! Nghĩ lại thì còn danh giá nào về vang cho tôi hơn những ngày độ nọ lúc tôi ra vào trước ngọc Lệnh, đàn-tri tay nắn một ngón đàn là cả triều đình im phăng phắc, hoàng-thượng, lắng tai, bá-quan cúi đầu, lắng/lặng ngời nghe, mê mẩn cả tâm hồn! Thế nhưng đã có một ngày kia trong tâm hồn tôi lại mở nẩy nở ra một tin-niệm mới. Tôi tin rằng: vị thần âm-nhạc rất trang nghiêm, rất vĩ-đại kia, không nên cứ chen chúc vào ra trước đàn-tri ngọc-điện; mình phải tìm thế nào cho nghệ thuật có thể vào thấu trong tim đại-chúng, để cho thiên-hạ chúng sinh ai ai cũng hưởng được ân-huệ của âm-nhạc ai ai cũng say sưa với những điệu đầm thắm sâu sa của âm-nhạc.

Ngày đêm mong mỏi như vậy, nhưng chưa hề có cơ hội thực hành ý-muốn của mình. Thế rồi ngờ đâu giặc Hồ dấy loạn, xa giá vào đất T

âyên, từ đây mình cũng lưu lạc bơ vơ... 1. Bụng lại nghĩ có lẽ đây cũng là khuôn thiêng xui khiến. Nhạc thần phù hộ, và mình sẽ đi tới mục-đích chăng? Thế là tôi tay cấp chiếc đàn, lều mình bôn tẩu, đi khắp góc bể, chân-giới, đi hết chốn phồn-hoa đô-hội lại đi về các chỗ cổ-thành vắng vẻ. Nhưng đến ngày nay, thì tôi phải nhận sự thất bại đau đớn của tôi rồi! Ôi! Cối! giới! Nó chỉ là một lũ liều mạng ở at cùng nhau ngày đêm trức lợi mà thôi! Có gì khác nữa đâu! Một bọn thì để cho « huyết-dục » ám ảnh, say mê hết thiên-hương rồi chỉ biết lo thỏa mãn thú « thú-tính » khắc độc của chúng. Còn một lũ khác, thì ngày đêm rên rỉ dưới sự áp bức, bóc lột, dày vò trong cảnh ngộ đói rét lưu li. Với một linh hồn dợ hãi, trong số kiếp, khổ nạn đường kia, mà bảo thể nào có kẻ biết lĩnh thụ sự tây-lệ của Nhạc thần? Tôi thất vọng, tôi đau lòng, biết làm sao? Tôi chỉ có thể phủ-phục quý trước đền đài nghệ thuật mà sáu hồi nữa thôi! (Vỗ về cái đàn ti-bà thở dài) — Tình cờ sáng nay trong một nhà trạm lại gặp ngay bác thi-sĩ Đỗ-thập-Di. Anh em xa cách đã ngót ba năm giới. Bây giờ bác ta cũng giao lưu lưu-lạc, đầy mặt phong trần! Gặp nhau nên lời, chẳng biết nói chuyện chi chi nữa! Kết cuộc chỉ có thể cùng nhau nức một bụng rượu rồi gạt dòng nước mắt mà từ biệt, ai li đường nấy. Lúc cầm tay, bác còn viết mấy câu tuyệt-cú trao lại cho tôi. Cầm động với tình bạn cũ, tôi đem ngay bài thơ, phổ vào khúc ti-bà... Chốn này xem ra vắng vẻ không ai qua lại, có lẽ đem cung đàn gảy lại, mình nghe lấy với mình, cũng chả hề gì. (Gảy đàn xong lại ngâm thơ):

Kỳ-vương trạch, lý tâm thường kiến,
Thôi cửu dương tiền kỷ độ văn?

Thích thị Giang-nam hảo phong cảnh,
Lạc hoa thời tiết hữu phùng quân! (1)

Chao! Ngâm giờ quá đi rồi! Cái cuống họng hôm nay sao mà khô khan tẻ? Hẳn là vì ngủ không được mà lại uống vào nhiều rượu quá! Chao! Từ lúc trận phong ba làm cho mình phiêu đảng đến đất Giang-Nam, mắt trông thấy sắc xuân rực rỡ trong vườn liễu xanh om, cảnh hoa mơn mớn, sa liễu chim kêu, oanh gọi, bất giác lại chạnh lòng đau « Cố quốc hương vong! » Những lúc ấy là tôi cứ nốc rượu vào, hôm qua uống hôm nay uống, ngày mai vẫn phải uống, uống mãi! Sáng nay, sau lúc đã đem bài thơ phổ vào khúc nhạc, trong lòng tôi bất giác lại thấy lạnh lùng quá đỗi, thế là một mình lại mò lên tiệm rượu, bên nhà trạm một mình uống nửa ngày giới, cho đến lúc say túy lý trên lầu bước chân xuống, mới biết rằng trong tôi lại có một

tiền lộ thì đã uống khan những bao giờ rồi! Suýt nữa thì lão chủ hàng rượu nó đã khiết cổ mình lại đây!... May sao còn một cây đích bằng ngọc cầm ngay cho nó mới có thể thoát thân ra đi. Nghĩ đến chiếc ngọc-đích của mình là bảo vật xưa kia ở vua nước «Mạt-a-Di-Lặc» đưa cống vua Đường, rồi sau lúc khải «Nghe-thượng vũ y» đã phổ thành nhạc, và đem thổi thử ở điện Thanh-Nguyên thì hoàng-thượng mới lấy cây đích ấy mà thưởng cho tôi... Thế mà ngày nay nó lại thành đồ cầm của mình đem cầm để nhảm rượu, thì cũng là một sự đáng thương mà cũng đáng cười thiệt! Văn biết rằng nếu cứ sa đà thế này, rồi kết cuộc đem bộ đầu lâu già của mình phó mặc hoa cỏ đất Giang Nam đêm-chuỳ, có lẽ cũng hay kia! Nhưng kẻ cũng thật chả biết làm gì? Trong những lúc lòng tôi chưa chát như thế này, nếu không có vài giọt nước ngọc trong cốc hồ phách làm thú iêu khiên, nếu không có liều thuốc thánh giới chủ, thì biết an ủi mình bằng cách gì? Giới ôi! Những lúc canh chầy tàn rượu tỉnh dưới bóng giảng-sông tước hiên nhà trạ u, một mình nghe tiếng đồ quyền, ai oán những đọng vong quốc lâm ly, thì lòng tôi ai oán biết là đường nào? Ngủ không ngủ được, cứ thau đùn ngồi dưới bóng giảng, cùng may cảnh hoa rụng, như vậy mấy ngày giới là lại cảm bệnh, (ho sảng sặc! lắc lư) chao! Người ta đến tuổi già, thực là vô dụng! (Đang háng) Đời người nghĩ lại thiệt là chả khác chân bèo, bóng mây tí nào! Từ khi loạn lạc, bao nhiêu bạn bè ngày trước, mỗi người một ngã. Hoàng-bàn-Xước theo vua giá vào Ba Thục, Mã-lên-Kỳ bị giết trong đám loạn quân. Lôi thanh-Hải mắng vào mặt gặc mà chịu chết, Hạ hoai-Ti sau lúc đã mấy năm lưu-lạc cùng tôi, uất ngối đã ngộ bệnh chết giữa đường! Hiện giờ tôi còn chút mạng già trở lại sống sót, dễ mà nhìn thấy non sông vóc gấm bị giặc phá tan hoang, mà nghe tiếng khóc đồng bào diu dặt nhau lán nạn! Tôi nghĩ lại chỉ bằng nghe quách lời bác Đỗ thập-lai khuyên bảo sáng hôm nay, tôi quyết chỉ sẽ đi lán cho tới Linh-Võ đầu quân theo Nguyên-soái Quích-tử Ngừi vậy! (Sơ lên đần) Chao! Minh tuy già cả rồi, không còn khi lực ngày trẻ tuổi, dễ cầm gươm, nhảy ngựa như ai nua, nhưng còn ngọn đan «Song phượng tỷ bà» này, mình sẽ có thể đem hết nỗi cảm khai vong quốc của tâm hồn, phổ vào âm-nhạc để gây nên những tiếng gọi của tinh-thần Hán-tộc, dục giữ anh em quân đội gắng sức bước tới, thì cũng hay chứ sao? Thiên hạ ngày sau sẽ nhìn thấy lực-lượng bọn nghệ-sĩ.... (Ngửa mặt trông giới) Chán với trận mưa-Mai vẫn còn chưa ngớt.... Bước tiền lộ mơ màng trước mắt, lối đi Linh-võ là đâu? Tòa chùa này trông ra co về nguy nga, rộng rãi, ta hãy vào xem một

lúc đã... (Tay ôm đàn tỷ bà, bước tới gần hương-án, đọc): Đường hoàng Quý-phi Dương nương nương linh vị!... Đường hoàng Quý-phi Dương nương nương linh vị!... Kỳ quá! Cách xa kinh-đô, có vạn dặm đường, vả lại đây chỉ là tòa chùa tịch-mịch, mà sao lại có người cúng bái Lệnh-ba? Thế nào cũng có duyên cớ gì chứ chẳng không? Ừ nhỉ! Hôm nay là tết thanh-minh, nhà nào nhà nấy đều đi tảo mộ. Minh xưa kia cũng đã chịu ơn Hoàng thượng và Quý-phi mà chưa hề báo đền thì đứng vào đây khóc lạy một hồi, cũng là phải đạo thần tử (Lạy và quỳ khấn) Dương Nương nương

NIỆM - NÔ. — (Cầm hoa từ cửa bên trái đi vào) Kinh bỗng sắp xong rồi... Mưa Mai vẫn còn chưa ngớt... Mà quái lạ quá!.. Sao lại có ông cụ nào lạy và khóc ở trước hương án thế này? (Đi tới một bên Lý Quy Niên) Ấy chết! Té ra Lý sư Phụ! Sao cụ cũng vào đây?

LÝ-QUY-NIÊN. — (Gạt nước mắt nhìn kỹ vào mặt Niệm-Nô)... Cô... cô là cô Niệm-Nô phải không nhỉ? :

NIỆM - NÔ. — Vâng, tôi cũng ở đây với chị Vĩnh Tân nữa. (Gọi vào trong phía cửa) Chị ơi! Chị ơi! Lý sư Phụ đến đây này!

VĨNH-TÂN. — (Đi ra)... Lý sư phụ nào kia cơ chứ?

LÝ-QUY-NIÊN. — Té ra cô Vĩnh Tân cũng cùng ở đây!

VĨNH-TÂN. — Thiệt nào ai ngờ chúng em lại gặp cụ ở chỗ này!

Vậy lâu nay cụ thế nào ạ?

LÝ-QUY-NIÊN. — Tôi ấy a? Từ lúc giặc Hồ phá kinh thành xa giá vua Đường vào đất Thục, là đổi tên, đổi họ, đi khắp giang hồ, phiêu-đăng với một chiếc tỷ-bà cho đến hôm nay lại tới đây đây.

NIỆM - NÔ. — Thưa cụ, cụ tình cờ qua đây thế mà hay! Cụ làm ơn khuyên bảo hộ chị em; chị em cứ nhắc đến Nương nương là khóc lóc, phiền nề khổ quá đi mất!

VĨNH-TÂN. — (Câu chuyện binh biến Mã-Ngôi năm trước, Nương nương ngộ nạn... Cụ kể cho chúng em: ở đầu đuôi có được không?

LÝ-QUY-NIÊN. — Cô ạ, nhắc lại câu chuyện cũ ấy, nghe đứt ruột đi được! Lúc ấy, quân giặc vào, kinh đô bị hãm rồi, thì bao nhiêu ba quan xưa kia bổng cao lộc hậu và luôn luôn văn võ hào trung-quân ái quốc đến lúc ấy chỉ tay các cụ xo tay nhàu nhau, chả có một ai có ý nghĩ gì sót! Hơn trăm tòa thành đành phải mở cửa rước giặc vào. Hoàng thượng không biết làm thế nào nữa, đành phải chạy vào đất Thục. Ngờ đâu viên đô-thống cai quản đạo quân Vũ lâm là lão Trần nguyên Lệ ấy mà — đối với nhà họ Dương

đã có thâm thù từ trước. Quân rút lui vừa đến Mã-Ngôi, là họ Trần lấy ở rằng Dương Quốc Trung thông đồng với giặc rồi bắt Quốc Trung giết quách! Kể ra Dương Quốc Trung xưa kia chỉ ý-thế làm can, tội nó thiệt đang chết lắm, nó bị giết cũng chả oan nào... Nhưng bọn họ lại yêu cầu Hoàng-thượng bắt Quý-phi tự tử nơi là có làm thế mới yên lòng thiên-hạ. Cô tính Hoàng thượng nở lòng nào mà hạ được một cái mệnh lệnh như thế? Nhưng trong lúc nhà vua còn do dự, thì tin tức đã bản vào hậu đường... Quý-phi cay đắng đi đến trước mặt Hoàng-thượng và sau một nụ cười đau đớn bà khẳng khái nói rằng: « Muốn tâu bệ hạ, bây giờ sự biến đã đến đường này, bệ hạ nên hi sinh một thân thiếp để cho nước nhà khỏi bị nguy lơn! Thiếp xưa nay sống luôn luôn trong cung, cách tuyệt vời bề ngoài, đến ngày nay mới hết tội lỗi của họ hàng là to lớn đến thế! Nhưng ngày nay lũ giặc Hồ dựa vào danh nghĩa «quét sạch những người xấu ở chung quanh nhà vua» mà thân thiếp đây lại là một người họ Dương, vì nên thân thiếp chịu chết, thì giặc Hồ sẽ không có lời tạ khẩu nữa: Rồi đây Bệ hạ được an-tòn, vào đến đất Thục, quân cần-vương sẽ ở bồi phượng thiên hạ kéo đến phò tá Bệ hạ, đẹp in giặc Hồ, khôi phục đất nước, thì thân thiếp chịu chết cũng sẽ ngậm cười sung sướng mười phần!.. Xin Bệ hạ đừng do dự làm gì nữa! » Nghe Nương nường nói, các quan chức, quân lính cúi bên khóc nức nở, không ai dám ngửa mặt nhìn lên cả. Hoàng-thượng lấy ống long-bà, gạt ngang nước mắt rồi chuyển cho nội-thị em bà ra Phật-đường.. Thế là áng quốc-sắc ngời năm mới thấy đành liễu kết đời bạc mệnh đời gốc cây Lê!...

VĨNH - TÂN. — Thưa 4, Như Quốc Trung gây nên tội ác thì chết là phải, nhưng Lệnh-bà ở mãi trong chốn thâm cung, ngài có biết gì đâu mà cũng phải chịu oan như vậy?

LÝ QUY-NIÊN. — Biến biến là một câu chuyện nguy hết sức; vả lại oán thù của đại chúng chôn giấu đã lâu, cho nên dẫu có biện bạch lý lẽ đến đâu cũng vô ích!

VĨNH - TÂN. — Ôi! Giời ôi! Lệnh-bà tôi...

NIỆM - NÔ. — Việc ấy nói ra thêm đau. Nhưng Lệnh-bà tuận-nạn thế ông gọi là « làm việc nhàn, mà đạt đến mục đích hữu nhân », thì chết cũng cam lòng. Thiên-hạ này sau, nếu còn kẻ có can tràng, thì thế nào cũng sẽ biết mình oan cho người bạc-phận. Duy bọn mình xưa nay chịu ơn của Lệnh-bà, thì khó thể quên được nỗi lòng đau-dớn. Em nhớ lại ra kia Nương nường rất thích điệu Nghê-thường Vũ-y-khúc, mà khúc này chính là tay Lý sư phụ phổ vào âm nhạc. Vậy hôm nay tình cờ chúng ta gặp nhau ở đây, mà

lại gặp ngay tiết in như-một, thì chúng ta đem khúc ấy ra tấu-diễn trước linh-vị của Nương nường gọi là đề hương hồn bà chứng giám cho chút vi-thành.. Chì nghĩ sao?

VĨNH - TÂN. — Em nói rất phải... Chẳng hay Lý-sư phụ có đồng ý không?

LÝ-QUY-NIÊN. — Tất nhiên tôi cũng đồng ý chứ!... Tôi còn nhớ mãi bữa đại yến ở Thanh-hoa cung: Thánh-thượng triệu cho tôi chế thành nhạc phả, rồi lại đạo dẫn những vũ nữ ở Giáo-phường vào trong vườn Lê-hoa luyện-tập mấy ngày giờ... Hồi ấy tấp nập biết là đường nào! Bây giờ nhớ lại, mơ màng dường như đã cách một đời người ấy, cô ạ!...

NIỆM - NÔ và VĨNH TÂN. — Chúng ta sắp sửa cùng múa. (Hai người cùng nữ vào thay áo quần vũ-nữ, ra múa trước Hương án, trong lúc múa Lý Quy Niên đánh đàn tỳ bà, khúc Nghê-thường vũ-y.)

LÝ-QUY-NIÊN. — Ai ngờ!.. Ai ngờ khúc nhạc này lại gây vào chốn này!.. Ai ngờ!..

VĨNH - TÂN. — Em nhớ lại hôm mà khúc nhạc này đã phổ vào đàn ấy mà... Lệnh-bà nghe rồi khen ngay rằng sư-phụ là một « âm-nhạc thánh-thư »! Mọi có thể chế được một bài từ khúc thiên cổ tuyệt diệu như vậy!...

LÝ-QUY-NIÊN. — Thiệt tôi đã đem hết tâm-huyết mới chế thành được khúc nhạc này đây! Có lúc chỉ một chữ-phù âm, một nhịp phách, mà công phu mấy ngày giờ kia đây! (Ừng cò lúc giữa đêm trư ng dưới bóng giăng một mình tôi qua qua lại lại trên bờ sông Ngự Âm tu những bóng liễu la đà, đề mà ngâm nga âm, luật... Tôi có thể nói quyết rằng: bao nhiêu những tác-phẩm vĩ-dại ngàn xưa bất hủ không phải là tự nhiên mà sản sinh ra được nó là những giai phẩm kết tinh ở trong tâm huyết của tác-giả, nó là tiếng gầm thét kêu la của mệnh mạch nhà nghệ sĩ. Bao nhiêu những sao sáng chói lọi trong âm-nhạc, ta cũng có thể cho nó là phũng tia hồi quang của tâm hồn ngàn vạn dâng thiên tai. Tôi đã nghĩ rằng: nếu mình có thể sáng-tác được một tác-phẩm cho vĩ-dại như vậy thì dân phải đun hết máu tươi trong buồng tim cứ từng giọt từng giọt một hát ra đầu trong họng, như con chim từ-quy cuối mùa xuân kia, mình cũng chỉ oán thán tí nào! Ấy là thái độ trung thành của tôi đối với nghệ thuật xưa nay vẫn như vậy. Rồi dẫu có ai mắng tôi là si là ngốc, là gàn dở, tôi cũng không quan tâm tí nào! Không bao giờ tôi có thể trễ-nại, buông thả với một cung đàn, một nhịp phách. Cứ cung, tận tụy với nghề như vậy có ba tháng, giờ, tôi mới chế ra được bản đàn này.....

không hội phục! Nhưng âm nhạc bao giờ cũng có những điều thần-bí, em không thể hiểu hết!

LÝ-QUY-NIÊN. — Chỉ sinh mang ở trong ấy thì có, ngoài ra chả có gì là thần bí số! Quy hồ làm hề nào mà thần thái được đặc sắc của một thời đại, rồi đem mà biểu-hiện vào trong hình thức mỹ-thuật, là tác phẩm sẽ có giá trị, có sinh mệnh và có thể làm cho trong lịch sử nghệ thuật nảy nở lên một tia vẻ vang mới mẻ. Khúc « Nghệ-thương vũ-y » này không phải là nhạc phá-trận nhạc Bình-nam, cũng không giống như khúc « Cung yến vũ » nước Sở, hoặc « Liên-hoa vũ » của Phan phi, hoặc « Kinh-hồng vũ » của Mai-hậu; nó khác hẳn những nhịp nhàng của mọi rợ phương xa truyền tới như là Hồ-cầm, Hiệt-cổ... chẳng hạn. Khúc này trong đoạn tán-tự có sáu bài chỉ có « hiết phách » mà không « lưu phách »; đoạn trung-tự sáu bài, chỉ có lưu phách mà không « xúc phách » nghĩa là hồi này dạng múa còn chưa phân minh, người ta chỉ nghe tiếng nhạc du dương lên bổng xuống như muốn néo lấy luồng mây tia mà bay đến tận tít sườn cầu vòng bắc ngang giữa gầm trời: Cuối cùng ba dịp vũ-y, gọi là sức tấn, thì mỗi một tiếng mỗi một chữ đều hao hàm hết bộ điệu người múa: có tiếng chậm, cho tiếng lách, có tiếng dội đều là thánh thoát, uyển chuyển in như một chuỗi ngọc-ly-châu rang rang trên mặt mâm bạc. Nhạc lên dần dần đến lúc có những « Nhập phá », « Nan phá » « Xuất phá » nghĩa là lúc ý nghĩa cuộc múa đã lần lần như là liễu bé chấp chờn trước gió, nhưng tiếng oanh thánh thót nhẹ nhàng. Lại còn hoa-phạm, còn đạo-họa, còn gián phách còn du-phách nghĩa là khi điệu múa đã nổi nải giữa những nhịp nhạc rời rạc như hạt ngọc nát,... thì dần dần cũng khoan thai xuống và bản nhạc đã đến khi hết...

NIỆM-NÔ. — Mấy lời cụ dạy, thật là kẻ rõ tính lý của nhạc-khoa, chả trách gì xưa kia cụ đã nổi tiếng khắp trong thiên hạ. Cho đến có một viên sử thần ở mãi bên Thục, nước Dạ-lang vừa đến kinh-đô là cũng tìm hết cách, nghe cho được khúc nhạc của tiên sinh, để về khoa thị với người nước nó.

LÝ-QUY-NIÊN. — Có tiếng hay không có tiếng, cái đó kẻ ra chả quan hệ gì đến phận-mạng của tác phẩm. Trong thiên hạ, xưa nay đã nhiều áng thiên tài bị vùi lấp, không tên không tuổi; trái lại vô số bọn tầm thường hết sức, lại được nổi danh một thời!

VĨNH-TÂN. — Cụ nói chí lý,

NIỆM-NÔ. — Thưa cụ, khúc nhạc Nghệ-thương Vũ-y này, lâu nay cụ có thương đánh hay không?

Đường lưu lạc, tôi tư vẫn luôn luôn qua lại giữa quang cảnh giới xuân! Ờ ngoá hoa cười của đất Giang-nam, má vẫn luôn luôn cảm thấy trống trải, và lòng tôi luôn luôn như bị những nỗi bi-ai cắn nhá. Chao! (Ôngười! Cặp cỡi người đắm đuối trong tình cảnh (lối) trá hóc lột này! Tôi đã cảm thấy chân chương vô hạn! Tôi yêu âm-nhạc cũng như yêu cái đời sống của tôi; tôi quyết không đem âm-nhạc mà biểu diễn cho một lũ vô ý thức, thiếu chân thành, chúng nó nghe. Tôi không muốn làm dự đoán mỹ-thuật! Có những lúc tôi thấy tịch-mịch, lạnh lùng quá đi mất! Tôi sẽ đi tới tận những chỗ không có một bóng người nào, một mình ngồi trước ngọn đèn một nhà trạm cũ, hoặc dưới ánh giăng sông một mầu cỏ hoang, tôi mới một mình gảy khúc nhạc này, để mình nghe với mình vậy thôi!

VĨNH-TÂN. — Bởi để mấy người đã được chân thành với âm nhạc như cụ! Thật là một thái độ ai ai cũng phải khâm phục. Không biết các nhà nhạc sư trong Lê Viên hồi đó, háy giờ còn lại những ai?

LÝ-QUY-NIÊN. — Hạ-hoài-Tri cùng tôi trốn lên Tráng-an, chẳng may bị bệnh thì mấy tháng trước đây đã từ trần ở Dương Châu rồi.

VĨNH-TÂN. — Còn ông Mã-tiên Kỳ là người chơi ngọc-dịch hay đặc biệt ấy nữa?

LÝ-QUY-NIÊN. — Chết ngay hồi ấy giữa đám loạn quân rồi, còn đâu nữa!

VĨNH-TÂN. — Còn tay sành thiết-bản là Hoàng bản Xước?

LÝ-QUY-NIÊN. — Theo xa-giá vào Thành-đô rồi.

VĨNH-TÂN. — Lại còn ông Lôi Thanh Hải là người cầm thiết-tranh nữa...

LÝ-QUY-NIÊN. — Nói đến Lôi thanh Hải thì ai cũng phải kính mến. Trong lúc giặc vào Tráng-an, người ta xô nhau chạy cho được trước, thì chỉ có một mình Lôi không chạy. Lôi vào vào nhà một người dân trong thành, chờ dịp để mưu sống chết với rợ Hồ. Thế rồi ba hôm sau khi lấy được kinh thành An-lộc-sơn bày tiệc ăn mừng với đàn tôi tớ nó. Nó lại đòi hết bao nhiêu nhạc sĩ có chầu trong Nhạc phủ Lê-viên ngày trước vào hầu. Lôi thanh Hải liền hơn hờ vác cả cái thiết-tranh vào hầu. Giữa lúc tiệc rượu đương nồng Lôi bước tới bên mình An-lộc-sơn, tay cầm thiết-tranh đánh một cái thiết mạnh vào đầu. Rồi quá đánh không đúng, lại bị bắt ngay, rồi đánh mắng giặc mấy tiếng mà chịu chết!

VĨNH-TÂN. — Đáng phục thật! Đáng phục thật! Đánh được một cái như vậy đầu không may mà chẳng giết được giặc thì cũng làm cho nó hết hờ vía và cho chúng biết rằng triều đình nhà Đường vẫn không thiếu những người chỉ sĩ trung nghĩa và không sợ chết.

LÝ QUY NIÊN.— Đáng buồn là biết bao nhiêu kẻ quyền cao chức trọng trước kia hễ mở miệng là cứ một ái quốc, hai trung quân; thế mà lúc quân giặc đến thì đành chấp tay đứng nhìn cho giặc nó giày vò nát cả non sông cầu n tú, chả có một ai nghĩ đến sự giúp vua, cứu nước nữa!

Thậm tệ nữa là nhiều anh lại chạy đi hiến đất để cầu vinh, quý lấy khúm núm trước lũ Hồ nô; hai cô nghĩ xem tâm can của chúng nó thối nát đến dường nào! Thiệt mình nghĩ lại thẹn thay cho chúng nó mà chết ngất đi được!

NIỆM NÔ.— May thay còn được một người nhặc sĩ như Lôi thanh-Hải, cho nên non nước nhà Đường cũng còn mở mày mở mặt được.

VĨNH TÂN.— Bao giờ chả thế? Lúc nước nhà gặp cơn hoạn nạn, mới biết ai là ngay, ai là gian.

NIỆM NÔ.— Ngày nay nước nhà tan nát, bao nhiêu đất đai miền hà bắc, đều bị quân giặc chiếm hết. Chúng mình đều là dân Đại-Đường, chả lẽ có lẽ chỉ giương mặt thế này mà chờ chúng nó mang giáo mác đến thịt hay sao? Cũng phải liệu thế nào chứ?

LÝ QUY NIÊN.— Tôi đã say đắng, khổ sở cũng chỉ vì ý nghĩ đó! Nhưng hôm nay tôi đã nhìn thấy một con đường sáng suốt rồi! Nghĩ đến đất nước tôi bởi như thế kia, mình là dân nước mà chỉ cầu thả sống vụng, sống lén lút qua ngày tháng không có một mảy dưng khí; không biết lo cứu nước cứu đời giống, thì còn gì là hủ-vọng cho tương lai nước ta? Chả có lẽ đường - hoàng đất nước Trung-hoa mà chỉ có một mình Lôi thanh-Hải là trung nghĩa thôi sao? (Phấn khởi) Hiện nay Quách nguyên-soái ở đất Linh-vô còn đương chiêu tập nghĩa sĩ trong nước để quét sạch rợ Hồ lấy lại hai kinh. Tôi đây cũng quyết chí theo ngài, tôi định sẽ tới Linh vô, xin đầu quân, đem năm xương già này liều sống chết mà quyết chiến với quân giặc!

NIỆM NÔ.— Lòng trung nghĩa của sư phụ thật là đáng quý mến! Nhưng sư phụ già lắm rồi, làm thế nào xách nổi cây đại đao mà chém giặc?

LÝ QUY NIÊN.— Ha ha! Cô Niệm nô! Cô khinh lão đến thế kia ư? Sức khỏe của tôi tuy không bằng bọn thiếu-niên cường tráng, nhưng tôi đã có khí giới của tôi rồi (Vỗ vào ngực) Quân đàn này bà! Cây đàn này là một đồ quý đất Thục, mã gỗ bào chơn như ngọc, vẩy hoa như đôi phượng múa; tôi sẽ đem hai đường g giấy vàng này, đưa cùng anh em chến-sĩ, tôi sẽ gảy cho anh em nghe những tiếng gọi thiêng liêng của Hoa tộc, để cổ động tinh thần phấn đấu, giết giặc của họ lên... Như vậy cô nghĩ có phải chứ là một sự ao ước viễn vông hay không?

VĨNH TÂN.— Thế là sư-phụ đã có cách để nợ nước Đàng buồn là chúng em đây sinh ra làm đàn bà con gái, chả biết làm gì! Chỉ sống tro thế này mà ngậm sầu, nuốt tủi vậy thôi!

NIỆM NÔ.— Em không tin thế! Chả có lẽ đàn bà thì chịu cũng không có phương kế gì giết giặc hay sao?

VĨNH TÂN.— (Cầm động) Tôi cũng có một ý nghĩ như vậy, nhưng chả biết trong quân-đội có bao giờ dung nạp lính đàn bà không nhỉ? Thế nào, hờ sư phụ?

LÝ QUY NIÊN.— Nhắc đến chuyện đàn bà đi lính thì xưa nay mấy ngàn năm họa có nàng Mộc lan là một!

NIỆM NÔ.— Chả nhẽ ngày nay không có một nàng Mộc Lan thứ hai? một nàng Mộc lan thứ ba hay sao, thưa cụ?

LÝ QUY NIÊN.— (Hiếu ý và tỉnh hẳn lên) A! vâng! Cô Niệm Nô nói đúng lắm! Trong lúc nước nhà nguy ngập, giặc già ngoài xâm lấn, ai là người ra, sức với nước, thì tức là anh hùng, là nghĩa sĩ mà! Hà tất phải phân biệt đàn ông với đàn bà, con gái cùng con gái? Chúng ta không phải đợi là con cháu thần-minh hay sao? Bao nhiêu non nước gấm vóc, bao nhiêu đất đai hiện còn đương chứa xương thịt tổ tiên chúng ta nếu có kẻ có thể đứng trở mặt để cho gót sắt quân thù giày nát để cho lũ Hồ nô làm chúa, thì mới là đáng thẹn, mới là đầu con cháu không xứng đáng! Một người con gái biết hết sức hi-sinh với nước, thì cũng là một vị nữ anh-hùng, nữ chí-sĩ, là con giống cháu giống chứ sao? Trái lại: dầu là con gái mà hèn yếu, nhút nhát, bỏ tay chịu chết để cho giặc mổ xẻ, giày xéo, thì vẫn là một giống « lãnh-huyết đông-vật » mà thôi! (Phấn khởi) Cô Niệm Nô, cô nói rất đúng! Thời buổi này, nước ta chính cần có một ít Mộc-lan, cần có trăm, ngàn, vạn Mộc lan nữa!

VĨNH TÂN.— (Mừng hết sức, đứng dậy) Vâng! vâng! Chúng ta đi đầu quân! Chúng ta đi đầu quân! Ít nữa chúng ta cũng có đủ hơi sức mà gánh gạc, mà nấu cơm cho quân lính ăn!

NIỆM NÔ.— (Làm bộ điệu giương cung bắn) Em có thể giương nổi cung bắn giặc nữa kia!

LÝ QUY NIÊN.— (Ôm đàn tỳ bà đứng dậy) Phải rồi! Phải rồi! Đi ngay! Chúng ta đi ngay tới Linh vô. Trận mưa bay hồi này giờ này tan sạch! Mặt trời sẽ lên giục giã chúng ta đi! Chúng ta cùng đi trên con đường sáng suốt của ban mai! (Niệm nô cùng Vĩnh Tân đều lột bộ vũ y ra).

VĨNH TÂN.— Cởi ngay bộ áo bị ai này ra!

NIỆM NÔ.— Để chúng ta khoác bộ chinh bào cứu quốc vào mình!

(MÀN.— Sưu màn ảnh còn nghe những tiếng hoan hô: Đi tới Linh Vô, mau lên! mau lên!)

5-4-1933.—

(Trần Lâm)

XUÂN GIÁP THÂN

(Tiếp theo trang 4)

Ầm ầm chút ra bề khơi để lan tỏa trong một khu vực mệnh mông bát ngát : Cảnh đời phong phú bao la :

CHUỖA Giê-Su, treo người trên thập tự, ngoảnh nhìn bọn chúng sinh rũ rượi vì sầu thảm. Người nói, khi sắc tươi hân lên trên thẻ sắc đã điêu tàn.

« Hỡi chúng sinh ! Theo gương ta, các người hãy tìm GIẢI THOÁT TRONG ĐAU KHỔ ».

VŨ ĐÌNH HOÈ

HỒNG DIỆP

(Tiếp theo trang 33)

— Trời ơi ! Ngài vạn thắng

Đã trở gót rồi kia !

Xin lệnh bà đứng dậy, mau đi !

Thánh thượng tới nơi rồi ! Chết nỗi.

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

— Sắc chàng đây, ta đâu làm sao nổi ?

Kịp làm sao ! Mà đâu để làm chi ?

Một chút mà thôi ! ta có mong gì !

Đời lạnh lẽo chia với đời lửa

Ta đâu thiết vinh hoa phù thế nữa !

Yêu đương mộng đã tàn phai.

Hỡi ta còn tiếc chi đời ?

Còn lưu luyến giàu sang chưa quả quyết ?

THỊ NỮ :

— Tân lệnh bà...

QUÝ PHI HỒNG DIỆP :

— (Hàng TIÊU THANH đã chết !

Ngôi quý phi, còn nghĩa gì không ?

Chờng ơi ! hãy đợi em cùng !

(Cầm bình rượu)

— Chàng Tiêu a, phút này nhận rõ

Tình nhân gian trắc trở biết là bao !

Cuồng số phận đã muốn nguôi đời lửa

Uống âm tư ước gửi với thẻ trao.

Họa ai ân tình cánh nở gươm dao

Men hạnh phúc đắng cay mùi độc được

Yêu là phải sầu lo đến thác

Là đem sinh mệnh hiến cho tình.

... Chờ em chút với TIÊU HẠNH !

Đôi ta sẽ yên vui ngoài cuộc sống

Cõi hư vô cùng chàng em nói mộng

Hồn đời ta siêu thoát sẽ êm đềm

Chàng ơi ! Xin hãy chờ em !

(Uống một hơi tất cả rượu pha thuốc độc còn lại trong bình. Rồi gác xống bên sắc NỘI GIÁM TIÊU THANH, chàng mê lúc đức vua ra)

MÀN HẠ, HẾT

ĐỌC NHẠ BÁO, CHỈ NÊN ĐỌC

BÁO VIỆT - CƯỜNG

VÌ VIỆT-CƯỜNG HOẠT-ĐỘNG

MỖI MẺ, ĐẦY ĐỦ, BỔ ÍCH VÀ VUI

NỀY GIA ĐÌNH NÀO CŨNG ĐỌC

BÁO VIỆT - CƯỜNG

LỊCH VÀ LỊCH ĐỐI LẼ

HOANG XUAN HAN

A thường nói năm hết tết đến, hoặc năm cùng tháng tận, nhưng mấy ai đã nghĩ đến năm là gì? Vì sao đem ba mươi tết là đem cuối cùng của năm. Lúc bé, tôi thường đợi đến nửa đêm lúc cúng giao-thừa để xem trên trời có gì thay đổi chẳng. Mỗi lần giao-thừa là mỗi lần làm tôi thất vọng.

Nay xét đến vấn-đề năm tháng, ta phải nhờ đến thiên-văn. Vấn-đề ấy cũng là vấn-đề lịch.

I. — DƯƠNG LỊCH

NĂM. — Ngoài sự hằng ngày mọc lặn, mặt trời đổi chỗ đổi với các chòm sao. Mặt trời chạy quanh quả đất, trên một vòng tròn gọi là *hoàng - đạo*. Một vòng đi hết 365 ngày 256. Ta có thể dùng số ấy để định năm không? Dùng nó là lẽ tự-nhiên. Và nhờ đó, kỳ-bạn một năm sẽ có căn-bản chắc chắn.

Nhưng thực ra, định năm bởi mùa, bởi thời-tiết. Mà thời-tiết ở một xứ nào là bởi vị-trí mặt trời lúc chính trưa đối với mặt đất. Lúc bấy giờ, mặt trời cao chừng nào thì ngày nóng chừng ấy: mùa hè, nó cao nhất, mùa đông nó thấp nhất.

Độ cao thấp ấy là bởi vị-trí mặt trời đối với *trục vũ-trụ* hoặc đối với đường xích-đạo (xem hình). Mặt trời đi đến điểm X, vượt từ nam sang bắc, gặp xích-đạo, lúc ấy là lúc *xuân - phân*. Mặt trời đi lên đến điểm H, cách xa xích-đạo nhất, lúc ấy là *hạ-chí*. Mặt trời đi xuống, lại gặp xích-đạo ở điểm T, lúc ấy là *thu - phân*. Đi qua điểm Đ, cách xích-đạo xa nhất về phương nam; lúc bấy giờ vào lúc *đông-chí*. Rồi quay về xuân-phân tuần-toàn như vậy, vận-chuyển không cùng.

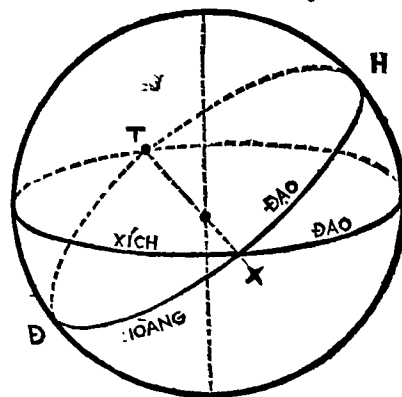
Giá-thử điểm xuân-phân đứng im trên hoàng-đạo, thì ta có thể chọn, làm năm, cái thời-
365 ngày 256 gián-cách hai lần mặt trời

trở lại xuân-phân. Sự thực là xích-đạo đối với hoàng-đạo lại chuyển-động, cho nên điểm xuân-phân một năm đi ngược trên hoàng-đạo một tí tí. Thành-thử mặt trời trở lại gặp xuân-phân trước lúc đi hết một vòng. Thời-kỳ gặp lại xuân-phân là 365 ngày 2422 kém thời-kỳ kia chỉ độ chừng 20 phút. Các nhà thiên-văn đông-phương gọi thời-kỳ gặp lại xuân-phân là *chu-tuế* và thời - kỳ đi đủ vòng là *chu-thiên*. Theo tiếng Âu-châu, thời - kỳ trên gọi là năm *xuân-phân* và thời-kỳ dưới gọi là năm *vũ-trụ*.

Năm dương - lịch là năm xuân - phân 365 ngày 2422.

Nhưng chẳng lẽ năm lại có một số ngày thêm phần lẻ. Nên người ta mới lấy năm 365 ngày, nhưng cứ bốn năm có một năm nhận 366 ngày. Làm như vậy là cho năm có

TRỤC VŨ-TRỤ



365 ngày [25. Vì có sự] chênh lệch nên mới có cuộc cải-cách lịch ở Tây-phương như tôi đã có dịp nói đến trong *báo Khoa-học* số 19.

Theo Dương - lịch, ngày tháng trở lại thì thời-tiết cũng gần gần trở lại. Năm nào đông-chí cũng quanh quẩn ở ngày 22 tháng chạp, xuân-phân ở 21 tháng ba, hạ-chí ở 22 tháng sáu và thu-phân ở 23 tháng chín. Các

nông-dân theo dương-lịch mà trồng-trỉa cây bừa rất tiện.

TẾT. — Năm bắt đầu lúc nào cho phải lẽ. Ngày mồng một tháng giêng bây giờ ở lịch cơ-đốc là theo lịch hoàng-đế Jules César đặt ra năm 45 tiền (1), và Jules César dùng ngày ấy làm đầu năm là bởi muốn đổi lịch dương dùng thời bấy giờ, chứ không có lý gì thuộc về thiên-văn cả.

Hình như nước Pe-xơ trước dùng ngày xuân-phân làm ngày đầu năm. Như vậy, thì phải ý nhất.

THÁNG. — Còn cách chia năm ra tháng 30 hoặc 31 ngày, đó là theo lịch Jules César. Chỉ tháng hai có 28 ngày, vì theo tục dân Rô-ma, tháng này đề cúng các vong hồn và thần địa-ngục. Mà số 8 là số kỵ của họ, nên họ cho tháng xấu này phải có 28 ngày.

I. — ÂM-DƯƠNG LỊCH

Xem trên, ta thấy rằng dương-lịch chỉ tựa vào sự vận-chuyển của mặt trời mà thôi. Nhưng đối với loài người, thì mặt trăng cũng sánh kịp mặt trời, mà hình dáng nó lại có vẻ li kỳ hơn nữa. Vậy làm lịch, không lẽ không chú-trọng đến mặt trăng.

Lịch nước ta ngày nay hiện dùng là một âm-dương-lịch, ta chú-trọng vào cả mặt trăng và mặt trời: mặt trăng để tính tháng, mặt rời để tính nhuận.

THÁNG. — Mặt trăng tự nó không phát ánh sáng. Nhờ mặt trời chiếu vào mới thấy, cũng như quả bóng đèn trong tối, có chiếu đèn vào mới thấy hình. Nhờ mặt trời chiếu vào mà mặt trăng sáng một nửa tối một nửa.

Mặt trăng cũng chạy quanh quả đất trên một vòng tròn gọi là *bạch-đạo*. Hai đường hoàng-đạo và bạch-đạo hơi chênh lệch nhau, nhưng ta cũng có thể coi như là ở trên một mặt phẳng.

Lúc mặt trăng và mặt trời ở hai bên quả đất, ta trông thấy toàn mặt sáng của trăng, nên ta bảo *trăng tròn*, lúc ấy gọi là *vọng*, lúc mặt trăng và mặt trời ở về một phía.

(1) Tiền: trước kỷ-nguyên

vì trăng gần ta hơn mặt trời, nên nó ngoảnh mặt tối lại phía ta. Ta không thấy trăng nữa, lúc ấy gọi là *sóc*.

Theo âm-dương-lịch, từ ngày sóc này đến ngày sóc kia là một tháng. Ngày sóc gọi là ngày mồng một. Ngày vọng không phải ngày rằm như nhiều người tưởng.

Kỳ-bạn gián-cách hai lần nhật nguyệt giao-hội là một *sóc-sách*, hay một *tuần trăng*. Trung-bình là 29 ngày 5305884.

Không lẽ lấy một số có phần lẻ làm tháng. Người ta đã đặt tháng 30 ngày và tháng 29 ngày. Tháng 30 ngày là tháng đủ, tháng 29 ngày là tháng thiếu. Tuần trăng dài hơn 29 ngày rưỡi, cho nên số tháng đủ nhiều hơn số tháng thiếu: trong khoảng 100, tháng có 53 tháng đủ và 47 tháng thiếu.

Nếu tuần trăng đều nhau, cách tính tháng đủ thiếu rất dễ. Ví dụ, sóc tháng chạp ở trưa giờ Tý, nghĩa là lúc đúng nửa đêm. Ta thêm một tuần trăng, thấy sóc tháng giêng vào quá nửa đêm ngày 29. Sau ngày 29 tháng chạp là ngày mồng một tháng giêng, vậy tháng chạp thiếu. Muốn tính tháng giêng, phải thêm hai tuần trăng 59 ngày 06. Trừ 29 ngày tháng trước đi còn lại 30 ngày 06 dành để tháng giêng. Vậy tháng giêng đủ. Cứ theo cách ấy mà tính tháng thiếu đủ trong năm.

Trên đây, ta coi các tuần trăng như đều nhau. Thực ra, các tuần trăng không đều nhau, vì mặt trăng và mặt trời chạy có lúc chóng lúc chậm. Luật chuyển-động của mặt trời còn không đến nỗi khó lắm, chứ luật chuyển-động mặt trăng thì rất là phiền phức. Muốn tính cho thực đúng lúc hai vầng gặp nhau, phải làm tính rất lâu.

Mỗi một thứ lịch âm-dương là một cách tính sự giao-hội ấy. Lịch hiện dùng ở xứ ta, do tòa khâm-thiên-giám tính theo phép của nhà Thanh, là theo phép của cố đạo John Shall Thanh-nhuộc-Vọng lấy phép Tây-phương mà chữa lại phép xưa của Trung-Hoa.

NHUẬN. — Theo cách tính tháng như trên, trung-bình mỗi năm chừng 6 tháng đủ và 6 tháng thiếu, tất cả cộng được chừng 354 ngày, kém năm xuân-phân vào khoảng 11

ngày. Như thế thì mỗi năm đối với thời-tiết cuối năm càng tới sớm. Sau ba năm, năm hết sớm hơn một tháng, trái lại thời-tiết chậm hơn một tháng. Năm và thời-tiết xa nhau. Như vậy, lịch không xứng với chức-vụ của đế-vương xưa đặt ra để cho dân xem đó mà cấy cấy.

Muốn cho năm chậm hết để đợi thời-tiết, phải thêm tháng vào năm. Đại để, chừng ba năm thêm vào một tháng. Tháng thêm gọi là tháng nhuận và năm có tháng nhuận gọi là năm nhuận.

Theo sách *Sử-ký*, đời Hoàng - đế đã biết đặt nhuận (2697 T). Từ đời Nghiêu (2357 T) đã biết rằng trong khoảng 19 năm phải có 17 lần nhuận. Thời-gian 19 năm ấy gọi là một *chuơng*. Mãi đến thế-kỷ thứ năm tiền, Mê-tôn, người Hy-lạp cũng thấy rằng sau 19 năm dương-lịch, ngày sóc trở lại ngày tháng dương-lịch cũ. Thời-gian ấy, ở Tây-phương có tên là *chu - kỷ Mê-tôn*. Nếu đem phép tính mà thử, ta thấy rằng 19 năm gồm có 6.939 ngày 75 gần như là 235 tuần trăng. Số 235 ấy làm thành 19 năm mỗi năm 12 tháng, còn dư lại 7 tháng như đã nói trên.

Trong một *chuơng*, những năm nhuận là các năm thứ 3, thứ 6, thứ 9, thứ 11, thứ 14, thứ 17, thứ 19. Ví dụ *chuơng* bây giờ bắt đầu từ năm ất - mao 1939. Năm ấy là năm số một. Các năm nhuận là 1941, 1944, 1947, 1949, 1952, 1955, 1957.

Theo lịch bây giờ, thì ta có thể dùng định-luật sau này : *hễ chia năm tây cho mười chín mà còn thừa một trong các số 0, 3, 6, 9, 11, 14, 17, thì năm ta có nhuận*.

Cách đặt tháng nhuận, xưa nay thay đổi nhiều : hoặc là tháng nhuận để cuối năm như ở đời Tần và đầu đời Hán (240-104 T). Hoặc là, trong một *chuơng*, theo thứ tự các năm kể trên, các tháng nhuận là tháng 9, tháng 6, tháng 3 (hay là 2), tháng 11, tháng 8 (hay là 7), tháng 4 và tháng chạp (từ năm 28 Tiền). Hoặc là hễ năm nào đáng nhuận thì tính ngày từ đông-chi năm trước đến cuối tháng có đông-chi ấy. Nếu số ngày bé hơn 12, dùng số ấy làm số tháng nhuận

năm sau. Nếu số ấy lớn hơn 12, đặt nhuận vào cuối năm.

Những cách đặt nhuận kể trên không có căn bản tự-nhiên. Từ đời Hán đã có lệ rằng : *hễ tháng nào không có trung-khi là tháng nhuận*.

Nguyên là, năm dương-lịch 365 ngày 2422, đời Hán chia ra làm 12 lần hai nghĩa là 24 phần đều nhau gọi là *khí*. Những phân-điểm của phần mười hai gọi là *tiết-khi* (khí ở khí). Những phân-điểm ở giữa phần mười hai gọi là *trung-khi* (khí ở giữa). Sau này là bảng các khí, có số-hiệu từ 1 đến 24, số lẻ là tiết-khi, số chẵn là trung-khi.

Mùa	Số	K H Í	Dương lịch
Xuân	1	Lập xuân (đầu xuân)	4 Hai
	2	Vũ thủy (ước mưa)	9 Hai
	3	Kinh trập (trùng đông)	5 Ba
	4	Xuân phân (trưa xuân)	20 Ba
	5	Thanh minh (trong sáng)	5 Tư
	6	Cốc vũ (mưa giữa)	20 Tư
Hạ	7	Lập hạ (đầu hạ)	5 Năm
	8	Tiểu mãn (hạt trướng)	21 Năm
	9	Mang thực (1) (lúa lông)	6 Sáu
	10	Hạ chí (đúng hạ)	21 Sáu
	11	Tiểu thử (uất bé)	7 Bảy
	12	Đại thử (nắng to)	23 Bảy
Thu	13	Lập thu (đầu thu)	7 Tám
	14	Xử thử (nắng đốt)	23 Tám
	15	Bạch lộ (sương trắng)	7 Chín
	16	Thu phân (trưa thu)	23 Chín
	17	Hàn lộ (sương lạnh)	8 Mười
	18	Sương giáng (giá đóng)	23 Mười
Đông	19	Lập đông (đầu đông)	7 Một
	20	Tiểu tuyết (tuyết bé)	22 Một
	21	Đại tuyết (tuyết to)	7 Chạp
	22	Đông chí (đúng đông)	22 Chạp
	23	Tiểu hàn (rét ít)	5 Giêng
	24	Đại hàn (rét nhiều)	20 Giêng

Thời-gian từ khí này sang khí sau gọi là khí-sách. Mỗi khí-sách dài hơn 15 ngày, hai khí-sách dài hơn 30 ngày. Vì khí-sách dài hơn tháng, cho nên tháng càng tích lại nhiều, trung-khi càng chậm về cuối tháng, cho đến lúc trung-khi đúng vào ngày cuối tháng ; rồi tháng sau, nó lại ra ngoài tháng

(1) Tàu gọi Mang chủng về triều Thiệu-trị vì chủng húy nên đổi ra thực.

trung - khí. Theo Âm-lịch, tháng ấy là tháng nhuận. Các lịch tàu và ta từ đời Nguyên và Trần đều theo phép ấy.

Ví dụ như năm Giáp-thân 1944 tính theo lịch Hiệp-kỷ bảy giờ thì Vũ-thủy vào ngày 27 tháng giêng, Xuân-phân 27 tháng hai, Cốc - vũ 28 tháng ba, Tiểu - mãn 29 tháng tư. Trung - khí sau là Hạ-chí vào ngày mồng một tháng *thứ sáu*. Như vậy, thì tháng *thứ năm* không có trung-khí, cho nên có nhuận tháng tư. Cũng năm ấy, theo lịch nhà Lê (xem *sáu*) lại thấy nhuận tháng ba.

Phép tính lịch nhà Thanh và phép tính Hiệp-kỷ-lịch của ông Hiệp-tá Nguyễn hữu Thân đi sứ Tàu đưa về cũng theo phép đặt nhuận Hán-lịch, nhưng có thêm lệ rằng: tháng một, tháng chạp không đặt nhuận. Ấy là muốn đề năm nào ngày đông-chí cũng vào tháng một. Lúc gặp trường-hợp đáng nhuận vào tháng một hay là tháng chạp, thì đem tháng nhuận ấy vào năm sau và ở tháng *thứ ba*. Năm 1946 trường-hợp ấy.

TẾT. — Tháng có ngày đông-chí gọi là tháng Tý, các tháng sau lần lượt gọi là Sửu Dần, vân vân. Tháng nhuận không có *can-chí*.

Tết Nguyên-đán là mồng một tháng giêng, nhưng vì sao tháng giêng lịch ta bây giờ là tháng Dần. Đó là ta theo lịch đời vua Hoàng-đế. Nguyên là đời vua Hoàng-đế (2697

LỬA QUANH ĐỜI

Lửa quanh đời đốt trắng hồn ta.
Gió vô biên về tự xứ Đêm xa.
Xương ta mai trắng trong vòng lửa
Đốt cháy từ xưa mấy nghiệp tà.

Quanh đời lửa cháy tự nghìn kiếp.
Lửa thục bao la, đời ngủ thiếp.
Đời ngủ cho yên, mộng cho hay!
Chờ ngại giường con cùng võng hẹp.

Lửa quanh đời đốt, trắng hồn ta.
Tám tư bùng sáng nẻo Đêm xa.
Giấy thoi Đời, Sao tàn trong vô tận
Vang dội u minh giục tiếng gà.

Quanh đời lửa cháy tự nghìn kiếp.
Nhà kín, đời đau, cửa vội khép.
Riêng ta ôm lấy lửa vào đầu,
Sáu cõi nghìn đời lòng hiền thâu.

Ta vui vô hạn buồn vô hạn,
Bồi lửa vô cùng ôm lấy trần.
Lửa giấy cô đơn bạc tuyết vơi...
Đốt trắng hồn ta lửa quanh đời

Huy Cận

Tiền) và đời Hạ (2205 Tiền) cho đầu năm là tháng Dần. Nhà Thương hay nhà Ân (1766 Tiền) cho đầu năm ở tháng Sửu. Nhà Chu (1122 Tiền) cho đầu năm ở tháng Tý. Nhà Tần (221 Tiền) và đầu đời Hán (206 - 104 Tiền) chọn tháng Hợi làm tháng đầu năm. Từ vua Hán Hiếu-võ-đế đến bây giờ, lại quay lại lịch Hoàng-đế và lịch nhà Hạ; chỉ trừ ra một vài khoảng con con mà thôi; từ 237 Hậu đến 239 Ngụy-Minh-đế dùng tháng Sửu; từ 689 đến 700, Đường Võ-hậu dùng tháng Tý, năm 761 Đường Túc-tôn dùng tháng Tý.

III. — CÁC LỊCH NƯỚC TA

Trong sử sách ta, rất ít chép về việc lịch dùng trong các thời-đại. Nhưng một điều chắc chắn là từ xưa ta vẫn dùng lịch Tàu. Lịch Tàu đã theo thời-đại cải-cách luôn luôn. Nhưng ta ở xa, nên mỗi lần bên Trung-hoa có cải-cách, bên ta lâu sau mới theo. Mà có lẽ có lúc chưa kịp theo đã có quốc cải-cách khác.

Từ Trần về trước, không còn đâu chép về lịch. Về đời Trần, sách Đại Việt sử-ký toàn-thư còn chép rằng năm Trần khai-thái nguyên niên (1314) sứ Nguyên mang chiếu-thư sang và mang lịch mới ban cho vua Trần và năm thứ 7 đời Trần khai-hữu (1335) sứ nhà Nguyên sang báo tin vua Chi nguyên vừa lên ngôi và ban lịch « Thụ thời ». Lịch Thụ-thời bắt đầu năm nguyên Chi-nguyên Nhâm-ngọ 1280. Sách Toàn thư lại chép rằng năm Trần Hiến-Tông Khai-hựu thứ 11 (kỷ-mão 1339), đổi lịch Thụ-thời ra lịch Hiệp-kỷ. Đổi đây chỉ đổi tên mà thôi.

Đến đời Hồ Hán-Thương Thiệu-thành nguyên niên (Tân-tị 1401), đổi lịch Hiệp-kỷ đời Trần ra lịch Thuận thiên. Sự đổi lịch lần này có hai lẽ, một lẽ vì lịch là chế-độ của một triều-đại, bỏ vua Trần thì phải bỏ lịch Trần; lẽ thứ hai là trước lúc bấy giờ, bên Tàu, năm Mậu thân 1368, Minh Thái-b đã dứt Nguyên và đã lên ngôi, niên-hiệu là Hồng-Vũ. Năm Hồng-Vũ thứ 17 (1384), đổi lịch Thụ-thời ra lịch Đại-thống. Có lẽ họ Hồ được nhà Minh phong vương và ban lịch mới, cho nên đặt tên lịch mình là lịch Thuận-thiên, là có ý thuận thiên-thời mà cũng thuận thiên-tử nữa.

Thực ra, lịch Đại-thống cứ như lịch Thụ-

thời. Các nhà bác-sĩ nhà Minh chỉ sửa đi một vài điều không quan-hệ.

Lịch ấy được dùng ở nước ta suốt đời Lê, cho đến năm Gia-long thứ 12 (1813) mới đổi, chỉ trừ ra trong khoảng đời Nguyễn Tây-sơn lịch dùng là một thứ lịch gần giống lịch nhà Thanh.

Vì thiếu sự khảo-sát, nên đã có mấy nhà nói đến lịch nước ta hoặc làm sách đời lịch ta và lịch tây như ông Maistre, ông Deloustal, ông Cordier đều tưởng lầm rằng lịch ta và lịch Tàu giống in nhau. Nhiều sách sử-ký chép chuyện ta bằng ngày tháng tây, đổi theo sách ta (Concordance des chronologies néoméniques cũ) Cha Hải môn Hoàng-bá-Lộc) cũng có chỗ lầm lịch ta và lịch Tàu có khoảng khác nhau. Khoảng dài nhất là từ năm Thanh Thuận-trị nguyên niên (1644) đến năm Gia-long thứ 12 (1813); trong khoảng 171 năm ấy, hai lịch khác nhau lắm, tháng đủ thiếu, đến tháng nhuận, số-liệu thay đổi nhiều chỗ khác nhau. Có nam (ví dụ 17) người Tàu ăn tết Nguyên-đán trước ta một tháng.

Mà trong một nước ta có lúc dùng đến hai thứ lịch, như đời Nguyễn Tây-sơn ở Bắc và Trung và chúa Nguyễn-phúc-Ánh ở Đồng-nai.

Các sách sử không chép tên đặt cho lịch dùng đời Lê, đời Mạc. Nhưng trong một quyển sách chép lịch Hậu-Lê, tên là *Bách-trung-kinh* có một chỗ viết mấy chữ *Khâm-thụ-lịch*. Có lẽ đó là tên lịch dùng đời ấy. Chúa Nguyễn dùng niên-hiệu Lê chắc cũng dùng lịch và lịch vua Lê. Theo *Bách-trung-kinh*, hình như nhà Nguyễn Tây-sơn cũng dùng tên *Khâm-thụ-lịch*.

Sách *Đại-nam thực-lục* chép rằng cuối nhà Canh-tý, đầu năm 1781, chúa Nguyễn-phúc-Ánh đặt ra lịch *Vạn-toàn*, và đến đầu năm 1813, vua Gia-long đổi lịch *Vạn-toàn* ra lịch *Hiệp-kỷ*, nghĩa là lịch ta còn dùng bây giờ.

IV. — LỊCH ĐỜI LÊ

Tôi đã khảo-cứ lịch Thụ-thời và lịch Đại-thống tính ngày sóc, tháng đủ-thiếu, năm tháng nhuận về đời Lê. Tôi so-lại với những ngày tháng cũ chép rõ ràng trong sử sách (sử ta ray c lại chép ngày tháng sơ lược lắm, thỉnh-thoảng có việc quan-hệ về lễ ng) thì mới chép

... sau nay tôi se
to in thành sách « LỊCH NƯỚC TA ».

Sau đây là một vài thí-dụ :

Thí-dụ thứ nhất. Năm Lê-thánh-Tông Hồng-
đức thứ 8 Đinh-dậu 1477.

Tháng	Sóc	Dương lịch
Giêng	đ	Canh tý 15
Hai	t	Canh ngọ 14
Nhượn	t	Kỷ hợi 15
Ba	đ	Mậu thìn 13
Tư	t	Mậu tuất 13
Năm	t	Đinh mão 11
Sáu	đ	Bính thân 10
Bảy	t	Bính dần 9
Tám	đ	Ất vị 7
Chín	đ	Ất sửu 7
Mười	t	Ất vị 6
Một	đ	Giáp tý 5
Chạp	đ	Giáp ngọ 4

Chữ đ t chỉ tháng đủ hay là thiếu.

So sánh với sách Toàn-thư thì thực có nhuận
tháng hai. Theo *Thiên-nam dư-hạ-tập* chép
những số câu mưa câu nắng đời Lê Thánh-
tông, mà tính các ngày sóc thì những tháng
giêng, hai, nhuận, ba, năm, chín, đều thấy đúng
như trên. Duy chỉ có tháng hai nhuận thì chữ
t bản viết tôi xem chép lầm ra chữ kỷ, vì
hai chữ giống nhau. Còn những tháng kia thì
bừa thấy có dấu chép gì khiến cho ta thử
đọc. Tính ngày tháng dương-lịch thì dùng địa-
án tính mà tôi đã bàn đến trong Báo Khoa-học
6 20.

Thí-dụ thứ hai. — Năm Hồng-đức thứ 27
bính-thìn 1496. Tính thấy nhuận tháng ba, mà
sách Toàn-thư lại chép nhuận tháng hai, sách
hàm-dịnh Việt-sử cũng chép theo như vậy.
hưng xem bài bia ở lăng *Trùng-lạc Hoàng-*
ái-hậu, mẹ vua Lê Thánh-tông, ta thấy chép
phận tháng ba như tôi đã tính.

Sự quốc-sử sao đi chép lại nhiều lần nên nay
mà về ngày tháng còn nhiều. Dem phép tính
ừ có thể khám phá được. Trong sách LỊCH
NƯỚC TA tôi sẽ bàn tới.

Thí-dụ thứ ba. Năm Lê Hiền-tông Cảnh-
ng thứ 6 Ất-sửu 1745.

Tháng	Sóc	Dương lịch	Tàu
Giêng	đ	Quý dậu 1	Hai đ
Hai	đ	Quý mão 3	Ba đ
Ba	đ	Quý dậu 2	Tư đ
Tư	t	Quý mão 2	Năm đ
Năm	t	Nhâm thân 31	Năm đ
Sáu	đ	Tân Sửu 29	Sáu t
Bảy	t	Tân vị 29	Bảy t
Tám	đ	Canh tý 27	Tám đ
Chín	t	Canh ngọ 26	Chín t
Mười	t	Kỷ hợi 25	Mười t
Một	đ	Mậu thìn 23	Một đ
Chạp	đ	Mậu tuất 23	Chạp đ
Nhượn	t	Mậu thìn 22	Giêng không

Năm này thuộc về đoạn lịch ta và lịch tàu
khác hẳn nhau. Năm ta có nhuận, mà năm tàu
không. Thành ra bên Tàu ăn Tết nguyên-đán
trước bên ta một tháng. Ngày mồng 10 tháng
giêng năm Bính-dần (1746) ta lại là sau ngày
mồng một tháng hai năm ấy ở Tàu.

Lịch đời Cảnh-hưng nay còn, xét ra rất đúng
với lịch đã tính trên.

Thí-dụ thứ tư. — Cuối cùng tôi đem phép
lịch đời Lê mà tính lịch năm Giáp-thân 1944.
Rồi ta đem so sánh thành - tích với lịch tính
theo phép Hiệp-kỷ, nghĩa là phép dùng bây giờ.

Xem tên can các ngày sẽ biết tháng thiếu đủ ;
hễ sóc hai tháng liền nhau có can giống
nhau thì tháng trước đủ ; hễ khác nhau
thì tháng trước thiếu.

Tháng	Sóc	Dương lịch	Hiệp kỷ
Giêng	t	Kỷ Sửu 26	Giêng đ-25
Hai	t	Mậu Ngọ 24	Hai t 24
Ba	đ	Đinh Hợi 24	Ba đ-24
Nhượn	t	Đinh Tý 23	Tư t
Tư	đ	Bính Tuất 22	Năm đ
Năm	t	Bính Thìn 21	Sáu t-21
Sáu	đ	Ất Dậu 20	Bảy đ-20
Bảy	t	Ất Mão 19	Tám t-19
Tám	đ	Giả Thân 17	Chín đ-17
Chín	đ	Giả Dần 17	Mười đ-17
Mười	t	Giả Thân 16	Một t-16
Một	đ	Quý sửu 15	Chạp t-15
Chạp	đ	Quý vị 14	Giêng đ-14

(Coi tiếp trang 57)

48

M O' X U' A

iặng NGUYỄN ĐỨC SOẠN

Ai có nhớ những thời hương phảng
phất,
Hạc theo trăng, tiên còn lẫn với người.
Những thời xa chim phượng xuống trần
chơi,

Hoa cúc nở có người chờ đợi trước.
Người thuở ấy du dương từng kiêu bước,
Thân mình thơm khóa buộc giải hương la.
Son phấn dịu dàng. — Tay áo thướt tha,
Chàng trai trẻ cũng xinh dường thiếu-nữ.

Gió mây đến ở trong trường tình tự ;
Trăng vàng xinh không bỏ giữa đêm
khuya,

Có kẻ nhìn hừng lấy giọt pha - lê.
Và phong cảnh đắm say mơ diễm lệ,
Cho đến nỗi sen còn chung một đẽ.
Chim so bay, cây cũng chấp liền cành.

Bức thư tình choàng ấp đêm năm canh ;
Ngày sáu khắc tưởng mơ màng đá nặng.
Thương là vậy ; ai phụ thề choặng !
Hễ xa nhau, thói trông nhớ vô vàng.
Gió liễu chiều còn nhớ kẻ dương-quan,
Đưa nước mắt hàng dương qua một
phía !

Những Chiêu-Dương, những Hậu Đình
tráng lệ
Đẹp vì chưng xây với oán cung-phi.
Cung nhà Tần trùng điệp mái lâm ly,

Hán-Cao-Đô đốt chín ngày mới hết ;
Tần-cung-nữ ba mươi trăm, chẳng biết.
Gót sen vàng liễu yếu chạy về đâu ?

Những thi-sĩ xưa, suốt tháng nghiêng bầu,
Bụng đề hồ, gặp cảnh gì cũng luyến.
Hồ ngọc một mùa, sen luôn mấy chuyển ;
Sương mới mùa thu giăng cửa song mờ ;
Nắng cũ mùa vàng sa mặt sóng thơ ;
Tuyết bay mùa đông trắng phơ mặt biển ;
Rồi xuân đến, dấu ca oanh, mùa yển,
Cũng dịu dàng như thề một mùa thu !

Chúng ta nay, trong cuộc thế ao tù,
Đốt điều thuốc chiều hồn sương quá khứ ;
Mỗi khi thu đưa gió vàng lưỡng-lự,
Có buồn chăng, lòng bạn ở đâu xưa ?

(Gửi hương cho gió)

Xuân-Điệu

XUAN - DIỆU

G Ò' I H Ò' O' N G
C H O G I O
T H O
S Á P X U Á T B Á N

PHÁO THỜ

NGUYỄN NGỌC MINH

LÀNG Bình Đà ở vào khoảng cây số thứ 10 đường Hadong-Vân-dinh, ngay gần phủ lỵ Thanh Oai. Trong làng có hai đền, đền trong thờ đức Lạc Long Quân, một vị quốc tổ nước ta, đền ngoài thờ một vị hoàng tử nhà Lý, húy là Linh lang, đã có công dẹp giặc cứu nước rồi sau hiển thánh ở đền Voi Phục, gần còn đường lên Cầu Giấy.

Trong làng có một tục rất lạ, truyền lại không biết từ đời nào, là tục đốt pháo thờ. Có một đơn thức pháo, cân lạng biên rõ ràng, truyền từ đời nọ sang đời kia, và có lời nguyện không được tiết lộ cho người ngoài biết. Vì vậy, những cái tình vi trong cách làm pháo, không phải người Bình Đà thì không thể biết được. Pháo thờ là một nghệ thuật rất tinh tế, rất cầu kỳ. Đứng về phương diện xã hội học thì là một phong tục rất lạ, đánh dấu một bước đường tiến hóa của dân tộc mình.

... tục đó vẫn còn nổi tiếp tục ít lâu, mãi đến năm 1939, vì cuộc chiến tranh hiện thời bùng nổ, tục đốt « pháo cây » phải chấm dứt. Tục đốt « pháo bông » vẫn còn, nhưng ít hơn và hai năm sau cũng phải bỏ nốt, vấn đề nguyên liệu và việc xin giấy phép khó khăn hơn; vì việc giao thiệp với người nước ngoài độc quyền nhiều điều phiền phức.

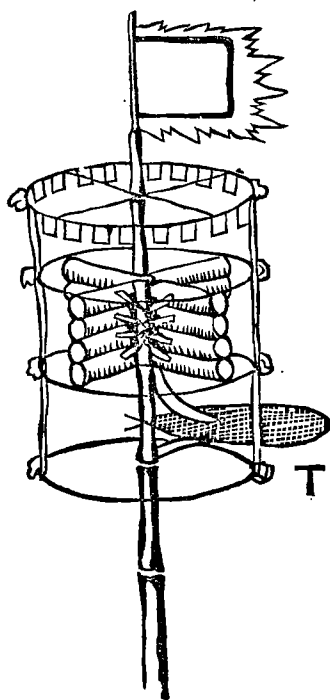
Nhìn qua một phong tục đã mất, nhất là một phong tục đó đã làm nảy ra nghề pháo ở Bình Đà, một nghề rất tinh xảo lẫn áp dụng hẳn các thứ pháo ở nước ngoài vào, Phan Mỹ, trong bài « Bước hưng vong của một tiểu công nghệ » sẽ đứng về phương diện kinh tế để khảo sát. Riêng tôi, tôi chỉ muốn chép những điều xác thực, những cái tình của tục đốt pháo làng tôi, mong rằng sau này sẽ góp một vài tài liệu cho các nhà xã hội học. Pháo thờ có nhiều thứ, mỗi thứ có đặc điểm riêng, nhưng thứ nào cũng tinh vi, và các đốt khác nhau.

I. — Pháo cây

A) **Tả cảnh** — Pháo cây có một phần chính là « ổ pháo » gồm có 16 quả pháo rất to ghép lại với nhau, làm bốn ngạnh. (Xem hình 1) mỗi quả pháo dài độ 30 phân tây, đường kính độ 5 hay 6 phân tây, hai đầu chịt thật chặt, ở giữa có ngòi. Có một cái tán (T) đường kính một thước ta (0 m 40). Một cái ngòi to để dẫn lửa vào ổ pháo. Còn xung quanh người ta làm những vòng tròn, có những thanh tre vót bông và dán giấy xanh đỏ để trang hoàng, trông như một cái lồng vậy. Trên cùng, phát phơ một ngọn cờ. Ổ pháo đó làm ở trên một thân cây tre dài độ năm thước ta (2m) lúc đốt phải nổi trên đầu một cây tre thẳng, dài 36 thước ta (14 m 40), theo như điều lệ đã định.

Vì vậy gọi là pháo cây.

Dưới chân cây pháo (Xem hình 2) có một ống bắn (B) tức là một ống trúc dài trong có đôi thuốc pháo và ba viên đạn cũng bằng thuốc pháo. Ống bắn đó có ngòi truyền với một cái tán nhỏ (T) ở bên cạnh, và một cái dây thừng dài độ 60, 70m, căng thật thẳng. Ở đầu dây, gần cây pháo có một con « pháo



Hình - I

chuột » có hai ống thuốc gọi là « chuột đôi » (C₂). Ở đầu kia có con « pháo chuột », có một ống thuốc gọi là « chuột một » (C₁). Pháo « chuột đôi » gồm tất cả có ba ống: một ống to (làm bằng ống đang) dài độ 0 m 22 đề luồn thừng và đề dẫn chuột đi. Dưới có hai ống nhỏ hơn đây thuốc, một ống cho chuột đi, một ống cho chuột về. Pháo « chuột một » thì chỉ có hai ống, một ống to đề dẫn và một ống thuốc buộc ở dưới. Pháo chuột nào cũng có ngòi ở đầu.

B) **Thề lệ thi**. — Muốn được giải, cần phải đủ nhiều điều kiện.

1o) Điều thứ nhất là chỉ được « một lửa », nghĩa là từ lúc đầu đến lúc cuối chỉ được châm lửa có một lần mà tất cả các phần tử trong cây pháo (hình 2) đều tuần tự cháy. Bắt đầu người ta châm lửa con pháo chuột đôi (C) ở gốc cây pháo, rồi cứ mặc cho các phần tử tự truyền lửa sang nhau. Nếu thực hoàn toàn thì pháo chuột đôi đó chạy một mạch suốt dây, đến tận đầu dây bên kia, tự truyền lửa sang ống thuốc thứ hai, và truyền cả lửa cho con pháo chuột một (C₁). Khi ống thuốc thứ hai cháy thì con chuột đôi (C₂) lại « soẹt » một cái, chạy một mạch về gốc cây pháo. Vài giây đồng hồ hay nửa phút sau, con chuột một (C₁) cũng chạy về theo. Rồi hoặc con chuột một, hoặc con chuột đôi phun lửa vào cái tán con (t) dưới gốc cây. Tán cháy, ngòi truyền sang ống bắn (B) rồi đạn lửa bắn lên tán (T), trên cây pháo, cho pháo nổ. Vậy từ lúc bắt đầu đốt pháo chuột đến lúc ở pháo nổ chỉ có « một lửa », đó là điều kiện thứ nhất.

2o) Điều thứ hai là viên đạn đầu tiên phải trúng tán (T), nếu đạn thứ hai hoặc thứ ba mới trúng tức là kém.

3o) Rồi cả 16 quả trong ổ pháo phải cùng nổ một tiếng rất rền, rất gọn.

Nếu cứ tuần tự được hoàn toàn như thế là được giải nhất. Nếu phạm một điều lỗi nhỏ, hoặc không theo thứ tự, tức là giải kém hay mất giải.

C) **Những điều khó khăn**. 1o) **Châm lửa**. Không phải ai cũng đốt được pháo. Nếu

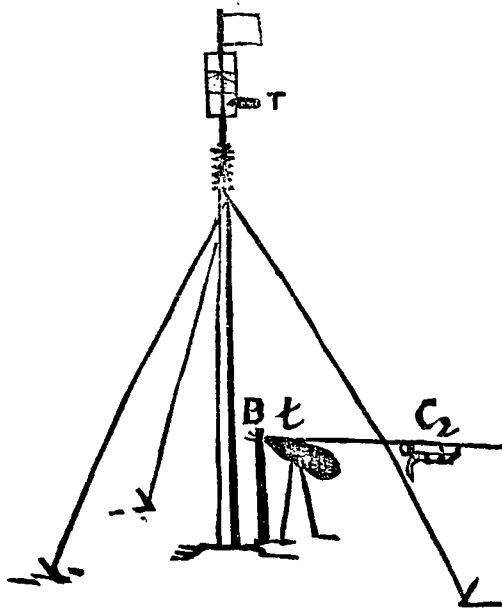
đánh một cái diêm, rồi diêm tắt, pháo chuột không cháy, phải đánh cái khác, thế là « hai lửa » rồi. Vì thế, nên người ta thường dùng mấy nén hương đốt thật hồng, như vậy không ngại gì gió tắt. Dùng những nén hương hồng cũng chưa đủ. Châm hương vào mà ngòi pháo hơi ẩm, hay se chặt quá, hay có đất ở đầu, không cháy, người đốt pháo nóng ruột lại bỏ hương ra, thồi hương mấy cái rồi lại châm lần nữa. Như thế cũng tính là « hai lửa ». Cho nên thường thường ở đầu ngòi pháo chuột người ta buộc một tùm giấy cắt hình chữ nhật dài và nhỏ, có tầm thuốc pháo trước, nên động đề tí lửa vào là cháy ngay và cháy rất to. Ngòi pháo bắt ngay được. Pháo chuột một cũng phải làm thế, lửa truyền sang mới dễ. Đó cũng là mảnh khõe riêng.

Còn cái tán (t) ở dưới gốc cây pháo, nếu châm pháo chuột mà đề rơi tán hương vào hoặc con chuột đôi trước khi chạy sang đây bên kia đã phun lửa vào, rồi tán đó truyền ngay sang ống bắn, như thế cũng hồng và không theo thứ tự. Muốn tránh sự lán lửa thường thường khi đốt pháo chuột, người ta phải lấy chiếu che thật kín cái tán và cách xa ít nhiều đề không truyền lửa sang được.

2o) **Pháo chuột**. Pháo chuột làm rất khó. Nếu « non » quá thì chuột chỉ chạy đến nửa chừng, không hết dây, và không truyền lửa được sang « chuột một ». Nếu « già » quá thì chuột chạy hăng quá, có khi vỡ mất ống truyền dây, chuột quăng ra ngoài mất. Hoặc có khi dây thừng buộc không chắc, hay bện không chắc, có thể đứt dây, rất nguy hiểm cho người đốt và người xem. Hoặc nếu pháo chuột thuốc pha mạnh quá, thì nó nổ lên như pháo thường, chứ không chạy được. Muốn có kết quả phải kinh nghiệm nhiều. Ngay ống đang dẫn dây, người ta cũng phải đập hai đầu cho bông, đề khi chạy sang bên kia, nếu va phải ống chuột một, sức mạnh cũng giảm nhiều, không sợ vỡ ống. Lúc đốt pháo chuột thường người ta có một thanh tre (hình 3) đề đỡ, sợ chuột chạy mạnh quá làm bắn con kia đi. Thanh tre đó có khoét một rãnh con đề giữ chiếc thừng vào giữa. Lại có một cái đánh tre để

độ 6 phân tây để chỗ tay đỡ thêm cho vững. Chuột chạy đến đó dù có mạnh cũng bị hãm lại, bót mạnh, xong rồi người ta rút thanh tre ra, chuột lại từ từ đi để truyền lửa sang chuột một. Lúc chuột chạy về cũng phải đề phòng như vậy vì sợ chuột quá mạnh đứt dây ngòi truyền ống bắn.

3.) *Ống bắn.* Nếu viên đạn già thuốc quá, thì đạn nổ ống vỡ. Hoặc nếu non quá thì viên đạn lên đến nửa chừng lại rơi xuống. Ống dùng phải thẳng thì đường đạn đi mới thẳng và trúng tán ngay. Ngắm phải cẩn thận.



Hình 2

Thường thường người ta làm một dây quả buồm từ giữa tán xuống chỗ buộc dây có dán miếng giấy đỏ tròn, nhỏ bằng đồng bạc trước. Mỗi ống bắn có buộc thêm một ống nhỏ để cữ theo lỗ hồng hai đầu mà ngắm lên hãm đỏ trên cây pháo.

4.) *Ồ pháo.* Cả 16 quả phải nổ một tiếng. Nếu vụng thì có khi ngòi nhanh, ngòi chậm, quả nổ trước, quả nổ sau, hoặc buộc không chắc, quả nổ trước làm bắn quả bên cạnh ra ngoài, như thế cũng hỏng. Nếu nhiều cây cùng nổ một tiếng thì người ta so sánh xem tiếng « gầm » hơn, « tròn » hơn, hoặc cây nào cây, gãy cây nhiều hơn. Vì thế phải pha thuốc thật mạnh.

Theo những điều lệ rắc rối và cầu kỳ trên đây, có nhiều bạn đọc chắc cho rằng thế thì mấy cây được nhất. Nhưng thực ra vì có kinh nghiệm, nên năm nào cũng có giải nhất. Năm xuất sắc thì lại có đến hai giải, ba giải đồng nhất. Còn những cây khác sẽ tính theo lối nặng nhẹ, hoặc hồng lửa, hoặc hồng ống bắn, hoặc pháo nổ nhiều tiếng v. v... mà phát giải, nhì, giải ba. Nếu hồng nhiều quá thì không được giải. Theo tục làng, mỗi giáp phải làm một cây pháo thờ. Vì trong làng đông giáp, nên mỗi năm có tới hơn hai chục cây « pháo cây » đốt phải gần nửa ngày mới xong. Mà giải thưởng thì rất ít ỏi: 1\$00, một vài quả cau. Nhưng danh dự vô cùng. Giáp nào được giải nhất, thường bày ra chèo hát linh đình.

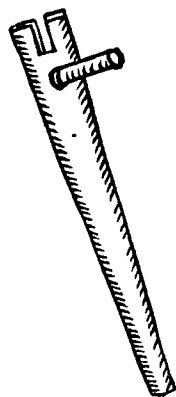
II — Pháo bông

Pháo cây tuy cầu kỳ nhưng có mực thước nhất định, có khuôn khổ sẵn. Còn pháo bông

thì là cả một công trình, cả một nghệ thuật. Phải khéo pha thuốc, phải nhiều kinh nghiệm, lại phải nhiều sáng kiến nữa. Vì pháo bông có rất nhiều trò vui. Cách chế biến mỗi năm một khác. Vì thế nên khắp làng chỉ độ bốn năm giáp làm được pháo bông.

A) *Tả cảnh.* — Cây pháo bông thì không cần trang hoàng gì cả, vì pháo bông đốt ban đêm. Một cây bông có nhiều tầng (hình 4) nhiều nhất là 15 tầng. Mỗi tầng là một cái vĩ tre hình chữ nhật dài từ 0m 50 đến 0m 55, rộng từ 0m 30 đến 0m 35. Thường thường hai bên có hai ống « hoa cà hoa cải » và trong vì có các ngòi xanh đỏ. Mỗi tầng có một trò vui: hoặc bắn xoay vừa quay vừa phun lửa, hoặc

theo các tích trong truyền, hoặc những cảnh buồn cười. Ở giữa, có một cái «ngôi cái», buộc áp vào thân cây. Ngôi này để dẫn lửa từ từng dưới lên đến từng trên cùng. Các ngôi con rất nhiều - để truyền ra các ống, các trò. Từng trên cùng phải là từng vui nhất, nên thường có rất nhiều các 'thứ ngôi' thuốc, lúc cháy rất nhiều màu: trắng, xanh, đỏ, tím, vàng v. v... Lại có những «thăng thiên» kèm với pháo đùng.



Hình-3

Pháo «thăng thiên» gồm có một cái ống tre dài độ 0m12, đường kính độ 0m02, trong đời thuốc, dưới có ngôi, và một cái đuôi làm bằng thanh tre nhỏ vót nhọn. Nếu đốt về ban đêm thì người ta lại chế thứ «thăng thiên ô» và đèn xanh đỏ, hoặc thất tinh. Ô thăng thiên trông hình như cái dù của các phi công bay giờ. Ô phải làm bằng thứ giấy thật mỏng, để hết ít chỗ, giấy vò nhàu cho rõ mềm, và cần phải thật dai cho khỏi rách. Tám góc buộc tám sợi chỉ, dưới có mấy cái ngôi, có khi cả một tràng 6, 7 chiếc, gọi là thất tinh. Khi đốt thì chiếc pháo lên cao vút trên giới; lên trên ấy thì pháo đó truyền lửa sang các ngôi, rồi một tiếng nổ con phá vỡ cái nắp đáy bằng giấy ở trên đầu thăng thiên, ô bắn ra. Khi rơi, gió làm phồng ra, ô dương, rồi cứ từ từ xuống. Các ngôi cháy, rồi «hỏa sinh phong», nên giữ được ở trên giới rất lâu. Có khi đưa đi rất xa rồi khi ngôi cháy hết mới dần dần rơi xuống. Mấy năm về sau, cách làm pháo bông càng ngày càng tinh xảo, nên người ta chế biến được nhiều cái rất khéo mà rất giản dị. Thí dụ như hoành phi, câu đối chữ «khảm trai». Những câu đối đó có viết chữ, nhưng nét chữ đều phết diêm vàng trước. Lúc cháy, ban đêm trông óng ánh như chữ khảm trai vậy.

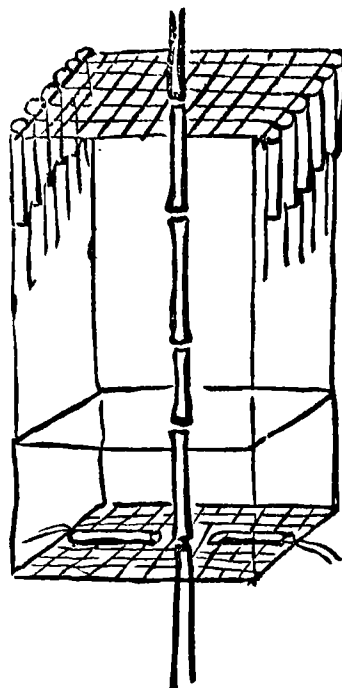
Một cây bông chỉ có giá trị lúc đốt. Vì ban ngày, trông chỉ thấy những vãi, những ống ngôi chỉ chít, thuốc pháo đen bần, trông chẳng ngoạn mục tí nào. Nhưng lúc đốt thì thực là

cả một công trình bài trí, liên miên hết cảnh nọ sang cảnh kia. Người làm cây bông cũng như một nhà dàn cảnh, phải có óc sáng kiến, phải suy xét nhiều, mà lại phải có kinh nghiệm.

B) Thế nào là khéo, thế nào là vụng. —

Xem đốt pháo cây, cách đốt đã có thể lệ nhất định rõ ràng, ai cũng có thể phán đoán được. Đốt bông thì khác. Tuy có một vài điều dễ dàng nhưng xét đoán khó hơn nhiều. Phải có những con mắt sành mới hiểu được hết cái hay cái dở. Đại khái cũng có điều kiện chỉ được châm một lửa, như pháo cây. Nếu đến lưng chừng mà ngôi cái tắt không dẫn được lửa nữa, lại phải châm lần thứ hai, là cây bông kém rồi. Ngoài ra ngôi cái phải hãm cho đều để cho từng dưới cháy hết thì mới đến từng trên. Nếu nhanh quá thì cháy loạn cả lên, các trò ra dồn một lúc rồi hết, cả cây bông là một cây lửa sẽ mất vui. Nếu cháy chậm thì cây «tối», từng dưới hết rồi mà đợi mãi từng trên chưa cháy, người xem dễ sinh chán. Nhưng ống «hoa cà hoa cải» hai bên phải cháy cho đều, nếu một bên phun lửa một bên tắt

hoặc chậm quá, tức là lệch cây, không khéo. Những «hoa cà hoa cải» làm bằng những miếng gang tán vụn ra dồi lẫn với thuốc. Có khi người ta lại diêm thêm những viên đạn xanh đỏ hoặc trắng v.v. thỉnh thoảng lại bắn ra một viên, thêm màu sắc cho cây bông.



Hình-4

Những ngòi con phải pha thật nhạy thì mới truyền các trò được nhanh chóng. Các trò phần nhiều theo các tích trong các truyện, nhất là truyện Tam quốc : Có khi thì : « Lã Bố hí Điêu Thuyền », hoặc « Tam anh chiến Lã Bố » hoặc « Gia Cát gảy đàn đánh giặc » ; có khi là một cảnh vui mắt : « ông sư gõ mõ », « chú lái chở thuyền » v.v. . . . Nếu hiểu cách thức thì các trò đó làm cũng không khó gì. Người ta làm sẵn những người nhỏ bằng rom ngoài mặc áo giấy theo kiểu từng người, tay cầm đao kiếm, hoặc gảy đàn, hoặc cưỡi ngựa. . . Mỗi người có một dây buộc thông xuống dài ngắn cho vừa thí thới, và một ống nhỏ buộc ở trong đề lúc cháy truyền sức mạnh cho cử động được. Nhưng có cái khéo, là lúc chưa đốt thì không ai trông thấy những người làm trò đâu, vì buộc kín ở trên vì. Nhưng buộc toàn bằng ngòi pháo. Đến lúc ngòi cái truyền đến chỗ đó, bao nhiêu ngòi con cháy, đứt tung, những người đó được buông thông xuống, mà trong thân đã có một ống nhỏ nên phun lửa ra và truyền sức mạnh khiến múa may được.

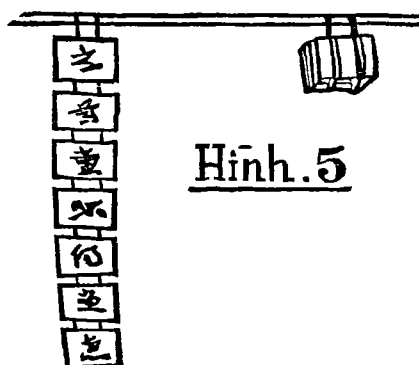
Câu đối cũng làm theo nguyên tắc đó. Người ta làm những khung vuông nhỏ, lấy dây gai buộc khung nọ dưới khung kia, đề có thể buông dài xuống được (Hình 5). Khung trên cùng buộc vào cái đòn ngang. Những khung đó đều có rất nhiều ngòi con đề truyền khắp nét chữ. Lúc chưa đốt thì bao nhiêu khung đều xếp lại với nhau buộc gọn cả lên trên, trông như một cái hộp vuông nhỏ, không ai biết là cái gì cả, nhưng cũng buộc toàn bằng ngòi. Lúc ngòi cái dẫn lửa đến, các ngòi con cháy rất nhanh, truyền khắp các chữ, câu đối buông xuống thì các chữ đã cháy đều, trông óng ánh rất đẹp.

Còn một điều rất khôn khéo là trên cây bao giờ cũng phải có một vài cái « đèn bạc » thật sáng để nhìn các trò cho rõ. Đèn bạc cũng là một thứ ngòi nhưng chế bằng thứ thuốc riêng, đắt tiền hơn, nhiều lúc cháy sáng xanh lên, nhiều khi át hẳn cả những ngòi xung quanh.

Khi đốt bông, mỗi lúc đến trò nào thì thường thường có một vài người đứng dưới vừa bình phẩm rõ to mấy câu, vừa hò reo.

Một cây bông khéo là phải cháy tuần tự và thật đều. Hết từng dưới lên từng trên, các ống hoa phun lửa cho đều, các trò phải liên tiếp nhau. Trò dưới vừa hết thì trò trên đã tới. Trên cây lúc nào cũng phải sáng, đèn xanh đèn đỏ cho nhiều, đèn bạc phải thật sáng lúc có trò vui. Lên đến từng thượng phải rất hoạt động. Các thứ đèn phải tăng gấp bội. Câu đối hạ; bên phải buông cho đều và cháy đều. Mỗi tiếng dừng lại có một cái thăng thiên lên, thăng thiên phải lên cho cao và phải buông nhiều ô, có đủ các thứ đèn trên giới.

Trên đây là tả một cây bông làm thí dụ. Thực ra mỗi năm người ta lại nghĩ thêm được một vài điều mới lạ, một vài cách chế biến khéo, không biết thế nào cho cùng. Ngay cách pha thuốc cũng vậy, làm thế nào cho các « hoa cà hoa cải » được « tươi », nếu trông vàng khè người ta sẽ gọi là hoa « úa ». Các màu sắc, ngòi đèn cũng vậy, cần phải cho tươi. Cách dẫn lửa mỗi năm một tinh xảo, nhanh chậm, định trước được.



III. — Pháo bèo

Pháo bèo rất giản dị, đốt ban ngày, mỗi cây có độ ba bốn tầng, cũng phải trang hoàng giấy xanh giấy đỏ, cắt hoa, vót bông.

Cây pháo bèo giống ở ao sen ngay trước cửa đình. Mỗi cây có một cái tán đề truyền lửa, còn trong cây pháo thì có pháo bàn xoay, thăng thiên, pháo đùng, nhưng nhỏ thôi, mỗi quả dài độ 11, 12 phân tây, đường kính độ 2, 3 phân. Nhưng đặc sắc nhất là « pháo bèo », tức là một thứ pháo có thể cháy ở dưới nước được. Pháo bèo làm bằng một cái ống như ống sáo dài từ 0 m 20 đến

0 m 25. Pháo đó buộc ở trên cây nhưng lúc cháy thì rơi xuống nước rồi cứ « sục sục » dưới nước, khi lặn xuống, khi nhào lên mặt nước, vì vậy gọi là pháo bèo.

Thứ pháo này cũng phải khéo mới làm được. Nếu ngòi mới chớm cháy mà đã rơi xuống nước thì pháo sẽ tắt. Phải làm thế nào cho ngòi truyền vào tới trong ống, thì pháo mới xuống nước, lúc ấy pháo cháy cho đến khi hết thuốc.

Thường niên cứ đến mồng 5 tháng ba độ 10, 11 giờ đêm thì bắt đầu đốt pháo bông. Còn pháo cây thì ngày hôm mồng 6 mới đốt.

Nhưng vì tục đốt pháo có nhiều điều cầu kỳ khó khăn, nên ba hôm trước, tức là mồng 3, có một ngày thử pháo, để xem khéo vụng thế nào. Vậy ta cũng nên biết qua tục thử pháo và nhân tiện ta có thể biết được thêm một thứ pháo, pháo chìm.

IV. — Thử pháo

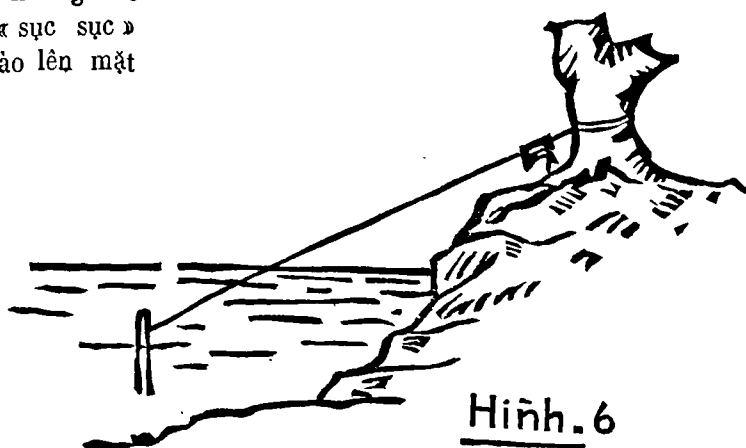
Thử pháo có nhiều thứ, thử ngòi, thử thăng thiên v. v. Nhưng có hai thứ chính là thử « pháo chìm » và « mã tài »

Pháo chìm cũng giống như pháo chuột, nhưng có cái khác là dòng dây xuống ao sen trước cửa đình mà đốt. Một đầu dây ở trên bờ buộc vào cái cột đá, một đầu buộc dưới nước. (Hình 6)

Pháo chìm có hai ống thuốc như chuột voi. Người đốt một tay giữ pháo, một tay châm lửa. Pháo cháy rồi tự giật xuống nước. Nhưng pháo đó phải làm thế nào cho nước không vào được. Một lúc, pháo cứ ở dưới nước rồi truyền sang ống thuốc thứ hai rồi từ dưới lại chạy lên đầu dây trên bờ. Nếu thuốc non pháo chìm chỉ lên được nửa chừng dây. Hoặc nếu chế không khéo, pháo sẽ tắt ngòi dưới nước.

Còn « mã tài » thì đề thử ống bắn và thử ngắm. Mã tài là một cây tre thật cao, thể lệ phải 42 thước ta (16m80), trên có một cái tán đường kính 5 tấc ta (0m20). So với pháo cây thì mã tài cao hơn 6 thước ta mà tán lại nhỏ hơn (đường kính tán pháo cây những 0m40).

Vì thử, nên phải đặt điều kiện khó hơn



Hình. 6

đề lúc đốt pháo thì dễ thành công. Ống ngắm ở dưới, mỗi ống ba viên đạn, nếu đạn non đạn già, hoặc ngắm khéo ngắm vụng, tức biết ngay.

Thực ra người ta đã thử từ trước rồi, nếu đợi đến hôm ấy mới thử thì trong có ba hôm nữa, sửa sang làm lại thế nào cho kịp. Hôm mồng ba chỉ là thử lại một lần cuối cùng xem kết quả có chắc chắn không.

Kết luận.— Biết bao cái tinh vi trong nghề pháo, nếu đề mai một đi thì thực đáng tiếc. Còn nguyên nhân tục đốt pháo đó thế nào đó là một câu hỏi phải có nhiều tài liệu mới giải quyết được. Một điều chắc chắn là phải tìm thấy chất nổ rồi mới có pháo được. Mà theo nhiều nhà sử học thì chất thuốc nổ đó người Tàu tìm ra đầu tiên, trước cả các nước bên Âu-châu (2). Một vài nhà khảo cổ (Coi tiếp trung 58)

(2) Theo cuốn sách của Isaac Vossius thì năm 85 sau Tây lịch một vị vua tàu đã dùng súng đạn để đánh rợ Hung Nô rồi. Nhưng có người không tin thuyết này. Chứng cứ : 1o) Trong tập bút ký của Marco Polo thì từ thế kỷ thứ 13, nhà mạo hiểm có tả cận kề các trận đánh nhau và các cuộc săn bắn được mục kích ở Tàu mà không hề nói đến súng đạn hoặc thuốc nổ bao giờ. Không lẽ đã dụng tâm quan sát mà lại bỏ sót một điều mới lạ như thế. 2o) Theo tài liệu của Uppmann và Mayer thì năm 1621 khi tỉnh Macao đem tiến vua Tàu 3 khẩu súng đại bác, nhà vua cho đem thử ngay ở Bắc Kinh, các quan đều kinh ngạc ngỡ ngàng không hiểu ra sao. Nhà vua phải hỏi một thầy dòng là Adam Schaal để giảng và chỉ bảo cho người Tàu cách làm súng đó. Nếu dân Tàu đã nghĩ ra từ trước sao lại có thái độ được.

HÁT CỬA ĐÌNH

NGUYỄN-XUÂN-KHOÁT

L. T. S. - Vào dịp Tết hoặc trong các khi đình đám, ở nhà quê người ta thường đón phượng hát để tỏ chức những buổi hát thờ ở đình. Lòng tin ngưỡng của dân Việt Nam đã biểu hiện bằng những khúc hát gọi là Hát Cửa Đình.

Nhạc - sĩ Nguyễn - xuân - Khoát đã ghi chép bằng lối ký âm những điệu hát đặc biệt ấy.

Dưới đây chúng tôi đăng bản ký âm bài : « Hát Giai câu một » để cống hiến độc-giả một chút tài liệu về một lối âm-nhạc cổ Việt - Nam.

Miêu ư ư ư

phụng kiêu sậy Đền

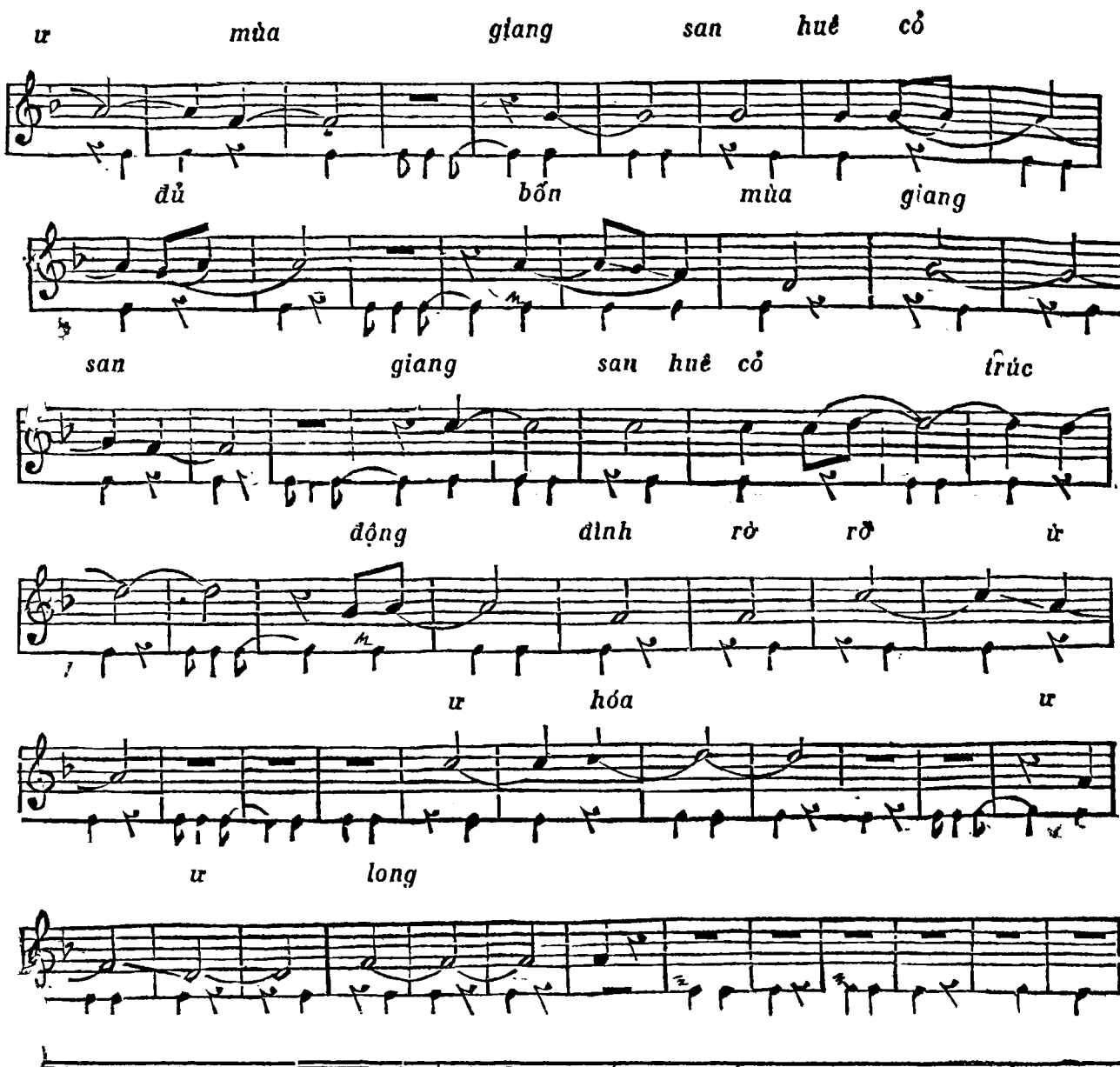
rồng miễn ư ư phụng

kiêu sậy ư mây ư

in mây iu năm thực

ư ư Nhang bay bốn

The musical score is written on six staves. Each staff contains a melody line with notes and rests, and a corresponding line of lyrics in Vietnamese. The lyrics are: 'phụng kiêu sậy Đền', 'rồng miễn ư ư phụng', 'kiêu sậy ư mây ư', 'in mây iu năm thực', 'ư ư Nhang bay bốn'. The notation includes various musical symbols such as treble clefs, time signatures, and note values.



... Lịch đời Lê

(tiếp theo trang 48)

Các trung-khi như sau này : Vũ - thủy vào ngày 27 tháng giêng, Xuân-phân vào ngày 29 tháng hai, Cốc - vũ vào ngày 30 tháng ba. Trung-khi sau là tiểu-mãn lại vào ngày mồng hai tháng thứ năm, vậy tháng thứ tư không có trung-khi, tháng ấy nhuận : ấy là tháng nhuận. Độc-giả nên so sánh cách tính của

cách tính này với
phép Hiệp-kỷ nói trên kia.

Phép lịch dùng đời Lê là theo phép đã đặt vào khoảng thế-kỷ thứ 13. Đến bây giờ đã 664 năm, và trước phép Hiệp-kỷ hơn 350 năm. Thế mà lịch tính ra cũng chẳng sai nhau bao nhiêu. Thiết-tưởng rằng về đời ấy, phép ấy đặt ra thật là nhân-diệu.

Kể từ căn-bản thiên-văn cho đến căn-bản toán-học, phép lịch này đã tiến trước khoa-học Tây-phương hơn bốn thế-kỷ. Trong phạm vi chất liếp bài này, tôi không thể giải cho tường tận, nhưng chắc độc-giả đã kinh-hội rồi.

Hoàng xuân Hãn

Những hoạt động của Chính-phủ Đông Dương trong năm vừa qua

Trải qua hơn bốn năm chiến tranh Đông Dương, trừ một vài nơi bị phi cơ Hoa Mỹ làm thiệt hại ít nhiều, vẫn còn là một xứ được yên hưởng thái bình giữa những cảnh loạn lạc làm than diễn ở chung quanh. Giữa bầu không khí nặng nề trọng, Chính phủ Đông Dương vẫn cố gắng hoạt động về tất cả mọi phương diện theo những nguyên tắc của cuộc cách mệnh Quốc gia.

Về *phương diện kinh tế*, những cuộc khuyến khích và những cuộc trưng bày về tiểu công nghệ vẫn được theo đuổi và đã đem lại vài kết quả khả quan. Đồng thời những việc cộng tác lớn như việc dẫn thủy nhập điền ở miền Nam Trung Kỳ, rất có ảnh hưởng cho nền kinh tế xứ này. Ngoài ra Chính phủ hết sức bài trừ sự đầu cơ tai hại cho sự sinh hoạt của dân chúng.

Về *phương diện xã hội*, Chính phủ lo sự mở mang các nơi đô thị lớn như Hà Nội, Nam Định, Sài Gòn, Chợ Lớn. Một việc đáng chú ý hơn hết là phong-trào thanh-niên và thể thao đã bành trướng lan truyền đi khắp nơi về cả những miền thôn dã, nhờ ở sự hoạt động không ngừng của Ủy ban Thanh niên và Thể thao.

Về *phương diện tinh thần*, Chính phủ cũng đề ý đến sự phổ thông giáo dục, truyền bá những phương pháp chăn nuôi và giống giết. Về ngành Đại học trường Cao đẳng khoa học thành lập và mở mang, những khu nhà có mỹ thuật của Đông Dương học xá vẫn tiếp tục được xây dựng. Về văn chương và mỹ thuật nhà xuất bản Alexandre de Rhodes đặt ra những giải thưởng khuyến khích về văn học. Phòng Triển lãm duy nhất tuy khai mạc vào những giây phút đau đớn ở Hà Nội cũng không giảm vẻ tưng bừng long lầy.

Về *phương diện hành chính và chính trị* cũng có những sự cải cách quan trọng. Người Việt Nam bắt đầu được cất lên những chức giám đốc, chủ sự trong những cơ quan hành chính. Để kết thúc những hoạt động kia, Hội nghị Liên bang Đông Dương khai mạc tại Sài Gòn vào trung tuần tháng Décembre đã họp lại đồng đủ những đại biểu của tất cả các giới để lo toan cải cách đến triệt để xứ này theo khẩu hiệu của cuộc Cách mệnh Quốc gia.

Xem như vậy, giữa những sự rối ren, những nỗi khó khăn từ bên ngoài, Chính phủ Đông Dương vẫn không quên làm hết phận sự theo những mệnh lệnh bên trên. Chính phủ vẫn mong ở sự cộng tác chặt chẽ của dân chúng Đông Dương để theo đuổi những công cuộc lớn lao. Giữa những tai vạ đang reo trên thủ đô xứ Bắc Kỳ Chính phủ vẫn bình tĩnh lo công cuộc cứu tế và trị an, và nhân dịp Tết Nguyên đán sắp tới.

Pháo Thờ

(Tiếp theo trang 55)

khắc cho rằng người Ả-Rập tìm ra trước (3). Còn bên ta không biết từ bao giờ, người mình tự tìm thấy, hay là ở nước ngoài vào?

Còn pháo, nhất là các thứ nổ to như pháo cây, lại ống ngầm, đạn lửa v. v... liên lạc với súng đạn như thế nào? Hoặc giả có pháo rồi sau này mới nghĩ đến cách dùng làm đạn, chế ra súng chẳng? Súng hỏa mai của ta khi xưa đều phải châm ngòi như pháo vậy. Và lại chữ « pháo » còn có nghĩa là súng.

Bên Âu Châu, về thế kỷ thứ 9 đã có thuật hỏa-công (pyrotechnie) nhưng chưa ai, nghĩ dùng cách đó trong thuật bắn, ngay đến Albert le Grand, Roger Bacon và Berthold Schwartz là những người, theo tục truyền, đã tìm ra thuốc súng, cũng vậy. Theo cuốn sách viết tay mà Libri tìm ra được, thì đầu thế kỷ thứ 14, người Ý đã chế được súng để phòng bị thành trì rồi. Năm 1346 người Anh trong trận Crécy đã đem dùng những thứ đại bác mới chế được và giết hại người Pháp rất nhiều.

Còn bên ta, súng hỏa mai chế được từ bao giờ, liên lạc với tục đốt pháo thế nào? Biết bao câu hỏi trên đây, mong các nhà khảo cổ đề tâm tra xét xem, chắc cũng có nhiều điều ích lợi cho nền xã hội học nước nhà.

NGUYỄN NGỌC MINH

(3) Theo Reinaud và Favé thì thuốc súng do người Ả Rập tìm ra trước. Hai nhà khảo cổ này lại tìm được một cuốn sách ở thư viện Saint Pétersbourg trong có nói về cách dùng và một vài sự thay đổi của thứ súng « medfaa » ném lửa, có lẽ là thứ súng đơn giản đầu tiên. Mà có một điều đáng chú ý là thứ thuốc của người Ả Rập ấy cũng gồm có 3 thứ: tiểu thạch, (salpêtre) diêm vàng và than, y như đơn thuốc pháo của ta vậy.

THẾ GIỚI TRONG NĂM VỪA QUA

Vì một lẽ riêng bài này không đăng được

TỦ SÁCH «TÂN VĂN HÓA»

1. Nguyễn Du và truyện Kiều.. . . 3\$50
2. Nhân loại tiến hóa sử 1, 80
3. Gốc tích loài người.. . . . 1, 30
4. Đời sống thái cổ 2, 20
5. Ai cập cổ sử. 2, 50
6. Cận đại cổ sử. 1, 00
7. Nguồn gốc văn minh 2, 20
8. Luân lý thực nghiệp. 2, 50
9. Lê Thánh Tông. 3 00
10. Óc khoa học. 2, 20
11. Triết học là gì. 2, 50
12. Lý thường Kiệt. 2, 50

SẮP PHÁT HÀNH

NGUYỄN CÔNG TRỨ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

Giá: 5\$00

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN CỤC

CÁC BẠN ĐÓN XEM !

ĐẠI LÝ NỀN

DANH TRƯỚC

VANG BÓNG MỘT THỜI

của **NGUYỄN TUÂN**

Phải yêu mến dĩ vãng, phải tiếc thương và muốn vớt lại những vẻ đẹp đã qua, mới có thể làm sống lại cả một thời xưa được. Vì cái ý ấy, Nguyễn Tuân cũng đáng cho chúng ta cảm ơn rồi. Tác phẩm của ông lại có một giá trị sáng tác và văn chương đặt ông vào địa vị một nhà văn cho chúng ta nhiều hy vọng « Vang Bóng một thời » là một sản phẩm đáng quý, đánh dấu bước đường trở lại tìm những cái đẹp xưa mà các nhà văn ta thường sao nhãng.

THẠCH LAM

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN CỤC

Số 214 — Phố Hàng Bông — HANOI

Thanh-Niên

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY

- Tuần báo THANH NIÊN ra ở thủ đô miền Nam nước Việt, là một cuộc chung sức của tất cả các bạn làng văn Bắc, Trung, Nam.
- Cũng như thành phố Sài Gòn là nơi gặp gỡ to tát nhất, hoạt động nhứt hiện nay của người Việt Nam ba xứ, Tuần báo THANH NIÊN xuất bản ở Saigon, phản chiến sự chung đụng càng ngày càng chặt chẽ, thân ái của người trong nước.
- Tuần báo THANH NIÊN bàn luận những vấn đề sinh sống của xã hội.
- Tuần báo THANH NIÊN chăm chú sự tìm tòi học hỏi, nhưng không xao lãng sự sáng tác nghệ thuật.

ĐẠI KHÁI CÓ NHỮNG MỤC :

Luận thuyết; nghiên cứu về kinh tế, văn học, sử học; phê bình, nghị sử trên đàn văn ; dịch văn hay, tân truyện, tiểu thuyết, kịch, bút ký và thơ.

DO CÁC BẠN VĂN KHẮP NƯỚC VIỆT :

XUÂN DIỆU, VĂN NAM, THỦ GIANG, HUY CẬN, XUÂN VIỆT, DƯƠNG TỬ GIANG, BẮNG VÂN, NGUYỄN TỬ ANH, VŨ ĐÌNH LIÊN, BÌNH NGUYỄN LỘC, TẾ HẠNH, KHUÔNG VIỆT, NGUYỄN HỒNG, LÂM THAO, VŨ HOÀNG CHƯƠNG, LINH CHI, NHƯ PHONG, VĂN VÂN...

Thanh-Niên : TỜ BÁO HỢP NHẤT

THƯ TỜ VÀ NGÂN PHIẾU GỬI CHO : Ô. HUỲNH TẤN PHÁT. THANH NIÊN, 70, BƯỜNG MAYER, SAIGON

GIÁ BÁO : MỖI SỐ : 0đ30 ; BA THÁNG : 3đ50 ; MỘT NĂM : 14đ00 ; GIÁ ỦNG HỘ : 2000

THỎI - DẠI XUẤT BẢN CỤC

Xuất bản những sách có tính cách giáo dục và
== có giá trị đặc biệt về văn chương ==

TỔNG PHÁT HÀNH CÁC BÁO CHÍ

214, PHỐ HÀNG BÔNG,

HÀ NỘI

ĐÃ XUẤT BẢN:

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ của HOÀNG ĐẠO THÚY (hết, dương in lại)

TRUYỆN CỎ NƯỚC NAM của Ôn-như NGUYỄN VĂN NGỌC (hết)

VANG BÓNG MỘT THỜI của NGUYỄN TUÂN

BỐN BẢN CHÈO CỎ của nhạc sĩ NGUYỄN XUÂN KHOÁT mỗi bản 0\$20

DƯƠNG IN:

HƠI THỜ TÀN *truyện dài* của NGUYỄN HỒNG

NGẬM NGẢI TÌM TRẦM *tập truyện ngắn* của THANH TỊNH

CỎ HỌC TINH HOA của Ôn-như NGUYỄN VĂN NGỌC

SẼ XUẤT BẢN:

Ả Q CHÍNH CHUYỆN của Lỗ Tấn — ĐẶNG THÁI MẠ dịch

LA SƠN PHU TỬ của HOÀNG XUÂN HÂN

TRƯỜNG CA và PHẢN THÔNG VANG của XUÂN DIỆU

NGUYỄN của NGUYỄN TUÂN